NGÔ SĨ LIÊN

VÀ CÁC SỬ THẦN ĐỜI LÊ

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº E.50

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

Bản dịch của
MẠC BAO THẦN
có bổ khuyết theo
Khâm định Việt sử
và các sách ngoài

TRONG
Tủ sách dịch
TÂN VIỆT

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

Kho sách xưa Quán Ven Đường

BEFEO LIBRE
«INDOCHINE»
N° E. 10

NGÔ SĨ LIÊN
và các sử thần đời Lê

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ
TOÀN THƯ

Bản dịch của
MẠC BẢO THẦN
có bổ khuyết theo
KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ
và các sách ngoài

TRONG
Tủ sách dịch
TÂN VIỆT
1945

16° Indoch.
823 (1)

Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán Huỳnh Chiếu Đẳng

TỦ SÁCH DỊCH

Đã xuất bản

Sử ký Tư mã Thiên *(giá 16$00)*
Tây sương Ký *(hết — sắp tái bản)*
Thơ Đỗ Phủ *(hết)*
Ly Tao *(giá 6$00)*
Thế giới mới *(hết)*
Thanh niên trước thế giới mới *(hết)*
Nghệ thuật làm việc *(hết)*
Vườn Hồng *(giá 1$10)*
Nghìn lẻ một đêm *(quyển I đã tái bản 2$50 quyển II III và IV (đều hết) — quyển V (2$50) — quyển VI (2$50) — quyển VII (2$80)*
Nghìn lẻ một ngày *(một quyển trọn bộ 5$00)*
Truyện dị thường *(quyển I — 4$50 quyển II 4$50)*
Thối thực kỳ văn *(giá 7$50)*
Những kẻ lang thang *(giá 6$00)*
Lam sơn thực lục *(giá 6$00)*

Đang in

Khổng Tử — Kinh Thư
Trang Tử — Nam hoa Kinh
Đại việt sử ký toàn thư *(tập hai)*

Nhà xuất bản TÂN VIỆT Hanoi

CÙNG BẠN ĐỌC

Một điều chúng tôi lấy làm ấy-náy và phàn-nàn nhất là sự mờ mịt của số đông anh-chị-em đối với lịch-sử nước nhà.

Điều đó chắc các bạn cũng cùng cảm như chúng tôi. Mà điều đó chẳng phải bắt đầu tự đâu đời chúng ta...

Ông, cha ta, có thể nói rằng, học mở lòng bằng các sách sử... Nào sách Tiết! Nào sách Hán! Những cuốn sách mà một người ít học nhất trong lớp các ngài cũng phải có đọc, đều là sách sử cả!.. Thế nhưng ấy lại là những sách sử Tầu!..

Còn sử ta? Tôi có thể nói mà không sợ mang tội với các cụ rằng: chính những cụ Tú, cụ Cử, phần nhiều cũng chẳng biết đầu đuôi ra sao hết!

Cho nên những bộ sử ta, như Đại Việt Sử-Ký, Khâm-định Việt-Sử *rất hiếm thấy ở các nhà sản Trinh, cửa Khổng . . Chỉ hai mươi bảy cuốn sử Tầu thì nhà nào cũng có . .*

Nguyên nhân: Theo phép khoa-cử cũ, ở trường Hương, người ta chỉ hỏi về Bắc-sử! Mãi vào thi Hội, thi Đình, mới có hỏi đến Nam-sử! Nam sử, ai có muốn đỗ Trạng-Nguyên, Tiến-sĩ mới cần học đến mà thôi! Ngày nay nghĩ lại, ta thật không hiểu tại sao con cháu các cụ Trần-quốc-Tuấn, Lê-Lợi Nguyễn-Huệ lại quá «khinh Nam trọng Bắc» như thế cho đành!

Rồi đó đến hồi nước ta thoát ly quan-hệ với nước Tầu. Mãi hồi ấy, sử Nam mới được dùng làm đầu-bài luận, và câu-hỏi văn-sách trong các trường thi Hương. Nhưng thế lực nó vẫn thua sử Tầu. . Chứng-cớ: các học trò đi thi hồi ấy, về sử Tầu, vẫn phải học bộ sử Thiếu-Vi *chồng một chồng cao! Còn về sử ta, chỉ thường dùng có bộ Sử ước của cụ Ngô-giáp-Đậu hay cụ Hoàng-Đạo-Thành, bộ thì hai, bộ thì bốn cuốn.*

Thời-thế đổi. Khoa cử đổi. Lớp chúng ta đã cảm sâu đến cái khổ mờ-mịt về sử bản-quốc. Muốn tìm biết, bởi có không đọc nổi chữ Hán, chúng ta chỉ trông vào mấy cuốn Sử-lược của tí người Pháp cùng của ông Trần-trọng-Kim.

Nhưng những cuốn ấy chưa được thật vừa lòng chúng ta.

Cho thật vừa lòng chúng ta, cần phải một bộ Việt-sử đầy đủ hơn và thiện-mỹ hơn.

Cái đó, phải đợi một cây sử bút thật cứng cáp, chẳng những có tài viết sử, mà còn phải có học xét sử; chẳng những đọc rộng, đi nhiều, giầy công khảo-cứu; mà còn phải biết làm việc theo phương-pháp sử học ngày nay.

Cây bút non nớt của chúng tôi tự biết còn xa mới với tới những công việc ấy. Nhưng ai nỡ cấm một tên lập việc có cái xa vọng có ngày trở nên một người phó cả?...

Cho được bắt đầu, chúng tôi hãy tìm dịch những sử liệu bằng chữ Hán ra quốc-văn. Cho nên sau cuốn Lam-Sơn Thực-Lục, *chúng tôi dịch bộ* Đại-Việt Sử-Ký *này. Và so sánh với bộ* Khâm-Định Việt-Sử, *cùng các sách ngoài như* Văn-Hiến Thông-Khảo, Lịch-Triều Hiến Chương, *v. v. Nếu có chỗ nào thiếu sót, dị-đồng, lại dịch phụ thêm ở dưới. Cùng một mục-đích này, chúng tôi sẽ dịch tiếp vào, bộ* Khâm-định Việt Sử *và bộ* Bản-Triều Thực-Lục *Và cũng phụ thêm cả những tài liệu tìm thấy ở các sách của người Pháp và các đã-sử đời Tây-Sơn.*

Chúng tôi thành tâm cảm tạ trước các bạn sẽ chỉ bảo những chỗ sai lầm, và bổ-chính cho những điều thiếu sót.

Đêm Trùng-Thập Giáp-Thân (1944)

Bảo Thần

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

TỰA

Sử là để chép việc. Mà việc đó hay hoặc dở dùng để khuyên, răn cho đời sau. Thuở xưa, các nước đều có sử riêng. Tức như *Xuân-Thu* của nước Lỗ, *Đào-Ngột* của nước Tấn, *Thặng* của nước Sở, ấy là sử cả. Nước Đại-Việt ở phía Nam rẫy Ngũ-Lĩnh : Đó là Trời ngăn ra Nam, Bắc.. Thủy-Tổ ta ra từ dòng-dõi vua Thần-Nông : Đó là Trời mở ra bậc chúa-tể thật đáng vì... Vì vậy nên có thể cùng với các triều bên Tầu đều xưng *đế* ở một phương.. Phiền nỗi : Sử-sách thiếu-hẳn ghi-chép, mà sự thực chỉ là nghe truyền... Văn : chen cả hoang-đường ! Việc : hoặc khi quên, sót ! Cho đến : viết-lách sai-lẫn ; ghi-chép đài-dòng... Chỉ làm bận mắt ! Còn có gì đáng trông soi nữa ! Đến vua Thái-Tông nhà Trần mới truyền quan Học-sĩ Lê-văn-Hưu sửa lại : từ

Vũ-đế nhà Triệu trở xuống tới năm đầu Chiêu-Hoàng nhà Lý. Vua Nhân-Tông triều ta (Hậu-Lê) lại truyền quan Tu-sử Phan-Phu-Tiên chép nối từ đời Trần Thái-Tông trở xuống tới hồi người Minh trở về nước. Đều gọi là *Đại-Việt-Sử-Ký*. Rồi đó sự tích các đời, mới rõ-ràng đáng để làm gương. Văn-Hưu là tay bút lớn đời Trần! Phu-Tiên là bậc lão-thành triều Thánh! Đều vâng chiếu chép về sử của nước mình. Rộng tìm các sử sót lại, góp-họp thành sách. Khiến cho kẻ xem đến đời sau, không còn gì đáng ân-hận, thì được... Nhưng biên-ghi còn có chỗ chưa đủ; nghĩa-lệ còn có chỗ chưa hợp; văn chương còn có chỗ chưa xuôi... Người đọc không thể không bực mình được! Riêng có bộ *Việt-Sử-Cương Mục* của Hồ-Tông-Thốc làm ra thì chép việc thận-trọng mà có phép; bình việc thiết-đáng mà không thừa; có lẽ cũng đã khá... Thế nhưng sau cơn binh-lửa, sách ấy không còn truyền! Cho hay việc làm nên là rất khó-khăn: Chừng như còn phải có chờ-đợi...

Hoàng-Thượng ta trung-hưng, sùng nho, trọng đạo, sửa điển, xét văn... Khoảng niên-hiệu Quang-Thuận, mới hạ-chiếu tìm các dã-sử, cùng các truyện-ký xưa, nay, mà các nhà còn cất giấu được. Hết thảy truyền cho tâu lên, để phòng khi tham-khảo đến. Lại sai các nho-thần bàn-bạc biên-sắp. Tôi hồi trước ở Sử-Viện từng

được tham-dự. Tới khi lại vào thì sách ấy đã dâng lên, cất vào Đông-Các, không được trông thấy nữa. Trộm nghĩ, mình may gặp buổi văn-minh, thẹn không tài báo đáp... Nên chi chẳng nề ngu-dốt, đem sách của hai bậc Tiên-chính, sửa sang, mài gọt, thêm vào một cuốn « *Ngoại-Kỷ* », gồm ngần này cuốn, đặt tên là « *Đại-Việt Sử-Ký toàn-thư* ». Việc có thiếu sót thì bù thêm; lệ có chưa đáng thì chữa lại; văn có không xuôi thì đổi đi... Gián-hoặc có điều chi hay, dở, có thể dùng để khuyên-răn, thì lại phụ thêm ý quê xuống bên dưới. Rất biết mình hổn xược, ngông-cản, không trốn sao khỏi tội... Nhưng chức-phận đáng làm không dám lấy biết hẹp, tài hèn làm cớ... Kính chép hầu thành sách, để lại Sử-Quán. Tuy chưa định được phải, trái chung với muôn năm, nhưng cũng đủ giúp ít-nhiều cho người kê-cứu về sau.

Niên hiệu Hồng đức thứ mười, năm Kỷ Hợi, tiết Đông-Chí.

Cho đậu Đồng-tiến-Sĩ khoa Nhâm-Tuất niên-hiệu Đại-Bảo, Hữu-Thị-Lang bộ Lễ, Triều-liệt, Đại-phu, kiêm Tư-Nghiệp trường Quốc-Tử-Giám kiêm Tu-soạn Sử-quán, *Ngô Sĩ-Liên* tựa.

BIỂU DÂNG SÁCH

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

Hữu-Thị-Lang bộ Lễ, Triều-Liệt đại-phu, kiêm Tư-Nghiệp trường Quốc-Tử-Giám, kiêm Tu-soạn Sử-Quán, tôi là Ngô Sĩ-Liên.

Nhân nay cúi đội ơn Thánh, cất tôi vào chức trong Quán, tôi đem hai bộ sách « *Đại Việt Sử-Ký* » đời trước, tham-khảo với Dã-sử, biên tập thành bộ « *Đại Việt Sử-Ký toàn thư* ». Kính viết cẩn-thận làm mười lăm cuốn tâu lên...

Tôi, Ngô-Sĩ-Liên, thực hoảng, thực sợ, cúi đầu, dập đầu thưa trình :

Cúi xét :

Gió văn lan rộng, vừa gặp khi vận cả đương lên.

Bút sử sửa lần, chép lại chuyện đời xưa cho rõ.

Ý nông-hẹp dám bầy tỏ hết.
Lượng cao-sang mong thấu suốt cho !
Tôi trộm nghĩ :
Chuyện xưa có sử là sách đáng tin.
Nhà nước coi nó là việc khá lớn :
Dùng để chép quốc-thống khi tan, hợp ;
Dùng để rõ chính-trị khi thịnh, suy.
Còn mong treo gương sáng lại đời sau ;
Chẳng những xét cơ-mầu về thuở trước. . .
Hay, dở phải khen, chê đủ lẽ, họa có ích cho việc khuyên, răn !
Bút-nghiên cần khó - nhọc lâu công, mới đáng kề là tay trước-thuật !
Phải rằng viết bậy !
Hồ dễ nói chơi !
Kề sách « *Đại Việt sử ký* » nước nhà,
Chép chuyện chính-trị các vua đời trước :
Thường chống chọi các triều phương Bắc.
Vẫn đối truyền một cõi trời Nam...
Ức, muôn năm dòng chính đối trao : núi cao, biển cả...
Năm, bầy lớp sử xưa rực-rỡ : chúa thánh vua hiền..
Dù hay, hèn có lúc chẳng đều,
Nhưng hào-kiệt chưa đời nào thiếu !
Trông về dấu cũ,
Vẫn đáng lòng tin.

Từ trước đời Ngô, ngao-ngán nỗi loạn nhiều trị ít !,
Rồi sau triều Lý, giần-già xem thời đổi, thế dời !

Trị mãi rồi, biến-loạn nầy ra !
Sương chớm xuống, tuyết, băng sắp tới !...
Cướp quyền-chính, lũ gian thần được thể !
Lấn đất-đai, quân địch-quốc thừa cơ !
Binh tung sang, căm lũ giặc Minh giáo, gươm đầy đất !
Lửa đốt sạch, thương ôi vận nước, sách vở đi đời !
Muốn tìm sự tích sau cơn khói lạnh, tro tàn,
Thật rất khổ tâm về nỗi nét sai, chữ sót !
Mừng nay triều Thánh
Tìm kiếm sử xưa.
Chiếu trời ban xuống cầu, mua.
Sách lạc trước, sau họp-tập.
Đã sắc các triều-thần soát-xem, bàn-bạc ;
Lại truyền cho sử-quán sửa chữa, điểm-tô.
Bỏ hết phù-hoa ;
Cốt sao xác-thật !
Tôi đương buổi ra vào quán-các,
Được dự hàng theo rồi bút-nghiên...
Chẳng may gặp phải dớp nhà,
Không kịp thấy khi nên sách.
Nghĩ chí cũ chưa đền muôn-một,

Đem sách xưa thêm sửa ít nhiều :
Đủ sự-tích vua, tôi các triều ;
Bầy duyên-cớ thịnh, suy mọi lẽ...
Năm đủ vòng ở trên mà đạo Trời tỏ rõ ;
Vua chính ngôi ở dưới mà dân-nước gầy nên.

Cho đến các chế-độ, mối-diềng,
Cũng là chuyện lễ-văn, đánh rẹp,
Hết thảy đều :
Sai-lầm thì sửa-chữa ;
Thiếu sót thì bù thêm.
Phụ lời bàn nông-hẹp để phát-minh.
Cho những lẽ quan-hệ đến phong-hóa.
Lại thêm vào tập Hồng-Bàng, Thục-Vương ngoại-kỷ »,
Lấy tên là bộ « *Đại-Việt Sử-Ký toàn-thư* ».
Hiện đã thành pho,
Gồm ngần này cuốn.
Năm, biên-chép theo gương Mã-sử, (1) chắp, vá thẹn riêng !..
Việc, sắp-bầy học phép Lân-Kinh (2) nghiêm-trang dám đọ !..

---

(1) Sử-ký của Tư-Mã-Thiên.

(2) Sách Xuân-Thu của Khổng-Tử. (Vua Lỗ đi săn, bắt được con lân. Khổng-Tử cảm việc đó bèn sửa lại sử nước Lỗ làm sách Xuân Thu chép đến việc « bắt được con lân » thì tuyệt bút !)

Nhưng lối học tri-tri, cách-vật,
Cùng lẽ thường thiên-đạo, nhân-luân,
Thư-nhàn hoặc-giả những khi,
Xem đọc cũng là có ích.
Tin còn đó mà ngờ còn đó, nghiệp sách đèn mong khỏi thẹn cùng...
Việc ra sao thì chép ra sao, dấu văn-hiến họa còn xét thấy !

Tôi, Ngô-**Sĩ-Liên**, xem Trời, trông Thánh, tình kẻ dưới khôn xiết thiết-tha run-sợ rất mực, kính trang-hoàng thành bộ, phong đủ, kèm theo biểu dâng lên.

Niên-hiệu Hồng Đức thứ mười, năm Kỷ Hợi, tiết Đông-Chí.

Hai câu này, tác giả dụng công đem chữ « lân » đối với chữ « mã » (con ngựa). Đó là một lối *chơi chữ* của các nhà làm văn *biền-ngẫu*. — Cả bài này viết theo lối *Tứ-Lục*. Các *chế*, *chiếu* của nhà-vua cũng các *biểu* của các quan từ đời Tống về sau thường hay dùng lối ấy. Sở-dĩ gọi là *tứ-lục*, vì trong một câu, đoạn trên thường 4 chữ mà đoạn dưới thường sáu chữ. Nó là một trong các loại văn *biền-ngẫu* (hai vế đối chọi nhau).

PHÀM-LỆ VỀ VIỆC SỬA SOẠN

« Đ. V. S. K. T. T. »

1) Việc làm ra bộ sách này gốc ở hai bộ **Đại-Việt Sử-Ký** của Lê-Văn-Hưu cùng Phan-Phu-Tiên. Lại tham-bác với **Bắc-sử**, **Dã-sử**, với các sách **Truyện**, Chí, cùng với các điều được nghe, được thấy, được truyền-dậy. Khảo-xét, biên-sắp mà làm ra nó. **Sử xưa chép** (*Bản-Kỷ*) **bắt đầu từ vua Ngô**. Ấy là vì có nhà-vua vốn người nước Việt ta, trong lúc Nam, Bắc phân-tranh, có tài dẹp loạn, dấy nước, để kế-tiếp chính-thống của Hùng-Vương, Triệu-Vũ. Nay theo sách của Vũ-Quỳnh trước thuật : Bản-Kỷ chép bắt đầu từ Đinh Tiên-Hoàng, để tỏ ra rằng nhà vua đã thống-nhất được cả nước.

2) Các đế, vương, các đời ở ngôi lâu hay chóng : Vị đế trước, vương trước, sáng - nghiệp vào năm nào thì lấy năm ấy làm năm bắt đầu ở ngôi. Đến năm nào mất, hoặc nhường ngôi, hoặc bị thí, rồi vị đế sau, vương sau lên ngôi, đổi niên-hiệu (vào mùa Thu, mùa Đông) thì năm ấy còn là năm ở ngôi cuối cùng của vị đế trước, vương trước. Hoặc - giả vị ấy mất hay nhường ngôi vào mùa Xuân, mùa Hè năm nào đó, thì năm ấy là năm bắt đầu ở ngôi của vị đế sau, vương sau. Mà các tháng Xuân, Hè là những tháng lẻ và thừa của vị đế trước, vương trước. Nếu mất hay nhường ngôi ở cuối năm, kể ngược lại những năm ở ngôi, còn có những tháng không hết, thì cũng là những tháng lẻ và thừa. Đến như Dương-Nhật-Lễ tiếm ngôi tuy đã qua năm, nhưng lịch-sổ nhà Trần còn tiếp nhau, nên chi đem năm trước cho thuộc về Dụ-Tông, năm sau cho thuộc về Nghệ-Tông mà tinh suốt đi. Chỉ chép phụ chuyện Nhật-Lễ.

3) Kinh-Dương-Vương là ông vua bắt đầu được phong sang Đại-Việt, đồng-thời với Đế-Nghi (bên Tầu), cho nên kỷ-nguyên cùng với năm đầu của Đế-Nghi.

4) *Những việc chép trong Ngoại-kỷ gốc ở Dã-sử.* Việc nào quái lạ quá thì bớt đi không chép. Từ Hùng - vương trở lên không có niên biểu, là vì thứ-tự truyền-ngôi của các vua đời ấy không thể sao biết được. Hoặc có kẻ nói là mười tám đời, e chưa chắc hẳn thế !

5) Nhà Triệu ngang với đời các vua Cao, Huệ, Văn, Cảnh nhà Hán (bên Tầu). Lấy tháng Kiến-Hợi (tháng mười Âm-lịch ngày nay) làm tháng đầu năm ấy là khảo theo sách Cương Mục của thầy Chu, (1) họa chăng chẳng đến nỗi lầm. . .

6) Dưới Can, Chi mỗi năm, chỉ chia chua các vua nối dõi chính-thống các đời (bên Tầu). Ngoài ra các nước đều không chép, vì họ không tiếp-xúc gì với ta. Như việc các vua Ngô, Ngụy, Nam-Hán, có tiếp-xúc với ta, thì chép : chúa Mỗ. . .

7) Phàm chép việc nào mà có can-thiệp đến các việc trước, sau nó, thì chép lớn việc ấy, mà chua các việc trước, sau ở dưới, ngõ-hầu được nghe, thấy không sót.

8) Vua các đời bên Tầu đều chép là *Đế*, vì cùng ta đều làm đế một phương.

9) Phàm người nước Việt ta, tức giận người Tầu lấn-hiếp, bạo ngược, nhân lòng dân rất ghét, đánh giết Thái-Thú các quận để tự-lập, đều chép là **nổi quân**, và chép cả quốc-hiệu. Ai chẳng may mà thua rồi mất nữa, cũng chép là **nổi quân** để tỏ ý khen.

10) Đời Sĩ-vương, tuy nhà chúa có giữ chức Thái-Thú, nhưng lấy địa-vị Chu Hầu mà trị nước...

---

(1) **Chu-Hy, một đại-nho đời Tống.**

Người trong nước đều gọi là chúa (vương): chức Thái-Thú chỉ là đề không... Thế mà chúa là bậc đáng quý-trọng, có oai phục được trăm giống Mường, không kém gì Triệu-Vũ. Các đời sau đều truy phong tước **Vương**. Cho nên nếu chúa ra, đặt ngang với các Vương khác.

11) Các Nam-đế đời Tiền, Hậu Lý là hiệu gọi đương thời, chưa có thật lên ngôi hoàng-đế. Cho nên sống thời chép là *đế*, mà mất thì chép là *hoằng*, theo lệ các chúa Chư-Hầu.

12) Đời Triệu-Việt-Vương, Lý-Thiên-Bảo tuy có xưng vương lập nước, nhưng sự tích nhỏ-mọn. Quốc-thống thì đã thuộc về Việt-vương. Cho nên chép phụ với nhà Triệu.

13) Bố-Cái đại-vương, hào, giầu, có sức-khỏe, cũng là tay anh-hùng một thời. Nhưng nhân lúc loạn, dàng kế của Đỗ-Anh-Hàn, vây phủ Đô-Hộ. Viên quan cai-trị ốm chết, mới vào ở trong phủ. Chưa kịp chính-vị-hiệu liền mất ngay. Người con mới tôn cha lên tước Vương. Cho nên chép nhỏ đi...

14) Các quan cai-trị người Tầu, nếu có chính tích tốt, tất chép. Mến người tốt, ghét kẻ xấu, lòng ai cũng thế. Đó là lẽ công bằng ở đời...

15) Mười hai Sứ-Quân, nhân lúc thời-thế không ai chủ-trương, đều chiếm đất giữ lấy mình, không ai thu-phục được ai. Thế nhưng Ngô-Xương-Xý thì chép là chính-thống, vì là dòng dõi họ Ngô.

16) Dương-Tam-Kha, hai vua họ Hồ đều theo lệ chép Vương-Mãng cướp ngôi (ở sử Tầu); chép nguyên tên, ấy là để ngăn bọn lấn quyền, cấp nước!

17) Lê-Đại-Hành tuy nối dõi chính-thống, nhưng khi Vệ-vương Toàn còn sống thì niên-hiệu hãy chưa nhỏ, theo như Tống-Thái-Tổ với Chu-Trịnh-Vương.

18) Lê-Trung-Tông lên ngôi được ba ngày liền gặp nạn. Nhưng các Vương tranh ngôi nhau gồm tám tháng, thực là ở năm Trung-Tông nối ngôi. Cho nên chép ngài làm vua, để chính tội thí vua cướp nước của Ngọa-Triều. Mà kể là nối ngôi được một năm.

19) Vệ-vương, Linh-Đức trước đã lên ngôi đế, sau bị giáng xuống tước **Vương**. Theo phép Sử, chép là Phế-đế (vị hoàng-đế bị người ta phế bỏ)

20) Giản-Định lên ngôi, đặt niên-hiệu ở tháng mười năm Đinh-Hợi. Vậy mà kể là một năm, ấy là trọng vua chính-thống, truất phường tiếm-ngụy. Chép « **Năm đầu hiệu Thiện-Khánh** » cũng cùng lẽ ấy.

21) Cuối nhà Trần, sau hai vua họ Hồ, người Minh gồm chiếm cộng là hai mươi năm. Vậy mà chỉ lấy bốn năm cho là thuộc Minh. Ấy là vì trước năm Quý-Tỵ, Giản-Định, Trùng-Quang còn là đảng nhà Trần; sau năm Mậu-Tuất, thì Thái-Tổ Cao-Hoàng-đế triều ta đã nổi nghĩa-binh...

Cho nên không chép là **thuộc Minh**, cốt để chính lấy quốc thống.

22) Tên người, tên đất, xét đủ có chứng có thì chua xuống dưới. Không thì để khuyết.

23) Phàm chép ngày, sử-cũ nếu bỏ thiếu Can, Chi thì tính theo thứ tự ngày mà chép bù vào.

24) Phàm chỗ nào sửa lại lầm-lẫn, tất phải chua rõ duyên-cớ vì sao, ngõ-hầu không bị sử-cũ mê-hoặc. Nếu khi còn có lầm lẫn nữa, ai người biết xin sửa-chữa cho.

Lời bàn của kẻ dịch

Xem các **phàm lệ** trên này, ta thấy các nhà viết sử xưa đầy những chủ-quan ! Cái đó gây ra tự kinh **Xuân - Thu** của thày Khổng : Thà đã muố n«ngụ ý khen chê, phân biệt hay, dở » trong khi viết **bộ sách băm nhau** đó ! Các tín đồ của thày về sau, các nhà chép sử theo lối **biên-niên**, đều là theo một sáo ấy cả. Ta đọc coi, cũng cho biết quan-niệm lịch-sử của các nhà tho·

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

NGOẠI KỶ

CUỐN THỨ NHẤT

Triều-Liệt Đại-phu, Tư-nghiệp trường Quốc-tử-giám, Kiêm Tu-soạn trong Sử-Quán, tôi, Ngô-Sĩ-Liên, chép.

Xét ra : đời Hoàng-đế dựng ra muôn nước, (1) lấy nước Giao-Chỉ là ở cõi Tây-Nam xa ở ngoài Bách-Việt 百粵 (2) Vua Nghiêu sai họ Hy ở Nam-Giao (3) định đất Giao-chỉ ở phương Nam Vua Đại Vũ chia chín châu, thì Bách-Việt là đất châu Dương giao chỉ thuộc vào đấy (4). Đời Thành-Chu mới xưng là họ Việt-Thường 越裳. Tên Việt bắt đầu từ đời ấy

TRIỀU HỌ HỒNG BÀNG

KINH DƯƠNG-VƯƠNG

Húy là Lộc-Tục, dòng dõi họ Thần - Nông Nhâm-Tuất, năm đầu.

Xưa cháu ba đời Viêm-đế họ Thần-Nông là Đế - Minh sinh ra Đế-Nghi. Rồi đó sang tuần phương Nam, đến rẫy Ngũ-Lĩnh, tiếp được Vụ Tiên-Nữ, sinh ra Vương (Lộc-Tục). Vương là bậc thánh, trí, thông, minh. Đế-Minh yêu quý lạ, muốn cho nối-ngôi. Vương cố nhường cho anh mình, không dám vâng mệnh. Đế-Minh vì thế lập Đế-Nghi làm con nối dòng, trị phương Bắc. Lại phong Vương làm Kinh-Dương-Vương, trị phương Nam, đặt tên nước là Xích-Quỷ (4 bis) (quỷ đỏ) Vương lấy con gái chúa Động-Đình tên là Thần Long, sinh ra Lạc-Long-Quân.

Xét sách của đời Đường có chép: « ... Khi ấy có người đàn bà chăn dê, tự nói là con gái nhỏ của chúa Động-Đình gả cho con thứ chúa Kinh-Xuyên, bị chồng duồng dẫy... Gửi thư nhờ Liễu-Nghị tâu với chúa Động-Đình... » Vậy thì ra Kinh-Xuyên cùng Động-Đình đời đời gả con cho nhau, kể đã từ tâu... (5)

LẠC-LONG-QUÂN

Húy là Sùng-Lãm, con Kinh-Dương-Vương.

Nhà vua lấy con gái Đế-Lai là nàng Âu-cơ, sinh ra trăm trai. **Tục truyền là sinh ra trăm trứng.** (6) Ấy là tổ của Bách-Việt (trăm giống Việt).

Một hôm vua bảo Âu-Cơ rằng: « Ta là giống Rồng! Nàng là giống Tiên! Thủy, Hỏa khắc nhau, sum-họp thực khó!... » Bèn cùng nàng ly-biệt nhau.... Chia năm chục con theo mẹ về núi; năm chục con theo cha ở miền Nam. Có sách chép là về Biển-Nam. Phong người con cả là Hùng-vương, nối ngôi vua.

Sử-thần Ngô-Sĩ-Liên bàn rằng:

Lúc Trời, Đất mới mở-mang, gây dựng, có giống do khí hóa-sinh ra... Ấy tức như vua Bàn-Cồ. Có giống do khí hóa sinh ra, rồi mới có giống do hình hóa-sinh ra.. Không giống nào là không do ở hai khí Âm và Dương. Kinh Dịch dạy rằng: « Trời, Đất ấp-ủ: muôn vật nảy nở... Trai,

gái góp tinh ; muôn vật hóa sinh ; . . » Cho nên có chồng, vợ rồi mới có cha, con. Có cha, con rồi mới có vua tôi. Nhưng mà các bậc thánh, hiền sinh ra, tất khác với người thường... Ấy là bởi Trời xui-khiến... Nuốt trứng chim én mà sinh ra tổ nhà Thương,.. Dẫm vết chân người Khổng-lồ mà gây nên tổ nhà Chu... Ấy đều là chép chuyện có thực thế!... Dòng-dõi họ Thần-Nông là Đế-Minh được Vụ-Tiên-Nữ mà sinh Kinh-Dương-vương, ấy là Thủy-Tổ dân Bách-Việt ! Vương lấy nàng Thần-Long (rồng thần) mà sinh Lạc-Long. Lạc-Long lấy con gái Đế-Lai mà sinh - dục có điềm lành trăm trai. Ấy chính vì thế mà gây dựng được nền nước Việt ta đó chăng ? Xét về *Ngoại-kỷ* sách *Thông-Giám* (sử Tầu) thì Đế-Lai là con Đế-Nghi ! Cứ theo chuyện chép ở đây thì Kinh-Dương-Vương là em Đế-Nghi. Vậy mà lại giáu-gia với nhau ! Ấy là vì đời còn hồng-hoang, lễ-nhạc chưa tỏ-rõ cho nên thế đó chăng ?

HÙNG - VƯƠNG

Con Lạc-Long-Quân **không rõ tên húy**. Đóng đô ở Phong-châu, **tức nay là huyện Bạch Hạc** (7). Khi Hùng-vương (8) lên ngôi, dựng nước gọi là nước Văn-Lang. Nước ấy phía Đông giáp Biển-Nam ; phía Tây tới Ba-Thục ; phía Bắc đến hồ Động-Đình ; phía Tây tiếp với nước Hồ-Tôn, tức nước Chiêm-Thành, mà là tỉnh Quảng-Nam ngày nay ! (9) Chia nước làm mười lăm bộ. (10)

Rằng Giao-Chỉ ; rằng Châu-Diên, rằng Vũ-Ninh ; rằng Phúc-Lộc ; rằng Việt-Thường ; rằng Ninh-Hải ; rằng Dương-Tuyền ; rằng Lục-Hải ; rằng Vũ-Định ; rằng Hoài-Hoan ; rằng Cửu-Chân ; rằng Bình-Văn ; rằng Tân-Hưng ; rằng Cửu-Đức ; cho các bề tôi cai-trị. Còn bộ Văn-Lăng tức là nơi nhà vua đóng đô. Đặt ra tướng văn gọi là lạc-hầu ; tướng võ gọi là Lạc-tướng. **Lạc tướng sau lầm là hùng tướng.** Con vua gọi là quan lang. Con gái vua gọi là mị-nàng. Các quan coi việc gọi là bồ-chánh. Đời đời cha truyền cho con gọi là phục-đạo. Vua đời ấy đều gọi là Hùng-vương.

Khi ấy dân ở núi rừng thấy nước ở các khe các sông lớn, nhỏ, đều họp đông cá, tôm, bèn đem nhau bắt lấy mà ăn. Bị rắn và thuồng luồng làm hại, bèn tâu với vua. Vua nói : « Các giống mán ở núi, thực khác với loài ở nước. Chúng yêu cùng giống, ghét khác nòi, cho nên có nạn ấy ! » Bèn sai nhân dân lấy vết mực vẽ các loài thủy quái vào mình. Từ đó thuồng-luồng trông thấy họ, không làm hại bằng sự cắn chết. Tục *chổ* mình của dân Bách-Việt chắc bắt đầu từ đấy.

Đời vua Hùng-Vương thứ sáu, về bộ Vũ-Ninh, ở làng Phù-Đổng (làng Gióng) có ông nhà giàu sinh một con trai. Hơn ba tuổi, ăn, uống, to béo, không biết nói, cười ! Xảy khi trong nước có giặc. Vua sai người cầu kẻ nào có tài lui được quân giặc. Hôm ấy đứa trẻ thình-linh biết nói, bảo

mẹ nó mới sứ giả nhà Trời (nhà vua) đến, và nói rằng : « Xin cho một thanh gươm, một con ngựa ! . . . Nhà vua không phải lo chi cả ! » Nhà vua cho nó thanh gươm, con ngựa. Đứa trẻ liền nhảy ngựa, vung gươm đi trước. . Quan quân theo sau, phá giặc ở chân núi Vũ-Ninh. Giặc tự-nhiên giở giáo đánh lẫn nhau ! Số chết rất đông. Dư đảng quỷ lấy la-liệt, hô là tướng nhà Trời ! Lập tức đều lại đầu hàng. Đứa trẻ nhảy ngựa lên không mà đi ! Nhà vua sai mở nơi vườn nhà nó ở, lập đền tuần-tiết thờ phụng. Sau vua Lý-Thái-Tổ phong là Xung-Thiên Thần-Vương. **Đền thờ thần ở làng Phù-Đổng bên chùa Kiến-Sơ.** (10 bis)

Đời Chu-Thành-Vương, nước Việt ta, chưa rõ vào đời vua thứ mấy, mới sang sinh bên nhà Chu. Xưng là họ Việt-Thường dâng con tê trắng (11). Chu-công nói : « Chính lệnh không tới, quân-tử không coi người ấy là bề tôi. . . » Sai làm cỗ xe **chỉ-nam**, đưa đường cho trở về nước nhà.

Bấy giờ vào đời cuối... Nhà-vua có người con gái là Mỵ-Nàng đẹp mà xinh ! Vua nghe tin ấy, đến với Nhà-vua, xin cưới làm dâu. Nhà vua toan ưng theo. Hùng-hầu can nhà vua rằng : « Hắn muốn mưu lấy nước ta, mượn chuyện hôn-nhân là cớ đó thôi ! » Vua Thục vì thế ngậm hờn. Nhà vua muốn tìm người

đáng sánh đôi, liền bảo bầy tôi rằng : « Con ấy là giống tiên ! Kẻ nào tài-đức gồm đủ mới có thể làm rể được ! » Khi ấy thấy có hai người từ ngoài vào, lậy ra mắt ở dưới sân, xin được làm rể. Nhà-vua lấy làm lạ mà hỏi họ. Họ thưa rằng : « Một người là Sơn-Tinh. Một người là Thủy-Tinh... Đều ở trong bờ-cõi. Nghe tin nhà vua sáng-suốt có cô gái thánh, nên dám tới xin chờ mạng-lệnh... » Nhà vua nói : « Ta có một gái há dễ được hai rể hiền ! » Bèn hẹn hôm sau, ai sắm đủ lễ cưới đến trước thì cho... Hai người hiền vâng dạ, lạy tạ ra về. Hôm sau Sơn-Tinh đem bạc, vàng, ngọc báu, cùng các món chim núi, muông đồng tới dâng. Nhà vua y hẹn gả cho. Sơn-Tinh đón về ngọn núi cao nhất trong dẫy Tản-Viên, ở đó... Thủy-Tinh cũng đem của cưới đến sau, hối hận không kịp... Bèn nổi mây, rấy mưa, dồn nước tràn rẫy, đem các thủy tộc đuổi theo. Nhà-vua cùng Sơn-Tinh dương lưới sắt chắn ngang thượng-lưu miền Tù-Liêm để chống lại. Thủy-Tinh theo lối sông khác, từ Lý-Nhân vào chân núi Quảng-Oai. Rồi ven bờ lên cửa sông Hát ; ra sông Cái, vào sông Bờ đánh núi Tản-Viên !... Nơi nơi đào thành vực, thành đầm, chứa nước để tính việc đánh úp ! Sơn-Tinh dùng phép thần-thông biến-hóa, gọi được người Mán, đem tre làm phên chống nước... Lại dùng nỏ để bắn... Các giống có vảy, có mu, trúng tên chạy

tránh, rút lại không sao xâm phạm nổi. **Tục truyền Sơn Tinh Thủy Tinh về sau thành kẻ thù truyền kiếp ! Hằng năm kỳ nước cả, họ thường vẫn đánh nhau !** (12)

Tản-Viên là núi cao nhất nước Việt ta ! (?) Sự linh-ứng của Thần rất là nghiệm rõ ! Mỵ-Nàng đã gả về Sơn-Tinh, Vua Thục cũng tức giận : đời lại con, cháu tất phải diệt vua Văn-Lang mà chiếm lấy nước ! Đến đời châu, là Thục-Phán, có sức-khỏe và mưu-lược, bèn đánh lấy mất nước Văn-Lang.

Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn rằng :

Trong đời Hùng-Vương, lập Chư-Hầu làm phên giậu. Chia nước làm mười lăm bộ. Ngoài mười lăm bộ đều có các quan giúp việc, mà các con vua cứ thứ-tự chia nhau ra mà trị. Còn năm chục người con theo mẹ về núi, biết đâu là không cũng như thế ? Chắc là mẹ thì làm vua mà các con thì đều làm chúa một phương : Cứ xem như các chúa Mường ngày nay có danh-hiệu Nam-phụ-đạo Nữ-phụ-đạo, thì hoặc-giả có lẽ như thế... Đến như việc Thủy-Tinh, Sơn-Tinh kể cũng quái lạ quá ! « Tin cả sách chẳng thà không sách ! » Tạm thuật truyện cũ để truyền lại lẽ đáng ngờ...

Trở lên triều họ Hồng-Bàng, từ Kinh-Dương-Vương, thụ-phong năm Nhâm-Tuất, đồng-thời với

Đế-Nghi, truyền đến đời Hàng-vương cuối cùng, hết vào năm Quý-Mão, tức là năm thứ năm mươi bảy đời Chu Noãn-vương, gồm có hai nghìn sáu trăm, hai mươi hai năm. (13)

Phụ Chú

(1) « Hoàng-Đế, một ông vua đầu tiên, ở nước Tầu. Theo các sách sử cổ, thì số các nước Chư-hầu ở Tầu về đời ấy là một muôn. Kỳ thực thì những nước ấy chỉ là những bộ-lạc. So với địa-dư hiện nay, có khi một nước hồi ấy chỉ gồm có một làng ngày nay ! Câu « Hoàng-Đế dựng ra muôn nước » chỉ là một ức-thuyết vô-lý của các nhà viết sách đời sau. Ông vua ấy, nếu quả có, chỉ là tù-trưởng của một bộ-lạc văn-minh hơn mà được các tù-trưởng khác bầu lên ngôi Thiên-Tử. Nào phải như các vua đời sau, đánh Đông, dẹp Bắc, rồi chia đất phong cho tôi-tớ và con em ! Như vậy, làm gì có việc dựng ra muôn nước ?

(2) Trong các sách, không có gì là chứng-cớ tỏ ra rằng về đời Hoàng-Đế, người Tầu đã biết đến Giao-chỉ cả. Trong câu này, họ Ngô đã lầm. Ấy là do ở tinh hay suy-lý mà thường suy-lý một cách cẩu thả của các nhà nho.

(3) Trong kinh *Thượng Thư*, thiên *Nghiêu-điển*, chép về công-việc đời vua Nghiêu, có nói : « ... Lại sai Hy-Thúc ở Nam-giao, ... ;

Kính xét ngày dài nhất năm và sao Hỏa, giữa trời vào chập tối, để chính ngày giữa Hè (Hạ-chí)... » Chữ « Nam-giao », Sái-Trầm đời Tống chua nghĩa là « đất Giao-Chỉ ở phương Nam ». Theo ý kể dịch thì nghĩa ấy nhầm : Nam-Giao chỉ có nghĩa là cánh-đồng phía Nam. Đất Giao-chỉ đến đời Tần còn phải sai tướng sang đánh mới chiếm lĩnh nổi. Ở đời Nghiêu, hơn một nghìn năm trước đời Tần, giao-thông chắc còn khó khăn hơn, đâu có lẽ đã phái quan sang ở đó được! Sách *Thông chí* của Trịnh-Tiều có chép : « Về đời Đạo-Đường, phương Nam có bọ Việt-Thường, dùng người thông ngôn hai lần đến chầu dâng rùa thần, chừng nghìn tuổi, vuông hơn ba thước, lưng có chữ theo lối chữ **khoa-đẩu** (nét chữ như hình nòng-nọc), chép từ khi mở ra Trời, Đất trở về sau. Vua Nghiêu sai sao lấy, gọi là **lịch rùa**. » Theo vào truyện ấy, sách sử « *Cương Mục Tiền-Biên* » của Kim-Lý-Tường lại bịa thêm truyện đó là vào năm Mậu-Thân, năm thứ năm đời vua Nghiêu! Sử-thần đời Tự-Đức lại nhặt lại mà chép vào bộ « *Khâm-Định Việt-Sử* » để làm việc cầu-tiên mà nước ta giao-thiệp với Tầu. Kỳ-thực thì ta chỉ nên coi đó là một truyện mà Trịnh-Tiều nặn ra bằng trí tưởng-tượng!

(4) Cả câu này đều không căn-cứ. Bởi một lẽ là đất Giao-chỉ không hề ở trong phạm-vi *chín châu* của Tầu, Châu Dương hồi vua Đại-Vũ chỉ

gồm địa-phận An-Huy, Phúc-Kiến ngày nay mà thôi.

(4 bis) Người Tầu tự cho mình là văn-minh, và người giống khác là dã-man, là *quỷ*. Cho mãi đến đời gần đây, họ còn gọi người da trắng là *Dương-quỷ*, *Bạch-quỷ*. Như vậy, rất có lẽ đời xưa họ gọi người mình là *Xích-quỷ*. Vì ta ở phương Nam mà theo thuyết *Năm-Hành* của họ thì *xích* (đỏ) là mầu của phương Nam. Nhưng có lẽ nào vua nước ta lại tự đặt lấy một cái tên xấu-xí như vậy? Chuyện này chắc là tự các nhà Dã-sử bịa ra! Nhưng bịa ra cũng là có căn-cứ! Họ đã căn cứ vào truyện thần « Phù-Đổng Thiên-Vương » trong sách *Lĩnh-Nam Trích Quái* của Vũ-Quỳnh. Theo đó thì thần đã đánh nhau với giặc Ân... Và vào sử Tầu, có chép truyện Cao-Tông đời Ân « đánh nước Quỷ phương, ba năm không được! » Nhà Dã-sử ấy đã tinh-nghịch đổi chữ *Quỷ-phương* ra chữ *Xích-quỷ* cho nó thêm mầu-mè, thế thôi!

(5) Lời tâu của bọn Phan-Thanh-Giản, sử-thần đời Tự-Đức: «... Xét trong Sử-cũ, triều họ Hồng-Bàng, có nói đến Kinh-Dương-Vương, Lạc-Long-quân, là bởi Thượng-cổ đời hãy còn mù-mịt, tác-giả bịa-tạc mà soạn ra. Lại e không có gì là đáng tin, bèn mượn truyện Liễu-Nghị đời Đường của nhà tiểu-thuyết để làm ấn-chứng! Ôi! Kinh-Dương thuộc về đất Tần! Động-Đình thuộc về

đất Sở ! có quan-hệ gì với ta ? Huống chi những chuyện quái-gở, quá ư hoang-đường ! Căn-cứ vào đâu mà nghiễm-nhiên đặt làm những vua bắt đầu lập ngôi, dựng nước ? . . . » (Khâm-định Việt-Sử, cuốn đầu). — Các nhà tin đồng-bóng nước ta ngày nay có ba vị Thánh-mẫu : Đức - mẫu Lê-Giáng-Tiên, tức Liễu-Hạnh công-chúa ; đức Chúa Mường Lê-Mại đại-vương tức Thượng-Ngàn công-chúa ; và đức mẫu Thoải Cung công-chúa, tức là vợ Liễu-Nghị và con vua Động-Đình. Liễu-Hạnh công-chúa mới có từ đời Hậu-Lê. Thoải-cung công-chúa mới có từ sau đời Đường. Vậy trước tiên mới có Thượng-Ngàn công-chúa. Vị này không rõ có tự đời nào, song có bọn bộ-hạ là *Tá-châu Mường, Hữu-châu Mán*. Vậy ta có thể tin là vị thần của dân Mường và Mán. Dân Mường Mán thờ vị thần ấy trước. Rồi sau khi có *chuyện Liễu - Nghị* mới thờ thêm đức Mẫu-Thoải. . . Từ khi có đức Mẫu Thoải mà trong óc họ có những tên Kinh-Dương, Động-Đình. Rồi câu chuyện họ Hồng-Bàng do đó mà ra. Xem như những chuyện *Quan-lang, phụ - đạo, mệ - năng, bồ - chính* chép về Hùng - Vương, đều là những chuyện của dân Mường ngày nay, ta càng tin họ Hồng - Bàng là một thần-thoại của dân Mường. Nhà Dã-sử, nhà Quốc-sử của ta đã lượm lấy thần - thoại ấy và thêm-thắt vào ít nhiều thôi vậy ! Nhưng như thế họ đã ngầm công-nhận giống Mường là người anh em rất giống nhất của chúng ta...

Đọc đoạn *sử-án* của họ Ngô về chỗ này, ai mà không phải tức cười ? Chúng tôi thật không ngờ một ông sử quan đời trước lại có được cái đầu óc thơ-ngây đến thế ! Và lại có một lối lý-luận không lý-luận chút nào đến thế !

6) Lời phê của vua Tự-Đức : « Kinh Thi có câu : « Con trai kể trăm... » Ấy là tán-tụng có nhiều con trai mà thôi, xét sự thực cũng chưa đến thế,.. Huống chi là trăm trứng ! Quả vậy thì lấy gì cho khác với chim, muông ? Dù chuyện nuốt trứng chim én, dẫm vết chân người Khổng Lồ, cũng chưa quái gở quá như vậy ! Chuyện này có lẽ cũng như những chuyện mình rắn đầu người (Phục-Hy), mình người đầu trâu (Thần nông) cùng một lối hoang đường bịa-tạc đó chăng ? » (Khâm định Việt sử, cuốn đầu). — Đọc đoạn phê này, đem so sánh với lời bàn của họ Ngô về truyện này, ta thấy từ họ Ngô đến vua Tự-Đức, trí phán-đoán của các nhà nho nước ta đã tiến được một vài bước...

(7) Sách *An-Nam-chi* của Cao-Hùng-Trưng có chép : « Nguyên đất giao-chỉ khi chưa có quận, huyện, (chưa thuộc về Tầu) có *ruộng-lạc* theo nước trào lên xuống (ruộng đồng chiêm, do sa bồi)... Khẩn ruộng ấy là *lạc-dân*. Cai trị dân ấy là *Lạc vương*. Giúp việc ông vua ấy là các *Lạc-tướng*. Đều ấn đồng, thao xanh. Gọi là nước *Văn Lang*. Lấy thuần-phác làm tục ; thắt

nút thừng làm trị, (không có chữ). Truyền được mười tám đời. » Nhà dã-sử chắc căn-cứ ở đoạn này, và nhặt thêm ít chuyện Mường mà chép ra chuyện Hùng-vương. Và chữ Hùng 雄 có lẽ là chữ Lạc 雒 viết lầm, vì hai chữ chỉ sai nhau có một nét!

(8) Phong-châu, sử cũ chua tức là Bạch-Hạc. Theo *Địa lý-chí* đời Đường thì **Phong-châu gồm năm huyện.** Theo *Thái-Bình Hoàn-vũ-chí* của Nhạc-Sử đời Tống thì **Phong-châu có quận Thừa Hóa xưa là nước Văn Lang.** Vậy thì Phong-Châu tức là địa-hạt các phủ Vĩnh-Tường, Lâm-Thao của tỉnh Sơn-Tây bây giờ. Lại huyện Sơn-Vị có núi Hùng-vương, đền Hùng-vương đủ làm chứng-cớ không thể chỉ riêng là Bạch-Hạc được. » (K. Đ. V. S., cuốn đầu).

(9) « Đời Trần, đời Lê, trở về trước, bờ cõi (nước ta) Đông tới biển; Tây giáp Vân-Nam; Nam giáp Chiêm-Thành; Bắc giáp Quảng-Tây; Đông-Bắc giáp Quảng-Đông; Tây-Nam giáp Lão-qua (Lao-kay?). Tham-khảo những điều chép trong các sách *Thiên-hạ Quận quốc-chí*, *Dư-địa-chí* (của Tầu), thì An-nam Đông giáp biển; Tây giáp Vân-Nam, Lão-qua; Nam giáp Chiêm-Thành; Bắc giáp Quảng-Tây: đại lược giống nhau. Tới

các Thánh Quốc-Triều ta, gây nền ở cõi Nam.

Rồi Thế-Tổ Cao-hoàng-đế ta, cả định châu thần, gồm có toàn quốc : Đông tới biển cả ; Tây tiếp Vân-Nam ; Nam giáp Cao-Man, Bắc kề hai Quảng. Bề rộng lớn của bờ cõi, trước đây chưa từng có. Vậy mà cách nhau với Động-Đình, Ba-Thục còn ở tuyệt xa ! Vậy mà sử cũ chép nước Văn-Lang Tây đến Ba-Thục, Bắc tới Động-Đình, chẳng hóa ra sự thực sao ? Ôi ! Động - Đình giáp đất hai tỉnh Hồ, thực ở phía Bắc đất Bách-Việt. Ba-Thục thì còn cách Tuấn-Điền (nay thuộc Vân-Nam), không liền đất với nhau. Sử cũ dùng lời khoác lác, có lẽ cùng với việc vua Thục sau đây, đều là *dĩ hư truyền hư*, chưa từng xét lại ! Huống chi mười lăm bộ chia ra, đều ở trong các quận Giao-Chỉ, Châu Diên, không một bộ nào ở miền Bắc cả. Đều đó đủ chứng ra là nói bịa vậy ! » (lời các sử thần) « Xét như sách *Đại - Thanh Nhất - Thống chí* hiện nay thì Quảng - Tây gần nhau với Hồ - Nam, Hồ Bắc, Vân-Nam, Tứ-Xuyên, tức là đất Sở, Thục đời xưa. Nào biết rằng giáp-giới ra sao ? Đại-đề Việt-sử lâu đã thất-truyền, không biết theo đâu mà xét sửa, đại loại đều giống thế ». (Lời phê của vua Tự-Đức). (Càng trong K. Đ. V. S., cuốn đầu), — Theo ý kẻ dịch xét ra, thì ở miền Nam nước Tầu ngày xưa có rất nhiều giống người ở lẫn với nhau. Người Tầu gọi chung là trăm giống Việt. Dòng - dõi của trăm giống Việt ấy một phần đã đồng-hóa với dân Tầu. Còn th

là những dân Thổ, Tầy (Thai), Mường, Mán, Dao (Yao), Xạ-phang, Lồ-lồ, cùng Việt-Nam bây giờ. Địa-hạt của dân ấy là An-huy, Phúc-kiến, Quảng-Đông, Quảng-Tây, Quý-Châu, Vân-Nam, Bắc-Kỳ, phía Bắc Trung-Kỳ. Nếu quả có nước Văn-Lang thật thì dân trăm giống Việt khi ấy đã nhóm thành hai quốc-gia : một là nước Việt có vua Câu-Tiễn ở đời Xuân-Thu ; hai là nước Văn-Lang. Trừ nước Việt ra rồi, đất nước Văn-Lang có thể gồm cả nước ta cùng một phần nước Tầu. Như vậy thì lời sử cũ là đúng. Chỉ có điều là một mớ những dân khác giống, khác tiếng nói, lại không có một thứ chữ chung cùng ở với nhau về đời bấy giờ, chưa chắc đã gây nên được một quốc-gia to tát đến thế, dù là một quốc-gia phong-kiến, gồm có một trăm chư-hầu, hay quan-lang, phụ-đạo nữa !

10) Mười lăm bộ, theo sách *Dư-địa-chí* của Nguyễn-Trãi (*An nam vũ cống*), do Nguyễn-Thiên-Túng chua thì : Sơn-Nam (Hà-nội, Nam-Định, Hưng-Yên ngày nay) là bộ Giao-Chỉ xưa ; Sơn-Tây là hai bộ ; Châu-Diên, Phúc-Lộc xưa ; Kinh-Bắc (Bắc-Ninh) là bộ Vũ-Ninh xưa ; Thuận-hóa (Từ Hải-Lăng thuộc Quảng-Trị đến Điện-Bàn thuộc Quảng-Nam) là bộ Việt-Thường xưa ; An-Bang (Quảng-Yên) là bộ Ninh-Hải xưa ; Hải-dương là bộ Dương Tuyền xưa ; Lạng-sơn là bộ Lục-Hải xưa ; Thái-Nguyên, Cao-Bằng là đất

trong ngoài bộ Vũ - định xưa ; Nghệ - An là bộ Hoài-Hoan xưa ; Thanh-Hóa là bộ Cửu-Chân xưa ; Hưng-Hóa, Tuyên-Quang là bộ Tân-Hưng xưa ; còn hai bộ Bình-Văn, Cửu-Đức thì khuyết. Nay xét sách Tấn-Chí : quận Cửu-Đức đời Ngô đặt ra, tức tỉnh Hà-Tĩnh ngày nay. Hồ Tôn sử cũ chua tức là nước Chiêm-Thành, tức tỉnh Bình-định ngày nay. (K. Đ. V. S., cuốn đầu)

Kể dịch xét : Các tên của mười lăm bộ chẳng qua cũng là thần-thoại ! Nếu chúng ta công nhận có vua Hùng-Vương, có nước Văn-Lang, có những tên Quan-lang, Bồ-chánh, Mệ-nàng, thì đó là một quốc - gia của dân Mường, hay ít ra cũng do giống Mường là giống cầm quyền thống-trị. Vậy mà giống Mường thì là giống có riêng văn-tự ngôn ngữ. Sao tên các bộ lại đặt toàn chữ Tầu là một thứ chữ ngoại quốc mà khi có việc bang giao, phải *đùng người thông ngôn hai lần* mới hiểu nổi ? Có một chút lý do gì chăng ?

10 bis) Truyện này tức là chuyện « ông Thánh Gióng ». Đây chắc là chép theo sách *Lĩnh Nam Trích Quái* của Vũ-Quỳnh. Theo đó thì giặc khi ấy tức là vua Ân. Mà những thứ Thánh xin với Vua là một gậy sắt, một ngựa sắt. Sau khi nhổ cả từng bụi tre để lao ném quân giặc, Thánh đã cởi áo giáp ném lại núi Vũ - Ninh mà nhảy ngựa lên Trời... Muốn biết nhiều về chuyện này thì nên đi xem hội Gióng... Ông Thánh ấy

có thể có được. Và có thể là một bậc anh-hùng cứu-quốc đầu-tiên của dân ta, nếu ta bỏ tất cả cái gì có vẻ thần-thoại. Nhưng ta chớ trách người xưa sao lại bầy ra những cái sặc-sỡ, mông-lung ấy : Là thần-thoại thì phải thế ! Ngay hai bà Trưng, trong thần-tích cũng chép là sau khi thua trận ở Cấm-Khê, hai bà liền cưỡi mây mà hóa về Trời ! Như thế mới chiều được tính *thích quái* của loài người, cái tính đã bắt chúng ta dù chẳng tin một ly nào cũng vẫn ham đọc *Tây-Du-ký* cùng *Nọhin lể một đêm* ! Điều cần nhớ là đừng lẫn thần-thoại với lịch-sử. Điều cần nhận xét là những sự-thực hay lý-do trong một truyện mê-ly hoảng-hốt !

(11) « Tân-Mão, năm thứ sáu đời Thành-Vương nhà Chu, phía Nam đất Giao-Chỉ có họ Việt-Thường dùng người thông-ngôn ba lần mà tới, dâng chim trĩ trắng. Chu-công nói : « Ơn đức không đến, quân-tử không hưởng lễ của họ. Chính lệnh không tới, quân-tử không coi người họ là bề tôi. Người thông-ngôn nói : « Những người mồi da, vàng tóc ở nước tôi nói rằng : « Trời không gió dữ, mưa dầm ; bể không nổi sóng : ba năm rồi. . . Ý-giả Trung-quốc có thánh-nhân chăng ? » Vì thế nên đến chầu ». Chu-công dâng cúng lên Tông-miếu. Sứ-giả lạc mất đường về. Chu-công ban cho năm cỗ xe liền nhau, đều làm theo phép chỉ-nam. . . Sứ-giả

cưỡi xe, qua ven biển Phù-Nam, Lâm-Ấp, dầy năm mà về tới nước mình ». (Sử-Ký của Tư-Mã-Thiên).

(12). Truyện này cũng chép theo sách *Lĩnh-Nam Trích-Quái*. Chúng ta ai cũng biết rằng trong các nhu-cầu của loài người, có một món là *cần hiểu-biết*. Cho thỏa-mãn nhu-cầu ấy, ngày nay chúng ta trông ở khoa-học. Nhưng xưa kia khoa-học chưa phát-đạt, các cụ ta phải trông ở huyền-học (métaphysique). Nhưng đời cổ-sơ thì huyền-học cũng chưa có nữa, người ta đành phải đem thần-thoại, *cổ-tích* mà làm quà cho nhau. Một đứa em nhỏ hỏi ta: « Tại sao con cá trê lại vẹt đầu ?» Ta trả lời nó bằng cách kể lại truyện *Cóc-Trê*... Hoặc nó hỏi ta: « Sao mùa này bươm-bướm nhiều thế kia ? » Ta trả lời nó bằng chuyện *vợ chồng ngâu của dân Hồ*. Khi nó nghe đến đoạn « ... Trời sai nọc chú trê ra, đánh cho bẹp cả đầu ! ... » Hay là đoạn: « Chồng Ngâu nắm áo giữ lại, nhưng vợ Ngâu nhất định dứt áo bay lên Trời... Những tà áo sặc-sỡ đứt tung ra... Từng mảnh ! Từng mảnh ! hóa ra những con bướm bay sặc-sỡ... » Khi ấy, nó sẽ nhi nhoẻn cười ra về đắc-ý lắm. Tính cần hiểu của nó đã thỏa-mãn rồi ! Người xưa, đầu óc cũng thơ ngây khác nào em nhỏ của chúng ta. Khi họ muốn hiểu: Sao lại có con sông Đáy ? Sao lại có hồ Tây ?

Sao lắng năm xứ ta lại có một mùa nước to tai-hại và gớm-ghê? Thì một câu chuyện Sơn-tinh, Thủy-tinh này đủ giải-thích hết cả cho họ. Sở dĩ có chuyện này, vì thế...

(13) Trong K. Đ. V. S. về lịch-sử trị-vì của họ Hồng-Bàng, gồm hơn hai nghìn năm, các sử-thần đời Tự Đức, trong K. Đ. V. S. có nêu ra câu hỏi: Không biết sử-cũ căn-cứ vào đâu? Khi đã cho họ Hồng-Bàng là do « tác-giả bịa-tạc mà soạn ra », thì câu hỏi ấy có lẽ hơi thừa vậy.

Lời bàn của kẻ dịch

Theo như lời tác-giả, tập Ngoại-Kỷ về triều họ Hồng-Bàng và triều vua Thục là do mình mới thêm vào. Thêm vào bằng cách nào? Tác-giả đã bảo ta: « Tham-bác với Bắc-sử, Dã-sử; với các sách *Truyện, Chí*; cùng với các điều được nghe, được thấy, được truyền-dạy... »

Nói một cách khác, trong các sử cũ của ta, không hề có chép chuyện họ Hồng-Bàng cùng vua Thục. Hai chuyện đó là tự Ngô-Sĩ-Liên chắp nối « đầu cua, tai ếch » mà chế-tạo nên!

Đáng phàn-nàn là những chỗ « tham-bác » kia, họ Ngô không chỉ rõ gốc nguồn, để chúng ta phải mất công tìm-kiếm!

Các sử-thần về đời Tự-Đức, trong khi làm bộ

Khâm-định Việt-Sử đã giúp chúng ta rất nhiều trong cuộc tìm-kiếm ấy. Thì đây :

Bắc-sử mà ông Sĩ-Liên nói đó là mấy bộ *Thông-giám Cương Mục* của Chu-Hy và Kim-Lý-Tường.

Dã-sử đó là *Lĩnh-Nam Trích-Quái* của Vũ Quỳnh. *Truyện, Chí* đó là *Thư-Truyện* của Sái-Trầm, *Thông-Chí* của Trịnh-Tiều, *An-Nam chí* của Cao-Hùng-Trưng.

Được thấy đó chắc là đền vua Hùng ở Sơn-Vi, đền vua Thục ở Cổ-Loa.

Còn *được nghe, được truyền dậy* thì dích là ít thần-thoại, ít chế-độ của dân Mường !

Nói của tiên-tội, đầu tiên ra việc này phải kể ông Vũ-Quỳnh. Trong sách Lĩnh-Nam Trích-Quái, ta đã thấy ông nói đến vua Hùng, vua Thục cùng mười lăm bộ của nước Văn-Lang rồi...

Ông Liên chỉ mất công nặn có hai pho Kinh-Dương-vương cùng Lạc-Long-quân. Và có cái can-đảm lớn là phụng-nghinh hơn hai chục ông vua cổ ấy từ liều dã-sử vào trong đền chính-sử !

Dù ngồi chỉnh-chện trong cái đền trang-nghiêm ấy rồi, người sau đối với các ngài ấy cũng khó lòng nẩy ra lòng ngưỡng-mộ. Trong *Khâm-định Việt-Sử*, người ta đã hạ hai cụ Kinh-Dương và Lạc-Long xuống ! Còn tôi, tôi muốn mời cả vua

Hùng, vua Thục trở về những am cỏ, lều tranh thuở trước. Vì tôi chẳng có một chút lòng tin tưởng gì về các ngài hết ! Cho cả đến các ông Tầu Triệu-Đà, Sĩ-Nhiếp tôi cũng muốn khiêng các ông ra ngõ... Nói cho thực thì tôi muốn đốt phăng cả tòa đền Ngoại - Kỷ ! Thú-vị gì cái việc dùng lối biên-niên mà chép những hành-vi rời-rạc của mấy ông Ngô khách truyền nối nhau ở các phủ Thái-Thú, Đô-Hộ trong đất nước này ? Thay vào đó vài ba bài thông-luận có hơn chăng ?

Thế nhưng ta lại nên nhớ ông Liên là sử-thần đời Lê... Và ở các nhà nho xưa, lòng trung ái cơ-hồ như thiên-tính... Huống chi vua của ông lại là Thánh-Tông, một kẻ rất sùng-nho, trọng-đạo. Với vua ấy, ông có thể yêu tha-thiết !.. Như trong lời tựa, ông đã muốn báo-bồ nhà vua bằng việc viết sử. Báo-bồ cách nào ? Ấy là cách nhận ngầm dân Mường là chính giống Việt-Nam... Sao vậy ? Bởi vì Lê-Lợi, Thái Tổ nhà Lê, chính là một người Mường... Nếu không là người Mường, sao có kế-thế làm phụ-đạo động Lam-sơn ? Miền ấy, tới nay cũng vẫn còn là một miền Mường thuần-túy ! Ấy là cái duyên cớ khiến nhà viết sử của chúng ta, đặt họ Hồng-Bàng lên đầu Ngoại-Kỷ.

Vậy, tôi chẳng những không trách ông mà còn cám ơn ông nữa....

Theo sử cũ, đặt Triệu-Vũ-đế lên đầu, tôi không thấy có ý-nghĩa gì ngoài tính-cách nô-lệ! Con người ấy vốn là một viên quan của vua Tần phái sang chiếm-cứ đất ta, bà-hiếp dân ta! Đối với ta, hắn là một kẻ thù! Sao có lẽ « thấy người sang bắt quàng làm họ? » Chẳng thà như ông Liên đặt họ Hồng-Bàng mơ hồ lên đầu sử, còn cho ta mơ-màng nghĩ đến nguồn gốc dân ta. Đó là chỗ tôi muốn cám ơn.

Vậy nguồn gốc dân ta ra thế nào?

Tôi thiết nghĩ về đời Hồng Bàng, dân ta chưa thành một quốc-gia, mà còn ở sinh hoạt bộ-lạc, đại loại như dân Mường, dân Thổ ngày nay. Vua Hùng, vua Thục, nếu quả có, cũng chỉ là những tù-trưởng có thế-lực trong nhất-thời. Khác nào những chúa của dân Lào, dân Xá. Sở-dĩ các ông to lên, là nhờ ở các thần-thoại. Đối với dân ta, và cả những dân ở Nam bộ nước Tầu, người Tầu họ gọi chung là bọn Mán-Nam (Nam man). Hay là Bách-Việt, vì có nhiều giống người quá! Cái thần-thoại « trăm trứng » kia là để giải-thích nghĩa Bách-Việt. Và cũng để tỏ tình liên-lạc của các giống Việt với nhau nữa.

Bầu ơi thương lấy bí cùng :

Tuy rằng khác giống nhưng chung một dàn.

Ý người đặt ra chuyện « trăm trứng » muốn

ám-thị cho dân Bách-Việt : « Tuy khác phong-tục, khác bộ-lạc, khác tiếng nói, và kẻ ở miền núi, người ở miền biển nữa, tổ tiên ta vốn cùng một mẹ đẻ ra.» Khi ấy, trong trí dân ta đã lơi có quan-niệm về quốc-gia, dân tộc.

Khu vực của dân-tộc Bách-Việt ở trên tôi đã phỏng-đoán, gồm có An-Huy, Phúc-Kiến, hai tỉnh Quảng, Quý-Châu, Vân-Nam, Bắc-Kỳ và phía Bắc Trung-Kỳ. Họ có hai tục đồng nhất với nhau : một là *chồ minh*, hai là *ăn trầu*. Tục chồ minh ở ta hiện nay vẫn còn. Và từ đời Xuân-Thu, Chiến-quốc, dân nước Việt — ở miền An-Huy, Phúc-Kiến bây giờ—vẫn có tục ấy. Sách *Trang-tử* cùng nhiều sách khác đều có nói đến truyện người nước Việt « Chồ minh, cắt ngắn tóc ». — Tục cắt ngắn tóc và vẽ mình này có lẽ chung cho những dân Việt ở các miền ven sông, ven biển, làm nghề chài lưới. Dân ta cũng là một trong các giống đó. Khi quân Minh sang, bắt buộc dân ta phải để tóc dài... Đủ rõ dân ta xưa ngắn tóc. Và hiện nay nhiều miền gần biển *ta gọi là dân đường bể*, hết thảy trai, gái, trẻ, già đều cạo trọc đầu cả. Có lẽ hai tục ấy có quan-hệ với cách kiếm ăn dưới nước của họ chăng ? Tục ăn trầu về đời Tống (?) còn thấy ở dân Quảng-Đông. Một thi-sĩ nơi khác (tôi đã quên mất tên) qua chơi

Dương-Thành (Quảng-Châu) có làm bài thơ tức sự trong có hai câu :

門前少女牙如炭
路上行人口似羊

« Môn tiền thiếu-nữ nha như thán !
« Lộ thượng hành nhân khẩu tự dương » !
(Gái non trước cửa răng như mực !
(Khách bộ trên đường miệng tựa dê !)

Ấy lúc là vịnh cảnh ăn trầu của dân bản-thổ. Xem thế đủ rõ dân An-huy, Phúc-kiến, và hai tỉnh Quảng ở Tầu ít ra xưa kia cũng cùng ta cùng thuộc về dòng Bách-Việt cả.

Như trên đã kể, dân Bách - Việt chia ở hai miền : miền núi và miền biển. Trong đám dân miền biển ấy đã đầu-tiên gây nên được một quốc - gia, ấy là nước Việt đã từng diệt nước Ngô ở đời Xuân-Thu. Cái quốc-gia thứ hai của người Việt đã tổ chức được là do dân miền núi. Ấy là nước Nam - Chiếu, ở vào đất Vân-Nam, Quý - Châu ngày nay. Mạnh - Hoạch đánh nhau với Khổng - Minh, chính là vị anh hùng của nước ấy. Với Trương - Trắc, Ngô - Quyền gây mối, với Đinh - Bộ - Lĩnh mở nền thống-nhất, một quốc-gia thứ ba của dân Bách - Việt đã thành-lập, ấy là nước Việt-Nam chúng ta. Trong ba nước ấy thì chỉ có nước ta còn đến ngày nay. Nước Việt, nước Nam - Chiếu đã lần lượt bị người Tầu chiếm-lĩnh và đồng-hóa,

Nói tóm lại, giống người chúng ta ngày nay là một giống thuộc dòng Bách-Việt về miền biển và vẫn ở đất này. Trong bao nhiêu năm chung-đụng với người Tầu, sự lẫn giống cố-nhiên là có. Thế nhưng bảo chúng-ta hoàn-toàn là con cháu khách buôn, các lính thú ở Tầu sang đây, như ý nhiều người, thì quyết là không đúng. Vì nếu như vậy, sao tiếng nói của ta lại khác hẳn của Tầu về tự-pháp ? Ví-dụ khi Hình-dong-từ mà người Tầu đặt trên danh-từ thì bao giờ ta cũng đặt xuống dưới. Tầu nói 好花, thì ta nói là hoa đẹp ; Tầu nói là 孝子賢孫, thì ta nói là con hiếu, cháu hiền. Chúng tôi nghĩ : Nếu cùng là một giống thì tiếng nói có thể khác nhau về phương-ngôn, về thổ-âm, chứ chẳng có thể khác nhau về tự-pháp như thế được.

Ấy đại khái quan-niệm về nguồn gốc người mình ở tôi là thế. Mấy người ngoại quốc khảo-cứu về nhân-chủng ở ta còn có nhiều ức-thuyết nữa. Tổ-tiên ta, người thì cho từ Mân-Việt (Phúc-Kiến) sang ; người thì cho tự Vân-Nam xuống ; người lại bảo ở Mã-Lai qua nữa. Đó chỉ là những ức-thuyết chả có gì là chắc-chắn cả. Vậy, tôi hãy tin ức-thuyết của tôi...

Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán Huỳnh Chiếu Đẳng

TRIỀU THỤC

AN-DƯƠNG VƯƠNG

Ở ngôi năm mươi năm.

Họ Thục, húy Phán, (1) người nước Ba-Thục, đóng đô ở Phong-Khê, ấy tức là thành Cổ-Loa ngày nay. (2)

Giáp-Thìn năm đầu, — năm thứ 58 đời Chu Noãn vương (257 trước Tây-lịch) — Nhà vua đã gồm có nước Văn-Lang, đổi tên nước là nước Âu-Lạc. (3) Nguyên trước nhà-vua luôn-luôn cất quân đánh Hùng-vương. Hùng-vương quân khỏe, tướng mạnh. Nhà-vua thua hoài! Hùng-vương bảo nhà-vua rằng: « Ta có sức thần! Nước Thục không sợ sao? » Bèn bỏ vũ-bị không sửa-sang; mải vui về rượu và đồ nhắm! Quân Thục bức tới gần còn say mèm chưa tỉnh! Quân linh trở giáo đầu hàng. Rồi đó vua Thục đắp thành ở

Việt-Thường, rộng nghìn trượng, xoáy tròn như bình ốc, cho nên gọi là Loa-thành (thành con Ốc), lại gọi là thành Tư-Long. (4)

— **Người đời Đường gọi là thành Côn-Lôn ý nói thành ấy rất là cao.**— Thành ấy đắp xong lại lở liền. Nhà-vua lo chuyện ấy, bèn chay-tịnh để cầu với Trời, Đất và thần-kỳ các núi, sông. Rồi lại hưng công đắp nó.

Bính-Ngọ, năm thứ ba, — **năm đầu Đông-Chu-quân** (255 trước T. L.) — mùa Xuân, tháng Ba, bỗng có thần-nhân đến cửa thành, chỉ lên thành mà cười rằng : « Xây-đắp bao giờ cho xong ! » Nhà-vua mời vào trên điện hỏi ngài. Ngài đáp rằng : « Hay đợi Giang-sứ (sứ-giả của Sông) đến...» Liền từ-giã ra đi. Sớm hôm sau, nhà-vua ra cửa thành, quả-nhiên thấy rùa vàng bơi trên sông, từ phía Đông lại, tự xưng là Giang-sứ. Biết nói tiếng người, nói chuyện những việc chưa tới... Nhà-vua rất mừng, đem mâm vàng đựng nó. Đặt mâm trên điện, hỏi duyên-cớ về việc thành lở. Rùa vàng nói : « Đó là tinh-khí của núi, sông đất này... Con vua trước nương-tựa nó, để báo thù cho nước. Hiện ẩn ở núi Thất-Riệu. Trong núi có con ma ! Ấy là kẻ con hát đời trước, chết chôn ở đấy, hóa ra con ma,... Bên núi có quán. Ông chủ quán tên là Ngô-Không, có một con gái cùng một con gà trắng. Ấy là dư-khí của con tinh. Phàm người đi, lại

tới đấy trọ đêm tất chết : Ma nó làm hại đấy ! Cho nên có thể họp tập thành bọn, phá hỏng thành này. . . Nếu giết được con gà - trắng, trừ những tinh - khí ấy đi, thì thành này từ đó sẽ đắp xong và bền vững. » Nhà vua đem rùa vàng đến quán, giả làm kẻ nhỡ nhàng xin trọ. Ông chủ - quán nói : « Cậu là bậc quý-nhân. Xin đi mau ! Chớ ở lại cưu vạ ! » Nhà - vua cười nói : « Sống, chết có số ! Ma - quỷ làm gì nổi ! » Bèn ở trọ lại. Đêm nghe con tinh ma từ phía ngoài đến, gọi mở cửa. Rùa vàng quát nó ! Ma chẳng thể vào được ! Lúc gà gáy, các ma tầu-tán. Rùa vàng mời nhà vua theo lót chúng. Tới núi Thất-Riệu, các tinh-khí thu-nấp hồ hết... Nhà vua về quán. Sáng mai, ông chủ-quán cho là nhà vua tất chết, gọi người đến quán, toan làm việc thu xác đem chôn ! Thấy nhà vua vui vẻ cười nói, liền rảo đến lậy mà thưa rằng : « Cậu sao lại được như thế này ? Tất là bậc Thánh-nhân ? » Nhà vua xin lấy con gà trắng, giết đi mà tế nó. . . Gà bị giết rồi, người con gái cũng chết ! . . Liền sai người đào núi, bắt được các nhạc khí đời xưa, cùng hài cốt nó. Đem đốt tan ra tro ; rắc tung nó ra sông, ngòi. . . Yêu khí bèn dứt ! Từ đó đắp thành chẳng qua nửa tháng mà nên. Rùa vàng từ giã ra về. Nhà vua cảm tạ xin rằng : « Đội ơn của ngài, thành này đã vững. Nếu có giặc ngoài, thì lấy gì chống

nó ? » Rùa vàng bèn trút vuốt nó, phó cho nhà vua mà rằng : « Nước nhà yên hay nguy, tự có số Trời. . . Nhưng người cũng nên đề-phòng. . . Nếu thấy giặc đến, dùng *vuốt* thiêng này làm *lẫy* nỏ, quay sang giặc mà bắn tên. Thế là không lo. . . » Nhà vua sai bề tôi là Cao-Lỗ — **có sách chép là Cao Thông** —, tạo ra nỏ thần ; dùng vuốt làm lẫy. Gọi là *nỏ thần ánh thiêng, vuốt vàng*. (5) **Cao-vương đời Đường sang đánh Nam-Chiếu, quân về qua Vũ-Ninh châu. Đêm chiêm bao thấy người lạ, xưng tên là Cao-Lỗ, nói rằng : « Xưa kia giúp An-Dương-Vương, có công lớn đánh lui quân giặc. Bị lạc hầu đèm pha và bị đuổi đi. Sau khi mất Chúa Trời thương là kẻ không tội cho làm Đô thống tướng-quân, coi giữ một giải núi, sông đánh rẹp giặc cướp. Cùng là các việc mùa-màng, cầy cấy, đều một mình chủ trương cả. Nay đã theo Minh-công đánh tan quân ngỗ-ngược, lại về tới bản bộ. Nếu không cáo tạ, e không phải lẽ. . . »** Cao-vương thức dậy đem nói với các liêu-thuộc. Và có làm bài thơ.

« Rằng rặc muôn năm lại
« Châu Giao đất đẹp riêng !
« Người xưa ta được gặp

« Trọn chẳng phụ đài-thiêng (lâm) » ! (6)

Nhâm-Tý, năm thứ chín,— **Năm thứ 7 đời Đông-Chu quân** (249 trước T. L.)— Năm ấy nhà Chu (Tầu) mất.

Canh-Thìn, năm thứ ba mươi bầy — **Năm thứ 26 đời Tần-Thủy-Hoàng** (221 trước T. L.) Vua Tần gồm cả Sáu Nước, tự xưng là Hoàng-đế. Khi ấy người ở Từ-Liêm trong bộ Giao-Chỉ nước ta, là Lý-Ông-Trọng, mình cao hai trượng ba thước ! Lúc trẻ ra làng xóm làm việc phu phen, bị quan trên đánh đòn ! Bèn vào làm quan với vua Tần, tới chức Tư-Lệ Hiệu-Úy. Thủy-hoàng được cả thiên-hạ rồi, sai Lý đem quân giữ đất Lâm-Thao. Tiếng-tăm rung động cả rợ Hung-Nô ! Kịp khi già, về quê nhà rồi mất. Thủy-hoàng cho là lạ : đúc đồng làm tượng ông, đặt ở cửa Tư-Mã thành Hàm-Dương. Trong bụng tượng chứa vài chục người, ngầm làm cho tượng biết cựa-cậy. Hung-Nô (7) cho là quản Hiệu-úy sống, không dám phạm, — **Triệu Xương đời Đường làm Đô-hộ châu Giao, đêm thường chiêm-bao cùng Ông-Trọng giảng nghĩa Truyện Xuân Thu (8) của họ Tả. Nhân tới thăm nơi nhà cũ hãy còn, bèn lập đền dâng tế Đến đời Cao-Vương phá Nam-Chiếu thường hiển linh giúp cho thắng trận. Cao-Vương sửa lại đền cũ, khắc gỗ**

dựng tượng gọi là đền Lý Hiệu-úy. Đền ấy ở xã Thụy-Hương (Trèm) huyện Từ-Liêm (9)

Đinh-Hợi, năm thứ bốn mươi tư, — năm thứ 31 đời Tần-Thủy-hoàng (216 trước T. L.) — Vua Tần bắt các kẻ trốn lần ở các đạo, các kẻ ở-rể các lái buôn, dùng làm lính; sai Hiệu-úy là Đồ-Thư đem những quân chèo thuyền lầu; sai Sử-Lộc đào sông để vận lương; cùng vào sâu miền Lĩnh-Nam chiếm lấy đất Lục-Lương, đặt ra các quận Quế-Lâm — huyện Minh-Quý thuộc Quảng Tây ngày nay —; Nam-Hải — Quảng Đông —; Tượng-Quận — An-Nam. (10) Lấy Nhâm-Ngao làm Úy Nam-Hải; Triệu-Đà làm Lệnh Long-Xuyên — một huyện thuộc về Nam-Hải; cùng lĩnh những quân bị đầy, bị đồ, năm mươi vạn người, sang đóng miền Ngũ-Lĩnh. (11) Ngao và Đà liền mưu việc lấn nước ta. — Kẻ ở rể (chuế-tế) là những con trai không có tiền của đem thân đến gửi nhờ nhà vợ, khác nào cái tật, cái bướu ở mình chúng ta, nó là những cục thịt thừa! (*chuế* nghĩa là *thừa*). — Người Lĩnh Nam thường ở đất núi (sơn lục) tính hơ bướng-bỉnh (cường lương), nên gọi là « Lục-Lương ».

Tân-Mão, năm thứ bốn mươi tám — Năm thứ 37 đời T. T. h (212 tr. T. L.) mùa Đông,

tháng Mười, Tần Thủy-hoàng mất ở Sa-Khâu. Nhâm-Ngao, Triệu-Đà đem quân sang lấn. Đà đóng quân ở núi Tiên-Du (12) huyện Bắc-Giang, đánh với nhà vua. Nhà vua đem nỏ thiêng bắn nó. Đà thua chạy. Khi ấy Nhâm-Ngào đem quân đi thuyền, đóng ở Tiểu-Giang (13) **tức bến Đông Hồ ngày nay**, phạm đến thần Đất... Mắc bệnh quay về, bảo Đà rằng: « Tần mất rồi! Dùng kế đánh Phán, có thể dựng thành nước... » Đà biết nhà-vua có nỏ thần, không địch nổi lui giữ núi Vũ-Ninh, (14) cho sứ sang giảng-hòa. Nhà vua mừng bèn chia từ Bình-Giang (15) — **nay là sông Thiên-Đức thuộc Đông-Ngàn** — trở sang Bắc thì Đà cai trị; trở về Nam thì nhà vua cai-trị. Đà sai con là Trọng-Thủy vào hầu làm túc-vệ (16) và xin cưới con gái nhà-vua là My-Châu. Nhà-vua ưng cho. Trọng-Thủy dỗ My-Châu, xem trộm nỏ thiêng, ngầm làm hỏng lẫy và đổi nó đi. Rồi mượn cớ là về phương Bắc thăm cha, mẹ, bảo My-Châu rằng: « Ân-tình của vợ, chồng không thể quên nhau được... Nếu hai nước mất sự hòa-hảo, Nam, Bắc trở nên cách biệt, thì khi tôi lại đến đây, làm thế nào mà gặp được mặt nhau? » My-Châu nói: « Thiếp có chiếc chăn gấm lông ngỗng, thường khoác ở mình. Đi đến đâu sẽ nhổ lông vất xuống ngả

đường rẽ, để bảo cho chàng biết...» Trọng-Thủy về, đem thưa với Đa.

Quý-Ty, năm thứ năm mươi — **Năm thứ 2 đời Tần Nhị-thế** (210 trước T. L.) — Nhâm-Ngao ốm sắp chết, bảo Đà rằng : « Nghe đồn bọn Trần - Thắng làm loạn. Lòng dân chưa biết theo đâu. Đất này hẻo-lánh xa-xôi. Ta sợ bọn giặc xâm phạm đến đây, muốn tuyệt đường với chúng, — **Đường sang Việt do Tần mở**. — tự giữ lấy mình, đợi xem sự-biến ở Chư-Hầu...»

Rồi đó ốm quá, lại nói : « Phiên-Ngu — **Nam Thành đời Hán** — tựa núi, cách sông ; Đông, Tây đều vài nghìn dặm. Người Tần xem cũng sẵn lòng giúp nhau, thế cũng đủ dựng-nước, nối vua, làm chúa một phương. Các quan đầu các bạt trong quận không ai đáng cùng mưu toan, cho nên thường triệu ông, bảo cho biết thế...» Rồi cất Đà thay mình. Ngao chết, Đà liền truyền hịch cho các cửa Ải Hoành-Phố, Dương-Sơn, Hoàng Khê rằng : « Quân giặc sắp đến ! Mau tuyệt đường và họp quân để tự giữ cõi mình ! » Hịch tới nơi, các châu, quận đều vâng theo ! Thế rồi đem giết hết các quan đầu hạt do vua Tần đặt lên ! Cho các người thân thay làm Thái - Thú... Đà cất quân đánh nhà-vua. Nhà-vua không biết lấy nỏ đã mất, vừa vây-cờ vừa cười rằng : « Đà không sợ nỏ thần của ta sao ? » Quân Đà bức đến gần, nhà-vua cất đến nỏ, thì đã gẫy rồi ! Liền thua

chạy... Cho My-Châu ngồi lên ngựa, cùng nhà-vua chạy về Nam. Trọng-Thủy nhận giấu lông-ngỗng đuổi theo. Nhà vua đến bãi biển, đường cùng không có thuyền, chèo, luôn miệng kêu : « Rùa vàng ! Mau lại cứu ta ! » Rùa vàng nhoai lên mặt nước quát rằng : « Đứa ngồi sau ngựa kia chính là giặc đó ! Sao chẳng giết nó đi ! » Nhà-vua rút gươm toan chém My-Châu. My-Châu khấn rằng : « Một lòng trung-tín, mắc lừa người ta ! Xin hóa làm ngọc trai, để rửa mối thù nhục-nhã này ! » Nhà-vua đành phải chém nàng. Máu chảy xuống nước, loài trai hớp vào ruột liền hóa ra ngọc trai trong sáng. Nhà vua cầm bầy tấc sừng văn-tê — **thứ sừng tê rẽ nước ngày nay** — đi vào biển mất ! — **Đời truyền nơi ấy tức là cồn Dạ-Sơn thuộc xã Cao-Xá, phủ Diễn-Châu**. Trọng-Thủy đuổi kịp, thấy My-Châu đã chết, khóc nức-nở, ôm xác nàng về chôn ở Loa-Thành, hóa thành tảng ngọc-thạch. Trọng-Thủy thương tiếc My-Châu, trở về lấy nàng trang-điểm, tắm-gội, tưởng nhớ không bằng ! Rút lại deo mình xuống đáy giếng mà chết ! Người đời sau được ngọc trai ở biển Đông đem rửa bằng nước giếng ấy thì mầu lại càng thêm sáng suốt !...

Sử-thần Ngô-Sĩ-Liên bàn rằng :

Thuyết rùa thần đáng tin chăng ? Kể như các chuyện « Đá biết nói ; » « Thần giáng ở Hữu-

Sần » (18) ; thì chuyện này hoặc giả cũng có... Vì là thần thường theo vào người mà làm ; nhập vào vật mà nói... Nước sắp lên, thần minh xuống để chứng-giám cho nết hay. Nước sắp mất, thần-minh cũng xuống để xem xét về tội-ác... Cho nên có kẻ nhờ thần mà lên ; cũng có kẻ vì thần mà mất... An-Dương-Vương trong việc hưng công đắp thành, có điều tổn-hại đến sức dân, nên thần nhập vào rùa vàng mà bảo. Nếu chẳng phải động lòng vì dân mà đem lời cầu-đảo thì có sao được thế? Thế còn là khá... Kịp khi lo vạ sau mà xin mãi với thần thì ý tư-kỷ đã nổi lên rồi! Ý tư một nầy là lẽ trời mất theo... Thần có không đem vạ mà deo cho sao được! Câu chuyện phỏ cho vuốt thiêng, bảo rằng đủ để lui giặc, có lẽ là mầm vạ đó chăng? Khác nào Thần có lệnh ban ruộng đất cho nước Quắc, (19) mà nước Quắc liền mất theo... Về sau quả như vậy, cho hay chuyện gì cũng là theo vào người mà làm cả... Vì-phỏng không có lời nài-xin, cứ theo lẽ phải mà làm, thì biết đâu ngôi nước lại không được lâu dài? Đến như việc lông ngỗng chỉ đường của My-châu thì vị-tất đã có. Nếu có nữa thì một lần xem thấy còn có thể, sao con gái Triệu-Việt-Vương (20) sau này lại dập theo mà nói đến lần thứ hai? Chắc là người chép sử vì cớ Thục, Triệu mất nước đều do tay con rể, nên nhân một chuyện

mà nói cả hai đó chăng? Vậy thì *ma làm lở được thành* cũng đáng tin chăng? Thưa rằng: Ấy cũng giống chuyện **Bá-Hữu** *tác quái*!...

(21) Đàng kia lập kẻ kế-tự, ma có nơi về làm yên chuyện. Đàng này trừ hết tinh-khí, ma không chỗ tựa mà hết trò! Đến như Sử chép: An-Dương-Vương mất nước là vì nỏ thần đổi mất lấy báu; Triệu-Việt-Vương mất nước là vì đâu-mâu rút mất móng rồng (22); ấy là bịa chuyện để làm cho những món đó trở nên thiêng-liêng đó thôi! Đến như giữ nước, chống giặc, thì đã tự có đạo riêng... Kẻ theo được đạo, sẽ nhiều người giúp mà lên. Kẻ bỏ mất đạo, sẽ ít người giúp mà mất. Nào phải đâu vì những chuyện nọ!...

Trở lên An-Dương-Vương, đầu từ Giáp-Thìn, cuối đến Quý-Tỵ, gồm năm mươi năm.

Phụ chú

(1) Xét ra, nước Thục từ năm thứ 5 đời Thận-Thiến-vương nhà Chu đã bị diệt về nước Tần, làm gì còn có vua nữa? Huống chi còn có các nước Kiền-Vi, Dạ-Lang, Cùng-Tạc, Nhiễm-Bàng (nay đều là đất Vân-Nam) cách nhau hai, ba nghìn dặm, nước Thục có vượt sao được các nước mà gồm nuốt Văn-Lang? Sử cũ chép: « *Châu vua Thục là Phán* »; lại chép: « *An Dương-vương họ Thục tên Phán,*

người Ba Thục » Hoặc giả ngoài miền Tây-Nam, bên nước Văn-Lang, có người họ Thục, bèn lầm là vua Thục, cũng chưa biết chừng ! Còn bảo là *Vua Thục*, lại *người Ba Thục* thì không phải ! (K. Đ. V. S. cuốn I)

(2) Thuộc huyện Đông-Ngàn, tỉnh Bắc-Ninh.— *Giao-Quảng-Ký* của Hoàng-Tham có chép : « Giao-chỉ có ruộng *lạc-điền*. Người ăn thuế ruộng ấy, gọi là *Lạc-hầu*. Các huyện tự xưng là *Lạc-tướng*. Sau con vua Thục đem quân đánh Lạc-hầu, tự xưng là An-Dương-vương đóng ở Phong-Khê. »

(3) « Giao-chỉ ở đời Chu là Lạc-Việt, ở Tần là Tây-Âu. Vậy Tây-Âu-Lạc lại ở phía Tây Phiên Ngô » (Dư-địa-chí của Cố-Hy-Phùng),

(4) « Nguyên Loa-Thành... bắt đầu đắp từ An-Dương-Vương, vòng quanh chín lần. Lại gọi là thành Khả-Lũ. Trong thành có cung vua An-Dương, nền cũ hãy còn....» (An-Nam-Chí của C. H. Trưng)

(5) Chuyện này chép theo Lĩnh-Nam Trích-Quái của Vũ-Quỳnh. *Giang-Sứ*, K. Đ. V. S. Chép là *Thánh giang sứ*.

(6) Thơ không có vẻ gì là thơ Đường, và lại đặc *Việt-Nam* nữa !

(7) Một giống người ở vào miền Mông-Cổ, Tân-Cương ngày nay. Hồi xưa đã từng rất

cường-thịnh, thường quấy rối nước Tầu và đánh tràn sang Âu-Châu. Người Hung-gia-ly (Hongrie) ngày nay tức là dòng dõi giống ấy. Cho nên cả châu Âu chỉ có người nước Hung là thuộc giống da-vàng.

(8) Xuân-Thu, sử nước Lỗ do thày Khổng soạn lại. Theo vào bộ *kinh* ấy có ba bộ *truyện* để chua cho thêm rõ nghĩa-lệ cùng sự-thực. Trong ba bộ truyện ấy thì *truyện của họ Tả* (Tả Truyện), nghĩa là của Tả-Khâu-Minh, một người học trò mù của thầy Khổng, là rõ ràng và được tiếng hơn cả.

(9) « Nguyên Lý-Ông-Trọng mình dài hai trượng ba thước, khí chất đứng-đắn, trí-trọng, khác với người thường. Lúc nhỏ làm huyện-lại, bị viên đốc-bưu đánh đòn, thở dài mà rằng : « Làm kiếp người mà chịu thế nầy sao ? » Bèn vào Trung-quốc, học sử-sách, làm quan ở với Tần... Tần cho là đềm lành. v. v...» (*An-Nam-Chí* của C. H. Trung). *Đại-Thanh Nhất-thống-Chí*, *Quảng-Dư-Ký* của Lục-Bá-Sinh, đều chép là *Nguyễn* Ông-Trọng. — Lâm-Thao, nay là phủ, thuộc Thiềm-Tây.

(10) « Khi ấy nhà Tần hám đất Việt nhiều châu-ngọc, muốn chiếm làm quận, huyện. Bèn lấy các kẻ trốn lần các kẻ ở rể, các con buôn ở các đạo, làm lính... Sai Hiệu-Úy là Đồ-

Thư đem quân ấy. Sử-Lộc thì đào ngòi vận lương. Cùng vào sâu Lĩnh-Nam, cướp lấy đất Lục-Lương, đặt ra Quế-Lâm, Nam-Hải, Tượng Quận. Cho bọn bị-đầy, bị đồ đóng giữ. Người Việt đều trốn vào rừng rú, *không ai chịu để cho người Tần dùng*. Ngầm đặt các người giỏi giang làm tướng, đánh người Tần, giết Hiệu-Úy là Đồ-Thư » (K. Đ. V. S. cuốn I) — « Sử-Lộc, tổ tiên nó người Việt. Khi ấy Tần đánh Bách-Việt, sai Hiệu-úy Đồ-Thư lấy lính chia làm năm *quân*; sai Lộc vận lương: đào cừ cho thông đường chở lương. Lộc bèn từ Dương-Sơn (thuộc Phiên-Ngu) khơi nguồn nước, lấy giòng Bắc sông Tương dập vào sông Sở-Dong làm thành đoạn dưới sông Tường-Kha cho Nam chảy vào Biển. Việc vận lương khó nhọc, bèn liệu thế làm kè để dẫn nước chảy ngược ở giữa dám cát-sỏi: Xếp đá làm máng, bắt cho nước sông Tương chảy rót vào, đi ngược sáu mươi dặm. Đặt ba mươi sáu cửa ngăn. Thuyền vào ngăn nào thì đóng cửa cống ngăn nấy cho nước chứa dần đầy. Cho nên có thể lên được ghềnh cao; xuống được thác dốc. .. Đã thông thuyền bè, lại lợi cho việc tưới ruộng. Gọi là « cừ-thiêng ». (*Lĩnh-Nam Di-Thư* của Âu-Đại-Nhâm). « Cừ của đời Tần đào ở cách phía Nam huyện Hưng-Yên, (nay thuộc Quế-châu) hai mươi dặm, gốc từ sông Ly, ở chỗ phía Bắc núi Giá; Tây-Bắc chảy tới Huyện; Tây-Nam hợp với

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)

Linh-Cừ năm đậm rồi mới chia làm hai dòng. Xưa Tần sai Ngự-sử là Giám-Lộc đào cừ ấy từ Linh-Lăng tới Quế-Lâm.» (*Thái-bình Hoàn-vũ ký*).— « Đất cũ Bách-Việt: Từ Thủy-Hoàng-đế nhà Tần gồm có thiên-hạ, phá núi thông đường, lược-định đất Dương-Việt đặt làm Nam-Hải, Quế-Lâm, Tượng-quận. Quảng-Tây ngày nay là Quế-Lâm đời Tần; Quảng-Đông: Nam-Hải đời Tần; Giao-Chỉ: Tượng-quận đời Tần. Hán Vũ-Đế bình Nam-Hải, chia Quế-Lâm của Tần làm đôi là Uất-Lâm và Thương-Ngô; chia Tượng-quận làm ba là Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam; lại cắt ít đất thừa của Nam-Hải, Tượng-quận đặt làm quận Hợp-Phố. Rồi từ huyện Từ-Văn vượt bể cướp lấy hai quận Châu-Nhai, Đam-Nhĩ ở đảo Hải-Nam. Đặt Thứ-sử ở Giao-Châu. Hán chia ra chín quận, so với Tần coi như là nhiều. Nhưng thống-trị nó thì có một viên Thứ-sử châu Giao mà thôi. Đến Ngô mới chia làm hai. Từ đó mới lập có tên Giao và Quảng. Khi ấy Giao thì phủ đóng ở Long-Biên, Quảng thì ở Phiên-Ngu. Khuôn-phép cũng như đời Hán, chỉ có soái-phủ là thay chỗ mà thôi. Đường Cao-Tông mới đặt An-Nam Đô-Hộ-phủ ở Giao-Châu. Trong đời Hoàng-Hựu triều ta (Tống) đặt chức An-phủ-kinh-lược ở Quế-Lâm. Soái-phủ miền Tây bắt đầu từ đấy. Tới nay Bát-Quế, Phiên-Ngu, Long-Biên, đứng sóng nhau như chân vạc, lại trở lại như đời Tần

xưa ». (**Lời đáp thay về đất ngoài Ngũ lĩnh của** Chu-Khứ-Phi đời Tống).

(11) Long-Xuyên, nay là đất Tuần-Châu. (K. Đ. V. S. cuốn I) — « Ngũ-Lĩnh là : Đỉnh Đài-Lĩnh ở Đại Dữu, ấy là ngọn thứ nhất trong Ngũ-Lĩnh ; đỉnh Kỵ-Điền ở Quế-Dương, ấy là ngọn thứ hai ; đỉnh Đô-Bàng ở Cửu-Chân, ấy là ngọn thứ ba ; đỉnh Mạnh-Chử ở Lâm-Hạ, ấy là ngọn thứ tư ; đỉnh Việt-Thành ở Thủy-An, ấy là ngọn thứ năm » (*Nam-Khang ký* của Đặng-Đức-Minh). « Ngũ-Lĩnh là Đại-Dữu, Thủy-An, Lâm-Hạ, Quế-Dương, Yết-Dương, đều ở trong cõi hai tỉnh Quảng » (*Quảng-Châu ký* của Bùi-Uyên) Phương-Dĩ-Trí nói : « Cửu-Chân xa quá ! Nên lấy thuyết sau là phải ». Chu-Khứ-Phi nói : « Từ đời Tần mới có chuyện Ngũ-Lĩnh, đều chỉ vào tên núi. Xét ra thì là đường vào Lĩnh-Nam có năm lối mà thôi, không hẳn đã là núi cả. Vậy : một là lối từ Đinh-Châu ở Phúc-Kiến vào Tuần-Mai ở Quảng Đông ; hai là lối từ Nam-An ở Giang-Tây qua Đại-Dữu vào Nam Hùng ; ba là lối từ Tham-Châu ở Hồ-Nam vào Liên Châu ; bốn là lối từ Đạo-Châu vào Hạ-Châu ở Quảng-Tây ; năm là lối từ Toàn-Châu vào Tĩnh-Giang ». (K. Đ. V. S. cuốn I)

(12) « Nguyên núi Tiên-Du, có tên nữa là núi Lạn-Kha (mục cán dìu), ở huyện Tiên-Du. Trên có tảng đá bàn-cờ. Tương-truyền có người đánh

củi xem hai ông tiên đánh cờ, cán dìu mục nát lúc nào không biết ! » (*An - Nam - chí* của C. H. T.)

(13) « Tiểu-giang tức sông nhỏ của phủ Đô-Hộ, sau nói sai là bến Đông-Hồ. Nay không rõ ở đâu » (K. Đ. V. S.)

(14) « Nguyên núi Vũ - Ninh ở châu Vũ - Ninh, trên có ngọn Tỉnh-Thủy. Trên ngọn có con rắn đá, tên là Ngọc Kinh. Vũ-Ninh nay là huyện Vũ-Giang » (An-Nam-chí của C. H. T.)

(15) « Bình-Giang tức sông Thiên-Đức, là nhánh phía Đông-của sông Lô, chảy thông xuống sông Bình-Than. Lại có tên là sông Đông-Ngàn. » (K. Đ. V. S. cuốn I).

(16) « Nam Việt-Chí có chép : An-Dương-Vương đóng ở Giao-Châu. Hiệu-Úy Triệu - Đà cất quân đánh. An-Dương-Vương có bậc thần-nhân tên là Cao-Thông giúp-đỡ, làm một chiếc nỏ, bắn một phát giết một vạn quân Việt ! Ba phát giết ba vạn người. Đà biết cớ ấy, liền lui về đóng ở Vũ-Ninh, rồi sai con là Trọng-Thủy sang làm con tin, xin thông hiếu. Sau An - Dương - Vương đãi Cao-Thông không tốt. Thông bèn bỏ đi. An-Dương-Vương có con gái là My-Châu, thấy Trọng-Thủy về người xinh đẹp, bèn tư tình với. Sau Trọng-Thủy dỗ My-Châu xin xem nỏ thần. My-Châu cho xem. Bèn làm bống lấy nỏ, lập tức sai sứ về

báo cho Đà biết, lại cất quân sang đánh. An-Dương-Vương lại bắn nỏ như trước. Nỏ hỏng. Quân lính đều tan chạy. Bèn phá được » (*Thái-Bình Hoàn-Vũ-Ký* của Nhạc-Sử).

(17) « Đền vua Thục ở núi Mộ-Dạ, xã Hương-Ái, huyện Đông-Thành, tỉnh Nghệ-An. » (K. Đ. V. S.)

(18, 19, 21) Đều là những chuyện ở Tầu, có chép trong sách Tả-Truyện.

(20-22) Xem truyện Triệu-Việt-Vương dưới đây.

Lời bàn của kẻ dịch

Theo như giả-thuyết trên kia của tôi thì cái quốc-gia thứ nhất của giống người Bách-Việt tức là nước Việt. Có chép trong các sử Tầu về đời Xuân-Thu. Người Tầu khi ấy vẫn coi người Việt là dân mọi-rợ, chứ không phải cùng giống với họ. Cái nước Việt ấy đã bị diệt về hồi đầu đời Chiến-quốc. Và đến đời Tần thì đã đồng-hóa với dân Tầu rồi. Theo như sử Tầu thì khu-vực của dân Bách-Việt hay Dương Việt về đời Tần chỉ còn gồm có Quảng-Đông, Quảng-Tây và Bắc-Kỳ ngày nay. Ở trong khu-vực ấy, người mình hồi đó đã thành một quốc-gia chưa? Cứ sử cũ, thì cái quốc-gia của chúng ta khi ấy là nước Âu-Lạc của An-Dương-Vương. Câu chuyện An-Dương-Vương, Ngô-sĩ-Liên chắc là dựa theo *Lĩnh-Nam Trích-Quái* của Vũ-Quỳnh. Mà Vũ-Quỳnh có lẽ

lại dựa theo *Giao-Quảng-Ký*, *Thái-Bình-Hoàn Vũ Ký*, cũng ít nhiều thần thoại về thành Cổ-Loa cùng đến vua Thục. *Thái-bình Hoàn-Vũ-Ký* lại chép theo *Nam-Việt-Chí*. Bộ này chẳng rõ ai viết và từ đời nào? Dù ông vua ấy quả có nữa, thì cũng chỉ cai-trị có nguyên đất Bắc-Kỳ ngày nay. Còn những dân Bách-Việt ở hai tỉnh Quảng khi ấy, có lẽ còn ở vào thời kỳ bộ-lạc.

Nay hãy theo cái giả-thuyết trước của tôi, coi vua Hùng, vua Thục chỉ là những vị tù-trưởng, những quan-lang, phụ-đạo có thế-lực trong nhất thì. Như vậy, Tổ-tiên chúng ta hồi đó chưa ở thành một quốc-gia. Tuy vậy, đã rất giầu có tinh thần dân tộc. Người Tầu gọi dân ta khi ấy là dân Lục-Lượng nghĩa là một giống dân cứng-cỏ và bướng-bỉnh. Sử lại chép khi Đồ-Thư vào đất ta, dân ta đều trốn vào rừng rú, không chịu làm tay sai cho giống khác. Lại ngầm cắt người giỏi-giang làm tướng, đánh giết Đồ-Thư. Cho được bình-định đất ta, người Tầu phải dùng đến năm mươi vạn quân! Cuộc phản-kháng ấy chung-quy thất-bại. Duyên-cớ? Có lẽ chỉ là bởi sự tổ-chức rộng-lớn về chính trị chưa có: Những dân bộ-lạc có chống-cự lâu-dài sao được với quân-đội xâm-lăng của một đế-quốc hùng-cường! Đọc sử ta đoạn này, với đọc sử Pháp hồi quân La-Mã sang lấn đất dân Gô-loa, ta thực thấy cùng chung cảm-khái!

Chuyện ông thánh Trèm (Lý-Ông-Trọng) chưa chắc đã có. Nhưng Sử-Lộc với dấu vết « Cử thiêng » ta phải tin là thật. Với chuyện ấy, ta thấy giống người mình là một giống thông minh và giầu sáng-kiến nữa ! Những máng dẫn-thủy ngày nay chưa chắc đã khôn khéo hơn con ngòi vận-lương của chàng họ Sử. Tiếc thay cái thiên tài ấy dân-tộc mình đã không dùng nổi, và để đến nỗi giúp cho địch-quốc.

Lại tiếc thay cái con người ấy, lòng công-danh đã đè át mất tính nòi-giống.

Ngoài những cảm-tưởng kể trên, đối với những thần-thoại về đời này, chắc các bạn cũng thừa hiểu chỉ nên coi là... thần-thoại ! Lời bàn « đáng tin » hay « chẳng đáng tin » của họ Ngô đến thế-hệ chúng ta đã không còn thấy có lý-do đứng-dắn nữa rồi !

CUỐN THỨ HAI

TRIỀU HỌ TRIỆU

VŨ - ĐẾ

Ở ngôi bầy mươi mốt năm, thọ một trăm hai mươi mốt tuổi.

Họ Triệu nhân nhà Tần suy-loạn, giết các trưởng lại (các quan đầu huyện) nhà Tần ; chiếm cứ đất Lĩnh-Nam ; (phía Nam Ngũ - Lĩnh) xưng đế ; chống chọi với nhà Hán; hưởng nước, truyền ngôi trăm năm rồi mới mất. Cũng là một vua anh-hùng.

Họ Triệu, húy Đà ; người ở Châu-Định bên Hán ; đóng đô ở Phiên - Ngu (1) — **Nay ở Quảng Đông.**

Giáp-Ngọ, năm đầu, — **Năm thứ 3 đời vua** Tần-Nhị-Thế (207 tr. T. L.) — Nhà-vua gồm có

đất Lâm-Ấp, Tượng-quận, tự lập làm Nam-Việt-vương.

Ất-Vị, năm thứ hai, — *Năm đầu đời Tây-Sở Bá-Vương Hạng-Tịch và Hán-Vương Lưu Bang* (206 tr. T. L.), — năm ấy nhà Tần mất.

Đinh-Dậu, năm thứ tư — **Năm thứ ba đời Sở Hạng-Tịch và Hán-Lưu-Bang** (204 trước T. L.) — Mùa Đông, tháng Mười, ngày Ba-mươi, nhật thực.

Tháng Mười-một, ngày Ba-mươi nhật-thực (2).

Mậu Tuất, năm thứ năm — *Năm thứ tư đời Sở Hạng-Tịch và Hán-Lưu-Bang* (203 trước T. L.),— mùa Thu, tháng Bảy, có sao-chổi ở khoảng sao Đại-Giác. (3)

Kỷ-Hợi, năm thứ sáu,— *năm thứ 5 đời Hán Cao-Đế* (202 tr. T. L.) — mùa xuân, tháng Hai, Hán-vương lên ngôi hoàng-đế. Năm ấy, nước Tây-Sở mất.

Quý-Mão năm thứ mười,— *năm thứ 9 đời H. C. Đ.* (198 tr. T. L.)— Nhà vua sai quan Sứ, chủ trương trông coi hai quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân. (4)

Ất-Tỵ, năm thứ mười hai,— *năm thứ 11 đời H. C. Đ.* (196 tr. T. L.) Nhà Hán đã định Thiên hạ, nghe nhà vua cũng đã làm chúa đất Việt, nhân sai Lục-Giả sang, phong nhà vua làm Nam-

Việt-Vương ; trao ấn, thao ; tách giấu (5) thông sứ ; khiến phải hòa hợp trăm giống Việt, chớ cướp bóc làm hại. Sứ-giả đến, Nhà vua ngồi xổm mà tiếp Giả. Giả nói : « Vương vốn người bên Hán. Thân-thích, mồ-mả đều ở bên Hán. Nay trái với tục gốc (6), toan giữ đất này làm địch quốc chống-chọi với Hán, há chẳng lầm sao ? Vả chăng nhà Tần bỏ mất con hươu, hảo-kiệt trong đời cùng đua đuổi. Chỉ có vua Hán khoan-nhân, thương người, dân đều vui lòng theo. Nổi lên từ Phong, Bái, vào trước cửa Ải ; giữ đất Hàm Dương, trừ giệt kẻ đầu tội. (7) Trong khoảng năm năm, dẹp đời loạn đưa lại đường chính, bình định bốn biển. Đó chẳng phải là sức người mà có lẽ là Trời cho ! Vua Hán nghe Vương làm chúa đất này, vẫn toan quyết một trận được thua (8). Nhưng vì thương trăm họ vừa mới khó nhọc, cực khổ, nên thôi việc ấy. Sai sứ đem ấn, thao đưa sang cho Vương. Vương nên đón tự ngoài thành, lạy tiếp để tỏ lòng tôn-kính. Nay đã không thế, sắp đủ lễ mà ra mắt sứ-giả, cũng còn là được ! Cớ chi lại cậy mình có đám dân Bách - Việt, khinh-nhờn sứ-giả của Thiên-Tử. Thiên - tử nghe tin, (9) cất quân hỏi tội, thì Vương sẽ làm ra thế nào ? » Nhà-vua sửng-sốt đứng dậy mà rằng : « Ở đây đã lâu ngày, hồ bỏ mất cả lễ-nghĩa ! » Nhân hỏi Giả rằng : « Ta với Tiêu-Hà, Tào-Tham (10), ai giỏi hơn ? » Giả nói : « Vương chừng như

giỏi hơn ! » Lại hỏi : « Ta với vua Hán, ai giỏi hơn ? » Giả nói : « Vua Hán nối nghiệp của năm đời Đế, ba đời Vương, thống trị Trung - Quốc. Người Hán kể có ức vạn ! Đất vuông muôn dặm ! Của đông ; dân giầu, Chính - quyền do tay một nhà... Từ hồi mở Trời, dựng Đất đến giờ, chưa có đời nào được thế ! Nay Vương dân chẳng qua mười vạn, ở lộn-xộn trên non, dưới biển. Ví cũng như một quận của Hán, sao lại đem đọ với Hán ? » Nhà-vua cười và nói : « Ta giận thân không nổi lên ở bên ấy ! Đâu đã chịu không bằng Hán ! » Giả nín lặng tiu-nghỉu ! Bèn giữ Giả ở lại vài tháng. Nói rằng : « Trong đất Việt không ai đáng nói chuyện ! Từ khi chàng đến, khiến ta hằng ngày được nghe những chuyện chưa nghe ! » Cho Giả của bỏ dẫy (11) đáng nghìn vàng ! Kịp khi Giả về, lại cho nghìn vàng nữa !

Bính - Ngọ, năm thứ mười ba — *năm thứ 12 đời H. C. Đ.* (195 tr, T. L.) — mùa Hè, tháng Tư, vua Hán mất.

Canh-Tuất, năm thứ mười bầy, — *Năm thứ 4 đời Hán Huệ-đế Doanh* (191 tr. T. L.) — Mùa Hè, Hán lập miếu thờ Tổ ở phía Bắc sông Vị

Quý-Sửu, năm thứ hai mươi — *Năm thứ 7 đời* H. H. Đ. (188 tr. T. L.) — Mùa Xuân, tháng Giêng, mồng một, nhật-thực.

Mùa Hè, tháng Năm, mặt Trời bị ăn hết.

Mùa Thu tháng Tám, vua Hán mất.

Ất-Mão, năm thứ hai mươi hai, — *Năm thứ 2 đời* Hán-Cao hậu Lã - Trĩ (186 tr. T. L.) — Mùa Hè, tháng Sáu, ngày Ba-mươi, nhật-thực.

Đinh-Tỵ năm thứ hai mươi bốn — *Năm thứ 4 đời* H. C. H. (184 tr T. L.) Hán cấm Nam-Việt không được qua ải buôn bán cùng mua đồ sắt. Nhà-vua nói : « Khi Cao-đế lên ngôi, ta thông sứ, cùng nhau mua bán chung các đồ vật. Nay Cao-hậu nghe bọn nịnh-thần dèm-pha, phân-biệt Hán, Việt, ngăn cấm các đồ-vật. Đây tất là kế của Trường-Sa vương, muốn dựa vào oai-đức nhà Hán, toan lấy nước ta mà làm chúa tất cả và tự lấy làm công...»

Mậu-Ngọ, năm thứ hai mươi lăm, — *năm thứ 5 đời* H. C. H. (183 tr. T. L.) Mùa Xuân, nhà vua lên ngôi Hoàng-Đế. Ra quân đánh Tràng-Sa : đánh được vài quận rồi trở về.

Canh-Thân năm thứ hai mươi bầy, — *năm thứ 7 đời H C. H* (181 tr. T. L.), Hán sai Lâm-Lư-hầu là Chu-Táo, đánh Nam-Việt, để báo thù việc đánh Tràng-Sa. Gặp mùa nắng-bức, ẩm-ướt, sinh ra bệnh dịch dữ-dội, (12) bèn bãi-binh. Nhà vua nhân đó lấy binh-oai cùng của-cải chiêu dụ các dân Mân-Việt cùng Tây-Âu-lạc, — *tức là Giao-Chỉ, Cửu-Chân.* — Họ đều ứng

theo : Đông Tây kề rộng hơn muôn dặm. Nhà vua cưỡi xe mùi vàng, cắm cờ đạo phía trái, xưng-chế cũng như nhà Hán.

Tân-Dậu, năm thứ hai mươi tám, — *năm thứ 8 đời* H. C. H. — Mùa Thu, tháng Bầy, Cao-hậu mất. Các đại thần đón Đại-vương Hằng lập làm vua, ấy là Văn-đế.

Nhâm Tuất, năm thứ hai mươi chín, — *năm đầu đời Hán-Văn đế* (179 tr. T. L.), Vua Hán vì mồ-mả cha, mẹ Nhà-vua ở Chân-định đặt viên thủ - ấp, tuần - tiết phụng - thờ. Với các anh, em ngài cho làm quan - sang, ban thưởng khá hậu. Bảo Tể-Tướng là Trần-Bình cử lấy người có thể sang sứ Việt. Bình nói : « Trong đời Tiên - đế, Lục-Giả đã từng sang sứ-Việt. . . » Vua Hán bèn với Giả cho làm Thái-Trung-đại-phu cùng một viên Yết-Giả làm phó-sứ, sang đưa cho Nhà-vua bức thư rằng :

« Kính thăm Nam-Việt-vương rất nỗi khổ lòng « mệt ý. . . Trẫm là con vợ lẽ đức Cao-đế. . . Bị « bỏ ở ngoài đất Đại, vâng làm phên - dậu phía « Bắc. Đường-lối xa xăm, che lấp quê-kệch, chưa « từng có gửi thư sang. Cao - hoàng - đế bỏ bầy- « tôi. . . Hiếu-Huệ hoàng-đế lìa đời. . . Cao-hậu tự « coi việc,. chẳng may có bệnh. Các người họ Lã « chuyên quyền làm loạn. Chẳng có thể một mình « chống chế, bèn lấy đứa con họ khác làm kế-

« tự cho vua Hiếu-Huệ. Nhà anh-linh của Tông-
« miếu, tài sức của các ông-thần, đã giết được
« hết bọn chúng. Trẫm vì cớ các Vương, Hầu,
« các quan không chịu buông-tha, không lên
« ngôi không được! Nay đã lên ngôi, mới nghe
« tin Vương đưa thư cho Tướng-quân là Lâm-Lư-
« hầu, nhờ tìm các anh, em ruột, cùng xin bãi
« hai viên Tướng-quân ở Trảng-Sa. Trẫm vì thư
« của Vương, bãi chức Tướng-quân của Bác-
« Dương-hầu; các anh, em ruột ở Chân-định đã
« sai người thăm hỏi; lại sửa trị mồ-mả các
« đấng Tiên-nhân. Hôm trước nghe tin Vương
« đem quân vào biên cương, cướp-phá chẳng
« ngớt! Trảng-Sa khổ về chuyện đó. Nam-
« Quận lại càng quá! Dù bên nước của Vương
« nữa, há riêng có lợi sao? Tất phải giết nhiều
« quân-lính; làm hại các tướng lại tài giỏi;
« để vợ người ta phải góa! Con người ta phải
« côi! cha, mẹ người ta phải cô-độc! Được
« một, mất mười, Trẫm không nỡ làm thế...
« Trẫm muốn định lại đất cát, những chỗ chen
« vào nhau như răng chó. Đem hỏi các quan. Các
« quan thưa: « Ấy là những chỗ Cao-hoàng-đế
« dùng để phân giới Trường-Sa với đất của
« Vương... » Trẫm không được phép thiện-tiện
« thay đổi. Nay được đất của Vương, chẳng đủ
« để thêm lớn; được của của Vương, chẳng đủ
« để làm giàu... Vậy từ Ngũ-Lĩnh trở sang Nam,

« Vương tự trị lấy ! Tuy vậy, Vương lại tự xưng « là « hoàng - đế » ! Hai « hoàng - đế » đứng đôi, « không có lấy một viên sứ cưỡi xe đề mở đường « đi lại, thế tức là ganh nhau. Ganh nhau mà « chẳng nhường nhau, kẻ có nhân không thèm « làm ! Vậy xin cùng vương chia nhau mà bỏ « lỗi trước. Từ nay về sau, lại thông sứ như cũ. « Cho nên sai Lục-Giả chạy sang, đem bản-ý của « Trẫm bảo cho Vương rõ. Vương cũng nên nhận « lời, chớ cướp phá nữa ! Nhân đem năm chục « bộ áo bông hạng thượng, ba chục bộ áo bông « hạng trung, hai chục bộ áo bông hạng ba, làm quà « cho Vương. Mong Vương nghe nhạc khuây lo, « thăm hỏi đến các nước láng-giềng...»

Giả tới, Nhà-vua xin lỗi mà rằng : « Xin kính vâng lời chiếu, làm chức Vương ở phên - dậu, nộp đồ cống - hiến mãi mãi ! Thế rồi xuống chiếu ở trong nước rằng :

« Trẫm nghe : Hai tay hùng chẳng cùng đứng ; « hai người hiền chẳng cùng đời... Hoàng - đế « nhà Hán là một vị thiên-tử khôn ngoan. Từ nay « ta bỏ xe mui vàng, cờ đạo phía tả, cùng các nghi- « vệ hoàng-đế » !

Nhân viết thư rằng :

« Trùm lớn dân Mường-rợ, lão tôi là Đà mạo « muội đáng chết, hai lậy dâng thư dưới Hoàng- « đế : Lão vốn là quan đất Việt. May Cao-đế ban

« cho ấn, thao, cất làm Nam-Việt vương. Hiếu
« Huệ hoàng-đế lên ngôi, nghĩa không nỡ dứt,
« ban cho lão rất hậu. Cao-hậu lên cầm quyền,
« phân biệt ra Trung - hoa với Mường mọi ! Ra
« lệnh rằng : « Chở cho Nam - Việt các đồ làm
« ruộng bằng gang, sắt. Và các giống Ngựa, trâu,
« dê, dù có cho thì cho con đực đừng cho con
« cái ! Lão ở nơi hẻo-lánh. Tuổi ngựa, trâu, dê
« đã già... Tự nghĩ không sắm-sửa được việc
« tế-tự, thực đáng tội chết. Sai Nội-Sử là Phan,
« Trung-Úy là Cao, Ngự-Sử là Bình, tất cả ba
« bọn dâng thư tạ lỗi, đều không trở về ! Lại
« nghe đồn : Mồ-mả cha, mẹ lão đã phá hỏng !
« Anh, em họ hàng đã bị chu-diệt ! Cho nên bàn
« nhau với các quan rằng : « Nay trong đã không
« được hãnh-diện với Hán ; ngoài lại không lấy
« gì để tự làm cho cao-lạ với đời..., vậy đổi
« hiệu là « đế »... ấy chỉ là tự làm « đế » ở
« nước mình, nào phải dám có lòng làm hại
« Thiên-hạ ! Cao-hoàng-hậu nghe tin cả giận ! Xóa
« bỏ tên Nam-Việt ở trong sổ, không cho sứ đi
« lại nữa ! Lão trộm ngờ Tràng-Sa vương dèm-
« pha sinh chuyện, cho nên cất quân đánh biên-
« giới của hắn ! (13) Lão ở Việt bốn mươi chín
« năm, tới nay đã ẩm cháu rồi ! Vậy mà dậy
« sớm, thức khuya, nằm chẳng yên chiếu ; ăn
« chẳng ngon miệng ; mắt không trông mầu loẹt-
« loè ; tai không nghe tiếng chuông, trống... Ấy

« chỉ vì không được làm tôi Hán. ... Nay may « được Bệ-hạ thương xót, phục lại tước cũ, cho « sứ sang như xưa, Lão xương chết không mục, « đời hiệu chả dám làm đế nữa ! Kính nhờ sứ giả, « dâng một đôi ngọc bích trắng, nghìn bộ lông trả, « mười tỏa sừng tê, năm trăm trai tía, một bình « cà-cuống, bốn chục đôi trả sống, hai đôi công... « Mạo-muội tội chết, hai lậy tâu dưới bệ Hoàng- « đế ». (14)

Lục-Giả được thư về thưa lại. Vua Hán rất vừa lòng. Từ đó Nam, Bắc giao hiếu, thôi việc dùng binh. Dân được yên nghỉ.

Quý-Hợi, năm thứ ba mươi, — *năm thứ 2 đời Hán Văn-đế* (178 tr. T. L.) — mùa Đông, tháng Mười, ngày ba mươi, nhật-thực.

Giáp-Tý, năm thứ ba mươi mốt, — *năm thứ 3 đời* H. V. *Đ.* — mùa Đông, tháng mười, ngày ba mươi, nhật-thực.

Tháng Mười một, ngày Ba-mươi, nhật-thực.

Tân-Ty, năm thứ bốn mươi tám, — *năm thứ 4, hiệu Hậu-Nguyên đời* H. V. *Đ.* (160 tr. T. L.) — mùa Hè, tháng Tư, ngày Ba-mươi, nhật-thực.

Giáp-Thân, năm thứ năm mươi mốt, — *năm thứ 7 hiệu* H. *N. đời* H. V. *Đ.*, (157 tr. T. L.) — mùa Hè, tháng sáu, vua Hán mất, chiếu cho rút ngắn kỳ tang.

Mùa Thu, tháng chín, có sao chổi ở phương Tây.

Ất-Dậu, năm thứ năm mươi hai, — *năm đầu đời Hán Cảnh-đế Khải* (156 tr. T. L.) — Nhà Hán chiếu cho các quận, các thuộc-quốc lập miếu vua Thái-Tông (Văn-đế)

Bính-Tuất, năm thứ năm mươi ba — *năm thứ 2 đời* H. C. Đ. — mùa Đông, tháng Mười-Một, có sao chổi ở phương Tây.

Đinh-Hợi, năm thứ năm mươi tư — *năm thứ 3 đời* H. C. Đ. — mùa Xuân, tháng Giêng, sao-Đại mọc ở phương Tây. Ngày Ba-mươi tháng ấy, nhật-thực.

Mậu-Tý, năm thứ năm mươi lăm, — *năm thứ 4 đời* H. C. Đ. — mùa Đông, tháng Mười, ngày Ba-mươi, nhật-thực.

Quý-Tỵ năm thứ sáu mươi, — *năm thứ 2 hiệu Trung-Nguyên đời* H. C. Đ. — mùa Hè, tháng Tư, có sao chổi ở phương Tây-Bắc.

Mùa Thu, tháng Chín, ngày Ba-mươi, nhật-thực.

Giáp-Ngọ, năm thứ sáu mươi mốt, — *năm thứ 3 hiệu* T. N. *đời* H. C. Đ. — mùa Thu, tháng Chín, có sao chổi ở Tây-Bắc. Ngày Ba-mươi tháng ấy, nhật-thực.

At-Vị, năm thứ sáu mươi hai, — *năm thứ 4*

hiệu T. N *đời* H. C. Đ. — mùa Đông, tháng Mười, ngày Ba-mươi, nhật-thực.

Đinh-Dậu, năm thứ sáu mươi tư — *năm thứ 6 hiệu* T. N. *đời* H. C. Đ. (144 tr. T. L.) — mùa Thu, tháng Bảy, ngày Ba mươi, nhật-thực. Khi ấy Nhà-vua phàm sai sứ sang Hán thì xưng « Vương », nào chầu, nào thăm, cũng ngang với Chư-hầu. Nhưng ở trong nước vẫn theo hiệu cũ.

Mậu-Tuất, năm thứ sáu mươi lăm,— *năm đầu hiệu Hậu-Nguyên đời* H. C. Đ. — Mùa Thu, tháng Bảy, ngày ba mươi, nhật-thực.

Canh-Tý, năm thứ sáu mươi bảy, — *năm thứ 2 hiệu H. N. đời* H. C. Đ.— Mùa Đông, tháng mười, mặt Trời, mặt Trăng đều đỏ thẫm.

Tháng Mười-một, mặt Trời như mầu tím ; Năm-Sao đi ngược, đóng vào cung Thái-Vi ; mặt trăng suốt giữa Thiên-Đình — *Thiên-Đình tức là Mười Sao ở ngôi cung Thái Vi, góc Hữu Long-Tinh ; ở khoảng sao Dực, sao Chẩn. Ấy là cung của Thiên-Tử, ngôi của Ngũ-Đế.* (15)

Mùa Xuân, tháng Giêng, vua Hán mất. (16)

Nhâm-Dần, năm thứ sáu mươi chín, — *năm thứ 2 hiệu Kiến-Nguyên đời Hán Vũ-đế Triệt* — mùa Xuân, tháng giêng, ngày Ba mươi, nhật-thực.

Mùa Hè, tháng Tư, có sao như mặt Trời, mọc về ban đêm.

Quý-Mão, năm thứ bảy mươi, — *năm thứ 3 hiệu Kiến-Nguyên bên Hán.* — mùa Thu tháng Bầy, có sao Chổi ở phương Tây-Bắc.

Tháng chín, ngày ba mươi nhật thực.

Giáp-Thìn, năm thứ bảy mươi mốt, — *năm thứ 4 hiệu K. N. bên Hán*, (137 tr. T. L.), Nhà-vua mất, đặt tên thụy là Vũ-Đế (17). Đích-tôn là Hồ lên nối ngôi. — *Sau đời Trần phong Nhà-vua là Khai-Thiên — Thể-đạo — Thanh-vũ — Thần-triết — Hoàng-đế.*

Lê-văn-Hưu bàn rằng:

Liêu-Đông (Cao-Ly ngày nay) không có Cơ-Tử, không gây nên được tục áo-xiêm! Ngô-Cối chẳng nhờ Thái-Bá, chẳng nối được nghiệp Vương-bá (18)! Đại-Thuấn là người rợ Đông, làm chúa sáng-láng trong năm đời Đế! Văn-vương là người rợ Tây, làm vua hiền-đức trong ba đời Vương! Cho hay kẻ khéo trị nước, chẳng cứ đâu ở đất rộng hay hẹp, dân *máu* hay *kinh*; chỉ có đạo-đức là chỗ nên nhìn đến! Triệu Vũ-đế mở mang được nước Việt ta, mà tự làm Hoàng-đế nước mình, để cùng nhà Hán chống-chọi... Chép là « đế » là vì mở đầu ra cơ-nghiệp đế-vương ở ta. Công ấy kể thật là lớn! Những người làm vua nước Việt sau này, nếu bắt chước được Triệu-Vũ; giữ vững cõi bờ;

đặt ra quân-quốc ; có đạo để giao-thiệp với lân-bang ; đem nhau để giữ-gìn lấy ngôi cả ; thì sẽ bảo-toàn mãi được đất nước, người Tầu chả có thể lại tráo trưng nhòm-ngó được nữa !

Sử-thần Ngô-sĩ-Liên bàn rằng :

Truyện dậy rằng : « Có đức lớn tất có được ngôi, tất có được danh, tất có được thọ ». Nhà vua tu cách gì mà được thế ? Cũng là tu đức đó thôi ! Xem lời đối đáp với Lục-Giả thì cái oai anh võ, há nhường chi Hán-Cao ? Kịp khi nghe Văn-Đế vì mồ mả cha, mẹ đặt viên thủ ấp, tuần tiết phụng thờ, cùng hậu đãi các anh, em, thì lại chịu khuất với Hán. Vì thế mà Tông-miếu thờ cúng, con cháu giữ gìn. . . , chẳng phải là vì có đức sao ? Dịch nói rằng : « Đức khiêm nhường, cao thì rực rỡ ; thấp thì không ai thể vượt qua... » Nhà vua chừng theo lẽ ấy. . .

Phụ chú

(1) Phiên ngu, xưa thuộc Nam-Hải, tức đất phủ Quảng-châu, tỉnh Quảng-Đông ngày nay (K. Đ. V. S. cuốn I)

(2-3) Nhật thực vốn có lệ thường. Chẳng những các nhà thiên-văn ngày nay, dù các nhà làm lịch Tầu từ hai nghìn năm xưa cũng đã có thể tính mà biết trước. Thế nhưng theo đạo Nho, ông vua lấy Trời làm cha, đất làm mẹ. . . Phàm những hiện tượng bất thường ở trong Trời, Đất,

như : sao sa, sao chổi, lụt lội, động đất v. v. đều là *ông cha Trời, bà mẹ Đất* quái gở ra để nhắc bảo cho kẻ làm vua liệu cách mà sửa mình. Bởi vậy, sử của nhà Nho, nhật thực tất phải chép. Thế nhưng họ Ngô xem ý ra sinh chép nhật thực quá ! Chẳng rõ căn cứ vào đâu mà lại chép luôn hai tháng có nhật thực liền ! Rồi dưới đây thì cơ hồ chuyện đó không mấy năm không ! Ta cũng chẳng còn hiểu sao nhà chép sử của ta lại thích « vẽ voi vào chỗ giấy thừa » như vậy nữa !

(4) « Nam Việt-Vương đã đánh, diệt được An-Dương-vương, bèn sai hai quan sứ chủ trương, trông coi hai quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân.— Giao - Chỉ là đất các bộ Chu-Diên, Phúc-Lộc, Vũ-Ninh, Ninh-Hải, Dương-Tuyền, Lục-Hải, Vũ-Định, Tân-Hưng đời trước. Triệu đặt làm quận, gồm mười huyện. Về sau thay đổi bất nhất, tức là đất các tỉnh Bắc-Kỳ ngày nay. Cửu-chân là ba bộ Cửu-chân, Hoài-Hoan, Việt - Thường đời xưa. Tần cho thuộc vào đất Tượng-quận. Triệu đặt riêng làm quận gồm mười hai huyện. Trong đời Nguyên-Đỉnh nhà Hán tách ra năm huyện Tỵ - Cảnh, Lô - Dong, Tây-Quyền, Tượng-Lâm, Chu-Ngô, đặt làm quận Nhật-Nam. Ngoài ra, Tư-Phố, Cư-Phong, Đô-Bàng, Dư-Phát, Hàm-Hoan, Vô-Thiết, Vô-Biên, gồm 7 huyện thì vẫn thuộc quận Cửu-Chân. Ngô, Tấn, Tống, Tề vẫn theo thế. Lương đổi làm Ái-châu. Về sau thay đổi bất nhất. Tức là đất Thanh, Nghệ,

Quảng - Bình, Quảng - Trị, Thừa-Thiên ngày nay ».
(K. Đ. V. S.)

(5) Người ngày xưa thường khắc một con giấu (phù) cắt ra làm đôi, mỗi bên giữ một nửa làm tin. Khi cần dùng, sẽ đem nửa nọ khớp với nửa kia, hễ hợp nhau là đúng.

(6) K. Đ. V. S. chép là : « Nay trái tính trời, bỏ đai, mũ, toan cứng-cỏ ở đất này, v. v. »

(7) K. Đ. V. S. chép là « Nổi lên ở Ba - Thục, rút lại diệt được họ Hạng ».

(8) K. Đ. V. S. chép là : « . . . nghe Vương làm chúa ở đây, mà chẳng giúp Thiên - Tử giết kẻ bạo ngược. Các quan tướng Văn, tướng Võ toan dời quân xuống Nam. Nhưng Thiên - Tử thương trăm họ. . . »

(9) Dưới câu này, K. Đ. V. S. chép thêm hai câu : «... Đào bới mồ-mả ! giết-dóc họ-hàng ! ... »

(10) Các công-thần của vua Hán Cao-đế.

(11 « Các của châu, báu, gói bỏ vào trong đấy » (K. Đ. V. S.)

(12) K. Đ. V. S. thêm vào câu « Không sao vượt nổi Ngũ-Lĩnh. . .

(13) Dưới câu này, K. Đ. V. S. còn thêm : «. . . Vả chăng phương Nam ẩm-thấp, trong đám Mường, Mọi, nào Đông-Mãn, nào Tây-Âu đều xưng hiệu là Vương cả ! Lão đây xưng đế, đề tự làm

vui một chút ! Nào dám đề đến tai Thiên-vương đâu ! . . . » Câu này là chép theo trong *Sử-Ký* của Tư-Mã-Thiên. Và cứ như câu này thì khi ấy nước ta đã thành một quốc-gia. Vì đã có người xưng vương ở Tây-Âu ! Tây-Âu, tức là cái tên của xứ Bắc-Kỳ (Giao-Chỉ) về đời Tần.

Như vậy, chuyện An-Dương-Vương chưa chắc đã hoàn-toàn là chuyện bịa !

(14) Hai bức thư này đều chép trong bộ *Sử-Ký* của Tư-Mã-Thiên. Cả triều họ Triệu có lẽ Lê-văn-Hưu đã lấy tài-liệu ở các sử Tầu. Cho đến về các đời Bắc-Thuộc sau này cũng vậy. Ngô-sĩ-Liên chỉ là chép theo sử của họ Lê mà thôi.

(15) Muốn rõ nghĩa đoạn này, cần phải hiểu cả khoa Thiên-văn-cổ của người Tầu.

(16) Câu này có lẽ thuộc về năm Tân-Sửu, mà bản-in cổ đã bị mục nát mất chữ.

(17) « Tảng ở Ngu-Sơn. — Theo *Thái-Bình Hoàn Vũ Ký* ; Ngu-Sơn cách huyện Nam-Hải một dặm về phía Bắc. Sách *Ngô-Lục* có chép : Phiên-huyện ở Ngu-Sơn, nơi chôn Úy-Đà. » (K. Đ. V. S.)

(18) Cơ-Tử, Thái-Bá đều người Tầu. Người thì sang làm chúa dân Hàn ở Cao-Ly. Người thì sang làm chúa dân Ngô ở Hồ-Nam. Khi xưa người Tầu còn coi những dân ấy là mọi-rợ. Dân Ngô sau đã đồng hóa với dân Tầu.

(19) Đại - Thuấn, Văn - vương đều là vua, chúa nước Tầu. Theo Mạnh-Tử thì đó là những người mọi-rợ, vào làm chúa dân Tầu, chứ không phải chính giống người Tầu. Nhưng theo *Sử-ký* của Tư - Mã - Thiên, thì hai người ấy lại là dòng-dõi vua Hoàng - đế, một ông vua mà người Tầu coi là Thủy - Tổ, cũng như Hùng - vương ở nước ta vậy !

VĂN - VƯƠNG

Ở ngôi mười hai năm, thọ 52 tuổi.

Nhà - vua lấy nghĩa cảm nước láng-giềng, lui được quân địch, yên được cõi - bờ, cũng kể là ông vua thịnh-trị vậy.

Húy là Hô. Con Trọng-Thủy, cháu Vũ-Đế.

Bính-Ngọ, năm thứ hai, — *năm thứ sau, hiệu Kiến Nguyên bên Hán* (135 tr. T. L.), — mùa Thu, tháng Tám, có sao Chổi ở phương Đông, dài suốt trời. Mân - Việt - vương là Sinh lấn biên-ấp của ta. Nhà - vua giữ lời hẹn với bên Hán, không thiện - tiện đất quân. Sai người đem thư nói việc ấy với vua Hán. Vua Hán cho là người có nghĩa, vì nhà - vua cử đại - binh, sai Vương-Khôi ra Dự-Chương, Hàn-An-Quốc ra Cối-Kê, cùng đánh Mân-Việt. Hoài-Nam vương là An dâng thư can vua Hán rằng :

« Việt là đất ngoài phép tắc. Những dân cắt

« tóc, về mình, không thể trị bằng pháp-độ của « nước thất đại, đội mũ ! Từ khi Ba Đời đương « thịnh, dân Hồ (Hung-Nô), dân Việt không chịu « chính - sóc (không theo phép lịch của Trung- « Quốc). Không phải là mạnh không đủ chinh- « phục, oai không đủ cai-trị. Nhưng cho là đất « không ở đến, dân không chăn đến, chẳng đáng « để phiền đến Trung-Quốc. Nay họ tự đánh phá « lẫn nhau. (1) Vậy mà Bệ-hạ đem quân cứu họ. « Thế là lại đem Trung - Quốc mà khó-nhọc vì « bọn mọi - rợ ! Vả chăng người Việt khinh-bạc, « giảo - giở, chẳng theo khuôn phép, chẳng phải « mới đâu một ngày ! Nếu mỗi khi không vâng « theo lời chiếu, lại cất quân đánh giết, tôi e « sau này việc binh - cách không còn lúc nào « được nghỉ nữa ! Gần đây mùa mảng không « được, sự sống của dân chưa lại. Nay cất quân « lương-thực chở đi hàng vài nghìn dặm. Chen « vào đám rừng sâu, tro bụi, nhiều giống rắn « độc, muỗng dữ. . . Tháng hè, mùa nắng, những « bệnh thổ tả, hoắc - loạn theo liền với nhau ! « Chưa từng ra quân, giáp trận, mà đã bị thương, « bị chết, chắc đã đông rồi ! Tôi nghe : « Sau « việc chiến-trận, tất có năm mất mùa ». Ý nói : « đem cái khí sầu-khổ, làm hỏng lẽ điều-hòa của « Âm, Dương, cảm-động phần tinh-hoa của Trời, « Đất, mà tai-biến sinh ra vì thế ! Bệ - hạ đức « sánh Trời, Đất ; ơn tới cỏ, cây. . . Dân có

« một kẻ đói, rết không bưởng trọn tuổi Trời
« mà chết, cũng vì nó chua - xót trong lòng. . .
« Nay trong cõi chó cắn không phải giật mình
« mà khiến cho bọn lính mặc giáp nằm phơi
« ở giữa đồng, dầm ướt ở hang núi. . . Những
« dân miền Sở đóng cổng sớm, mở cửa muộn,
« sáng chẳng biết chiều. . . An tôi trộm lấy
« thế làm hệ trọng thay cho Bệ - hạ. Vả chăng
« người Việt sức yếu, tài hèn, không biết
« đánh bộ. Lại không biết dùng xe, ngựa, cung,
« nỏ. . . Vậy mà không thể vào được, là vì họ
« giữ thế hiểm-trở mà người Trung-quốc không
« quen đất nước của họ. Tôi nghe đường xá đồn
« ngồn : « Em vua Mân-Việt là Giáp đã giết chết
« anh. Giáp lại cũng mắc mưu mà chết. Dân nó
« chưa thuộc về đâu. . . » Bệ hạ nếu sai một viên
« trọng-thần sang thăm ; gia ơn, treo thưởng,
« để chiêu dụ chúng. . . Thì dân ấy, tất bỏng trẻ,
« giắt già, để theo về đức thánh. . . Nếu không
« dùng chúng làm gì, thì kén dựng các Vương,
« Hầu, để còn nước đã mất, nối dòng đã dứt...
« Chúng tất sẽ trao con tin xin làm tôi tớ, đời
« đời nộp đồ cống-hiến. Thế là Bệ-hạ dùng trái
« ấn vuông tấc, giải thao trượng hai, mà vỗ yên
« được ngoài cõi! Không phiền một tên lính,
« không cần một ngọn giáo, mà ân, oai đều đã
« thi - hành ! Nay đem quân vào đất chúng thì
« chúng tất khiếp sợ, trốn vào núi rừng. Bỏ đó

« mà về thì chúng lại nhóm họp. Ở đó mà giữ « thì qua năm này, sang năm khác, quân lính « sẽ mỏi mệt ; lương thực sẽ thiếu thốn ; « một phương nguy cấp, bốn mặt đều núng ! Tôi « e biến cố sinh ra, gian tà nổi lên, là bắt đầu « từ đó ! Tôi nghe quân của Thiên - Tử, *chính* « chứ không *chiến*, nghĩa là không ai dám đối- « chọi. Vì phỏng người Việt liều lĩnh, chống lại « với các quan coi việc. Đám quân theo xe-ngựa, « lỡ khi không kịp đề-phòng, phải kéo trở về. . . « Thì dù có lấy được đầu chúa Việt, tôi còn nghĩ « mà xấu hổ ! Bệ-hạ lấy chín châu làm nhà ; sinh « dân đều là thần thiếp. . . Những đất mọi-rợ, « sao đủ để một ngày bận nghĩ mà phiền dân « ngựa chiến phải đồ bồ hôi ? Kinh Thi có câu : « Đạo vua thực đáng : Dân từ đã tới. . . » Ý nói « đạo Vương rất lớn mà phương xa đem lòng « mến. An tôi e các quan các tướng đem mười « vạn quân mà chỉ là làm việc của một viên sứ- « giả đó thôi ! »

Khi ấy quân Hán chưa qua Ngũ - Lĩnh. Chúa Mân-Việt đem quân chống giữ các nơi hiểm yếu. Người em là Dư - Thiện bèn bàn với họ hàng rằng : « Chúa ta vì thiện tiện đem quân đánh Nam-Việt, không xin với Hán, cho nên Hán đem quân đến đánh. Quân Hán đông và mạnh. Dù may mà được nữa, sau này chúng càng đến đông, rút lại đến mất nước mới thôi. Không bằng giết

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)

chúa để xin lỗi Hán, cầu bọ rút quân về ! » Bèn giết Sinh ! Sai sứ đem đầu Sinh dâng Vương-Khôi. Khôi bèn tính cho gọn việc, đóng quân lại, bảo với Hàn-An-Quốc. Và sai sứ đem đầu Sinh ruồi về tâu. Vua Hán liền sai Trang-Trợ sang bảo cho Nhà vua hay. Nhà vua dập đầu mà rằng : « Thiên-tử vì Quả-nhân cất quân giết chúa Mân-Việt, dù chết cũng không sao đền được ơn ! . . » Liền sai Thái-tử là Anh-Tề sang làm con tin. Và bảo Trợ rằng : « Nước mới bị giặc. . . Sứ - giả hãy về. . . Quả-nhân sẽ ngày, đêm sắp hành-trang để vào ra mắt Thiên-Tử ». Trợ về rồi, các quan đều can nhà vua rằng :

— Hán đem quân giết Sinh, muốn là để rung động nước Việt ta. Vả chăng Tiên-đế có nói : « Thờ Hán miễn là đừng trái lễ...» Tóm lại, không nên vì lời nói khéo mà vào chầu. Vào chầu thì không về được nữa, thế là mất nước ! » Nhà-vua bèn cáo bệnh, rút lại không vào chầu.

Đinh - Vị, năm thứ ba, — *Năm đầu hiệu Nguyên - Quang bên Hán*, — mùa Thu, tháng Bảy, ngày Ba mươi, nhật-thực.

Giáp - Dần, năm thứ mười, — *năm thứ 2 hiệu Nguyên - Sóc bên Hán*, — mùa Xuân, tháng Ba, ngày Ba mươi, nhật-thực.

Ất-Mão, năm thứ mười một, — *năm thứ 3*

hiệu N. S. bên H., — Nhà-vua yếu nặng. Thái-tử Anh-Tề ở bên Hán về.

Bính-Thìn, năm thứ mười hai, — *năm thứ 4 hiệu N. S. bên H.* (125 tr. T. L.), — Nhà-vua mất, thụy là Văn-vương, con là Anh-Tề lên ngôi.

Sử thần Ngô-Sĩ-Liên bàn rằng :

Văn-Vương biết đạo giao thiệp với các láng giềng. Triều Hán cho là có nghĩa, đến nỗi rấy quân đánh giúp bộ kẻ thù ! Lại biết nghe lời can, cáo ốm không sang chầu Hán... Theo giữ phép nhà, « để mưu cho cháu »,.., có thể kể là không thẹn với ông !...

Phụ-chú

(1) Theo bức thư này thì hồi ấy dân Bách-Việt ở Mân (Mân-Việt tức Phúc-Kiến ngày nay) còn chưa đồng-hóa với người Tầu. Và trong dân tộc ta khi ấy ít ra đã thành lập bốn quốc-gia : Đông-Mân, Mân-Việt, (Phúc-Kiến), Tây-Âu (Bắc-Kỳ) và Nam-Việt (Quảng-Đông, Quảng-Tây). Trong bốn quốc-gia ấy thì ba nước đã đồng-hóa với Tầu trong ít lâu sau. Chỉ có Tây-Âu qua hơn nghìn năm Bắc thuộc, lại tách ra mà lập lại thành nước ta ngày nay vậy.

Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán, Huỳnh Chiếu Đẳng

Minh - Vương

Ở ngôi mười một năm. Húy là Anh - Tề, con trưởng Văn-vương.

Nhà-vua không cẩn thận về đạo vợ-chồng, gây nên mối loạn cho nước nhà, không có gì đáng khen cả.

Đinh-Tỵ, năm đầu, — *năm thứ 5 hiệu N. S. bên H.* (124 trước T. L.) — cất Lã - Gia làm Thái-Phó.

Kỷ-Vị, năm thứ ba, — *năm đầu hiệu Nguyên-Thú bên H.* (122 tr. T. L.) — mùa Hè, tháng Năm, ngày Ba mươi, nhật-thực.

Nhâm-Tuất, năm thứ sáu, — *năm thứ 4 hiệu N. T bên H.* — có sao Chổi ở phương Đông-Bắc.

Mùa Hè, sao dài mọc ở Phương Tây.

Ất - Sửu, năm thứ chín, — *năm đầu hiệu Nguyên-Đỉnh bên H.*

Mậu thìn, năm thứ mười hai, — *Năm thứ 4 hiệu N Đ. bên H.* (113 tr. T. L.), — Nguyên xưa Nhà-vua làm Thế - Tử, sang làm con tin bên Hán, ở Trường - An, lấy con gái họ Cù ở Hàm-Đan, sinh con là Hưng. Kịp khi lên ngôi, bèn giấu ấn của Tiên-đế, dân thư với Hán, xin lập Cù-thị làm hậu-phi, Hưng làm thế-tử. Vua Hán luôn luôn sai sứ-giả sang giỗ Nhà-vua vào chầu.

Nhà-vua sợ vào chầu sẽ phải theo phép bên Hán, sánh với Chư-hầu ở trong, cố cáo bệnh không chịu theo. Bèn sai con là Thứ-Công sang làm con tin. Năm ấy Nhà-vua mất. Thụy là Minh-vương. Con là Hưng lên ngôi.

AI - VƯƠNG

Ở ngôi một năm. Húy là Hưng. Con thứ Minh-vương.

Mẫu-hậu hoang-dâm ! Quyền-thần chuyên chính ! Hạng vua tầm-thường nhỏ tuổi, dễ mà chịu đựng được sao !

Năm ấy, Nhà - vua đã lên ngôi, tôn mẹ là Cù-Thị làm Thái-hậu. Nguyên khi Thái-hậu chưa lấy chồng, từng tư - tình với người Bá - Lăng là An-Quốc-Thiếu-Quý. Năm ấy Hán sai An-Quốc-Thiếu-Quý lại dỗ Nhà - vua cùng Thái - hậu vào chầu, sánh với Chư-hầu ở trong. Lại sai biện-sĩ là bọn Gián - đại - phu (?) Chung - Quân bầy lễ thiệt-hơn ; dũng-sĩ là bọn Nguỵ-Thần giúp mưu quyết-đoán ; Vệ - Úy là Lộ - Bác Đức đem quân đóng ở Quế-Dương để đợi Sứ-giả. Khi ấy Nhà - vua tuổi còn nhỏ. Cù-hậu là người bên Hán. Thiếu-Quý đến, lại tư-thông với ! Người trong nước biết chuyện, phần-nhiều không theo Thái-hậu. Thái-hậu sợ họ nổi loạn, muốn nhờ oai của Hán. Luôn - luôn khuyên Nhà - vua cùng các quan, xin nội - phụ.

Liền nhân sứ-giả nhà Hán, dâng thư xin sánh với Chư-hầu ở trong: Ba năm một lần vào chầu; bỏ các cửa ải ở biên-giới. Vua Hán bằng lòng, cho Nhà-vua cùng Thừa-Tướng Lã-Gia ấn bằng bạc. Lại ban ấn cho các viên Nội-sử, Trung-Úy, Thái-phó. Ngoài ra được tự đặt lấy ấn. Trừ bỏ những hình-phạt chồ mặt, cắt mũi ngày trước. Dùng pháp-luật nhà Hán, cũng như Chư-hầu ở trong. Lưu sứ-giả lại giữ việc trấn-phủ...

Kỷ-Tỵ, năm đầu, — *năm thứ 5 hiệu N. Đ. bên H.* (112 tr. T. L.) — Nhà-vua cùng Thái-hậu sắp sửa hành trang, đem theo khá nặng để làm mồn vào chầu. Khi ấy Tể-tướng là Lã-Gia, tuổi đã già, làm tướng qua ba triều vua. Họ-hàng làm quan đứng đầu các huyện hơn bầy mươi người. Con trai đều lấy Công-chúa. Con gái đều gả cho con, em Nhà-vua, và các tông-thất. Lại thông-gia với Tân-Vương ở Thương-Ngô (1). Ở trong nước rất được lòng dân, kể còn hơn Nhà-vua! Đã dâng thư can Nhà-vua (về việc xin nội-phụ), Nhà-vua chẳng nghe. Bèn có lòng làm phản, thường cáo bệnh không ra-mắt sứ-giả nhà Hán. Bọn sứ-giả đều để ý đến Gia, nhưng thế chưa giết nổi. Nhà-vua cùng Thái-hậu cũng sợ bọn Gia sinh chuyện trước, muốn cho sứ-giả nhà Hán dùng quyền-mưu để giết bọn Gia. Bèn đặt tiệc rượu mời sứ-giả uống. Các quan to đều ngồi hầu rượu. Em Gia làm tướng đem quân gác ở ngoài

cung. Rượu đương uống, Thái - hậu bảo Gia rằng : « Nam - Việt được nội-thuộc là cái lợi cho nước - nhà. Vậy mà quan Tương hình như không thuận, sao vậy ? » Nói thế để chọc tức Sứ-giả. Sứ-giả hồ-nghi cùng nhau giùng - giằng, bèn không ai dám gây sự. Gia xem thấy khác-ý, lập-tức đứng dậy lui ra. Thái-hậu giận, toan cầm giáo lao Gia ! Nhà - vua ngăn lại. Gia bèn bước ra, chia lấy lính của em mà về nhà. Cáo ốm không chịu ra mắt Nhà - vua cùng Sứ - giả. Ngầm cùng các đại-thần tính việc làm loạn. Nhà-vua vốn không có ý muốn giết Gia. Gia biết vậy, vì thế mấy tháng không khởi sự. Thái-hậu toan một mình giết Gia, thì sức lại không làm nổi. Vua Hán nghe tin : Gia không vâng-theo mạnh-lệnh ; Nhà-vua và Thái-hậu thế cô yếu ớt không ngăn nổi ; các sứ - giả nhút - nhát không quả quyết. . . Lại cho là : Nhà - vua cùng Thái - hậu đã nội - phụ ; riêng có Lã - Gia làm loạn, chả đáng việc đề nổi quân. . . Toan sai Trang-Tham đem hai nghìn người đi theo sang sứ. . . Trang-Tham nói : « Lấy hòa-hảo mà sang, vài người là đủ rồi ! Nhưng lấy oai-võ mà sang thì hai nghìn người chả làm được việc gì cả ! » Chối không nhận. Vua Hán bèn truất ngôi Tham ! Viên Tướng cũ nước Tế-Bắc là Hàn-Thiên-Thu hăng-hái mà rằng : « Lấy một nước Việt nhỏ-xíu ! . . . Lại có mẹ Chúa nó làm nội - ứng. . . Chỉ một

minh viên Thừa-Tướng Lã-Gia là làm hại!...
Tôi chỉ xin được ba trăm tay dũng-sĩ, tất chém đầu Gia để về phục mạnh! Thế rồi vua Hán sai Thiên-Thu cùng em Cù Thái-hậu là Cù-Nhạc đem hai nghìn quân đi sang đất Việt. Lã-Gia bèn hạ-lệnh với trong nước rằng; « Nhà-vua tuổi còn nhỏ. Thái-hậu vốn người Tầu, lại loạn-dâm với Sứ-giả bên Hán! Ý chỉ muốn nội-phụ! Đem hết các của báu của các vua đời trước vào dâng cho Hán để cầu thân! Đem nhiều người đi theo, đi đến Tràng-An lại bán chúng làm tôi-mọi! Cốt lấy lợi nhất-thì, không đoái-hoài gì đến kế muôn đời của giang-sơn họ Triệu!... » Bèn cùng người em đem quân đánh Nhà-vua. Rồi đó thị Nhà-vua cùng Thái-hậu! Giết hết bọn Sứ-giả bên Hán! Sai người báo tin cho Tần-vương ở Thương-Ngô, cùng các quận, các ấp. Lập con Trưởng của Minh-Vương là Vệ-Dương-hầu Kiến-Đức làm vua. Nhà-vua bị hại rồi, thụy là Ai-vương.

Sử thần Ngô Sĩ-Liên bàn rằng:

Tai-vạ của Ai-vương tuy ra từ Lã-Gia, mà thực thì gây bởi Cù-hậu. Chuyện nữ-sắc có thể lật đổ nhà người, nước người đa đoan lắm! Triệu trẫm nó không thể nhìn thấy trước được. Cho nên các vua đời xưa phải bầy đặt ra lễ cưới xin; phải cẩn thận về đạo vợ chồng; phải chính ngôi trong, ngoài; phải tỏ lẽ ngờ-vực; phải đề phòng

sự ra vào, chung đụng; phải dạy đủ điều tứ-đức, tam-tòng. Có như thế, tai-vạ mới không từ đâu mà đến! Ai-vương tuổi nhỏ, không ngăn giữ được người mẹ. Lã-Gia cầm quyền cả nước, há rằng lại không dự biết đến các việc trong, ngoài? Khách bên nước lớn sang, tiếp đãi đã có lễ; ăn ở đã có nơi; hầu hạ đã có người; cung đốn đã có số; sao đến nỗi có chuyện lôi thôi cùng mẫu-hậu? Mẫu-hậu ở trong thâm-cung, không dự đến chuyện ngoài. Dù có việc ra ngoài thì xe cưỡi, tàn che; các phi tần sau trước theo hầu; sao đến nỗi có chuyện lôi thôi cùng sứ giả? Bọn Gia, dữ-kỳ dập đám lửa cháy ngàn, giữa con dương bốc, sao bằng lấp cơ mầu biến loạn ngay từ ngày chưa sinh? Thế có hơn không? Cho nên nói rằng: « Làm vua người ta mà không biết nghĩa Xuân-Thu, tất mang tiếng gây ra tội-ác! Làm tôi người ta mà không biết nghĩa Xuân-Thu, tất lâm vào vòng cướp nước, giết vua! » Ấy là chuyện Minh-vương, Ai-vương và Lã-Gia!

Phụ chú

(1) Theo đây thì dân Bách-Việt khi ấy lại có một ông chúa nữa là Tân-Vương ở Thương-Ngô. (Thuộc Quảng-Tây ngày nay). Chẳng rõ nước ấy thành lập và diệt vong vào những hồi nào?

Lời bàn của người dịch

Trong *Nghìn Lẻ Một Đêm* có chép chuyện một vị quỷ-vương thường nhốt vợ vào trong chiếc hòm sắt. . . Đi đâu chúa Quỷ ta cũng đem hòm đi theo và khi ngủ thì dùng hòm để gối đầu ! Vậy mà vẫn không giữ nổi vợ ngoại-tình ! Cù-hậu cùng Thiếu-Quý vốn là hoa xưa, ong cũ. Ai-vương lúc ấy còn nhỏ. Cù-hậu cầm quyền thay con, khác nào cũng như Lã-Trĩ cùng Võ-Chiếu. Vậy mà Ngô-Sĩ-Liên lại trách Lã-Gia sao không đề-phòng nổi chuyện dâm-loạn của Cù-hậu ! Có khác gì trách các Tể-tướng đời Hán, đời Đường sao lại để cho Lã-hậu, Võ-hậu bôi nhọ sử-xanh không ?

Vô-lý hơn nữa là đem những tiếng « mưu phản », « làm loạn » mà gán cho người dân-tộc anh-hùng ! . . . . . .

Theo tư-tưởng nhà nho nữa, thì hạng vua Kiệt, Trụ chỉ là những tên « độc-phu », ai cũng có quyền đánh giết !

Một ông vua bán nước như Ai-vương, há chẳng là tội-nhân với dân-tộc trong muôn, muôn thuở ? Đánh là đáng mà giết là phải ! Lã-Gia chỉ là làm cái việc mà thiên-lương chỉ-bảo, mà quốc-hồn sai-khiến. . . Buộc cho ông những tội danh này khác, há chẳng phải đã mù-quáng vì tấm lòng tôn-quân quá nô-lệ và không suy-xét ?

Nhưng tội-nghiệp ! Cho đến sử-thần đời Tự-

Đức trong K. Đ. V. S. cũng ngầm công-nhận cái luận điệu thiên-lệch ấy. Ta há trách riêng gì Sĩ-Liên !

VỆ-DƯƠNG-VƯƠNG

Ở ngôi một năm. — Húy Kiến - Đức, con cả Minh vương, con người vợ bên Việt.

Xã-tắc bọ Triệu, Cù-bậu làm cho nghiêng-lệch. Gốc đã nhổ trước, ngọn thì đổ theo !

Khi ấy mùa Đông, tháng mười một, Tể-tướng là Lã-Gia lập Nhà-vua rồi mà quân của Hàn-Thiên Thu đã vào trong cõi, đánh vỡ vài ấp nhỏ. Gia bèn mở đường thẳng, cung - cấp cho lương ăn. Chưa tới Phiên-Ngu, còn cách bốn mươi dặm, mới ra quân đánh bọn Thiên-Thu, giết chết hết ! Sai người phong cờ tiết của Sứ bên Hán, để lên trên Ải — *tức rẫy núi Đại Dữu.* — Khéo tìm lời dối quanh để tạ tội. Đem quân đóng giữ các nơi yếu-hại. Vua Hán nghe tin, sai Phục-ba tướng-quân là Lộ-Bác-Đức ra Quế-Dương xuống sông Hoàng ; Lâu-thuyền (1) tướng-quân Dương-Bộc ra Dự-Chương xuống Hoành-Phố ; Qua-thuyền (2) tướng-quân Nghiêm — *sử lẫn mất họ* — ra Linh-Lăng xuống sông Ly ; Hạ-lại tướng-quân Giáp (3) — *sử lẫn mất họ* — xuống Thương-Ngô ; Trị-nghĩa-hầu Quý (4) — *sử lẫn mất họ* — đem quân Dạ-Lang (5) xuống sông Tường-Kha, đều hội quân đến Phiên-Ngu.

Canh-Ngọ, năm đầu, — *năm thứ 6 hiệu N. Đ bên H* (111 tr. T. L.) mùa Đông, Dương-Bộc bên Hán đem chín nghìn tinh-binh, ba trước được Tầm-Thiềm, (6) phá Cửa-Đá — *Gia chất đá ở sông gọi là Cửa Đá* (để chống quân Hán) (7) được các thuyền thóc của ta. Bèn dàng các thuyền ấy lại, (8) đem vài vạn người Việt, đợi Phục-Ba tướng quân là Lộ-Bác-Đức. Bác-Đức vì đường xa đến sau hẹn. Khi tới Phiên-Ngu, hội quân với Lâu-thuyền tướng-quân, được hơn nghìn người, bèn càng tiến. Khi Dương-Bộc tiến trước đến Phiên-Ngu thì Nhà-vua cùng Gia đều đóng giữ trong thành. Dương-Bộc tự lựa lấy chỗ tiện lợi, đóng ở mặt Đông-Nam. Lộ Bác-Đức ở mặt Tây-Bắc. Xẩy khi trời tối, Bộc đánh vào được, tung lửa đốt thành. Trong thành vốn nghe tiếng Bác-Đức, trời tối không Biết quân nhiều hay ít. Bác-Đức bèn làm trại, sai sứ chiêu kẻ đầu hàng. Đến ban cho ấn, thao, lại thả về cho chiêu lẫn nhau. Lâu-thuyền tướng-quân Dương-Bộc lại đánh riết, đuổi cho xô về trại quân của Lộ-Bác-Đức. Mờ sáng, trong thành đều ra hàng. Nhà-vua cùng Lã Gia với vài trăm người đêm chạy sang miền biển. Bác-Đức lại hỏi bọn đầu hàng, biết nơi Gia đóng, sai người đuổi theo. Hiệu-úy-tư-mã là Tô-Hoằng bắt được Nhà-vua. Viên quan Lạng nước Việt là Đô-Kê — *có bản chép là Tôn-Đô* — bắt được Gia (9). Khi ấy quân

của các tướng Hạ - Lại, Qua - thuyền cùng quân Dạ - Lang của Trì - Nghĩa - hầu chưa tới nơi nà nước Việt ta đã bị Lộ - Bác - Đức cùng Dương - Bộc dẹp yên rồi — Bấy giờ nước Việt ta sai ba Sứ - giả giết ba trăm con trâu, đem một nghìn be rượu, cầm sổ hộ ba quận Giao - Chỉ, Cửu - Chân, Nhật - Nam đón đường xin hàng. Lộ-Bác-Đức bèn cho ba sứ-giả làm Thái-Thú ba quận, trị dân như cũ. (10) — Bèn lấy đất ấy chia làm Nam-Hải — *quận cũ của Tần, nay là Quang-Đông của Minh*, — Thương - Ngô — *Đường gọi là Ích châu xưa là Âu-Lạc, đất nước Nam tơ*, — Uất-Lâm, — *quận Quế Lâm đời Tần, Hán Vũ - đế đổi ra tên này* — Hợp-Phố — *Tượng quận đời Tần, thuộc quận của Liêm-Châu*, — Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật - Nam, — *Tượng quận đời Tần*, — Châu-Nhai, Đam-Nhĩ, — *đều ở trong biển lớn*,— gồm chín quận (11) Từ đó Hán mới đặt Thứ-sử, Thái-Thú.

Lê văn Hưu bàn rằng :

Lã-Gia can Ai-vương và Cù-hậu, bảo đừng cần làm Chư-hầu bên Hán ; đừng bỏ các ải ngoài biên ; có thể gọi là người biết trọng nước Việt. . . Nhưng can mà không nghe, thì nghĩa nên đem hết các quan đến Triều-đình, bầy tỏ trước mặt những lẽ lợi, hại về chuyện vua Hán hay vua Việt. . . Ngõ-

hầu Ai-vương và Thái-hậu có cảm động mà hiểu ra chăng? Nếu còn không theo thì nên cáo lỗi, lánh ngôi... Chẳng thế nữa thì theo gương Y, Hoắc, kén riêng một người con Minh-vương lên thay làm vua. Cho Ai-vương được như Thái-Giáp, Xương-Ấp, giữ toàn lấy tính mạng! Như thế thì tiến, thoái mới khỏi lỗi. Nay lại thí vua đi cho thỏa hờn riêng! Lại không biết cố chết giữ lấy nước! Để cho đất Việt chia xẻ, vào làm tôi người Hán! Như vậy, tội của Lã-Gia thực giết chết cũng còn chưa xứng đáng vậy!

Sử-thần Ngô-Sĩ-Liên bàn rằng:

Ngũ-Lĩnh đối với nước Việt ta, là những ải hiểm trở, những cổng ngõ của một nước! Cũng như Hồ Lao của Trịnh, Hạ-Dương của Quắc... Kẻ làm vua đất Việt cố nhiên nên đặt hiểm để giữ nước, không thể để cho mất được! Họ Triệu một khi không giữ nổi, thế là nước mất, ngôi dứt, đất-đai bị qua phân! Nước Việt ta chia rõ ra, thành hẳn cái thế Nam, Bắc! Sau này tuy có các đế-vương nổi lên, đất hiểm đã mất, khôi phục tất là phải khó! Cho nên Trưng-Nữ-vương tuy có dẹp định được đất Lĩnh-Nam, nhưng không giữ được các cửa ải hiểm trở, nên chẳng bao lâu lại bị diệt; Sĩ-vương tuy lại được toàn thịnh, nhưng đương thời còn vẫn là Chư-hầu, chưa chính vị-hiệu!.. Sau khi mất lại về tay kẻ khác!

Rồi Đinh, Lê, Lý, Trần chỉ còn có đất Giao-châu trở sang Nam, không sao lấy lại được cơ-đồ cũ của Triệu Vũ nữa, ấy là đại thế xui nên vậy!

Trở lên họ Triệu từ Vũ-Đế, đầu từ năm Giáp-Ngọ, đến Vệ-Dương-Vương, cuối là năm Canh-Ngọ, gồm năm đời, cộng chín mươi bảy năm.

Phụ-chú

(1) « Lâu-Thuyền ; Ứng-Thiện nói : Khi ấy muốn đánh Việt, phi đường sông không tới, cho nên làm thuyền lớn, trên thuyền đặt nhà lầu nên gọi là *lâu thuyền* », (thuyền có lầu) (K. Đ. V. S.)

(2) « Qua thuyền : Trương-Ấn nói : Người Việt đội thuyền lớn ở dưới nước, có cái hại thuồng luồng, nên đặt khối mác (qua) ở dưới thuyền. Vì vậy gọi là *qua-thuyền*. Thư của Ngũ-Tử-Tư lại có câu : « Qua-thuyền để chở mộc, mác » (K. Đ. V. S.)

(3) « Nghiêm, *Thái-bình hoàn-vũ ký* chép là Triệu-Nghiêm. *Bách Việt Tiên hiền chí* chép là Trịnh-Nghiêm, Điền-Giáp. » (K. Đ. V. S.)

(4) « B. V. T. H. C. chép là Hà-Ri. » (K. Đ. V. S.)

(5) « Dạ-Lang, tên một nước, ở đất Kiện-Vi, Bá Châu ngày nay. Về đời Hán, các nước dân mọi-rợ miền Tây kể có chục ! Dạ-Lang lớn hơn cả. Nước ấy ở ngoài đất Thục, Đông giáp Giao-Chỉ, Tây giáp nước Điền (Vân Nam). Đời Hán

Vũ-đế, Đường-Mông dâng thư có nói: « Quân tinh-nhuệ ở Dạ-Lang có thể được hơn mười vạn. Vượt thuyền sông Tường-Kha, đánh xuất-kỳ bất-ý: Đó là một kế hay để chế-ngự đất Việt ». . . (K. Đ. V. S.)

(6) Ở phía Tây huyện Thủy-Hưng (Quảng-Đông)

(7) Cách huyện Phiên-Ngu hai mươi dặm về phía Bắc.

(8) K. Đ. V. S. chép là « bèn đầy đi trước để làm nhụt quân Việt. . . »

(9) K. Đ. V. S. chép thêm: « Thương-Ngô-vương là Triệu-Quang, cùng họ với vua Việt, nghe tin quân Hán đến ra hàng. Viên Giám quận Quế-Lâm là Cư-Ông giữ bảo dân Âu-Lạc đều hàng cả. »

(10) Xét ra: Khi trước Triệu diệt Thục, sai hai quan Sứ coi hai quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân. Vậy mà đây sử cũ lại chép « . . . Ba viên Sứ-giả v. v. » coi thực có vẻ trái-ngược! Tra trong *Thủy-Kinh-chú* của Ly-Đạo-Nguyên, có chép: « Năm thứ sáu hiệu Nguyên Đỉnh đời Hán Vũ-đế, đặt ra chức Đô-Úy, đóng ở thành Giao-Châu. Sách chép rằng: Triệu-vương sai hai viên sứ chủ-trương dân hai quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân. Sau Hán sai Lộ-Bác-Đức đánh Việt-vương, Lộ Tướng-quân đến Hợp-phố. Việt-vương sai hai sứ-giả đem trăm con trâu, nghìn be rượu,

cùng sổ hộ dân hai quận để xin hàng. Lộ bèn cho hai Sứ-giả làm Thái-thú hai quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân, làm chủ các Lạc-tướng cùng coi dân như cũ ». Vậy nay cải-chính » (K. Đ. V. S.)

(11) « Mỗi quận đều đặt một viên Thái-Thú để cai trị gồm lại là bộ Giao-Chỉ. Tên Giao-Chỉ bắt đầu từ đấy. — Ngô-Thì-Sĩ bàn rằng : « Từ vua Hán-Vũ diệt họ Triệu, lấy đất của họ ấy chia làm chín quận. Châu-Nhai, Đam-Nhĩ ở trong biển, hợp với Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam, cùng Nam-Hải, Uất-Lâm, Thương-Ngô, Hợp-Phố, đều thuộc về bộ Giao-Chỉ, chưa hề có phân biệt. Đến đời Ngô mới chia Giao-Châu đặt ra Quảng-Châu. Đường mới đặt phủ An-nam-đô-hộ đóng ở Giao-Chỉ, mà ba quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam mới gọi riêng là An-Nam. Chín quận đời Hán đều thuộc về Nam-Việt. Triệu-Đà chuyên-chế đất ấy. Duy ba quận Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam thì dùng ba viên Điền-sứ trông coi. (Nhật-Nam Hán mới tách đặt, câu này lầm). Triệu bị Hán diệt, ba Điền-sứ đem sổ hộ ra đầu hàng. Hán bèn đặt các viên Thú, Úy, mà gọi tóm đất Nam-Việt là Giao-Chỉ. Trong chín quận ấy thì ba quận thuộc Giao-Châu, sáu quận thuộc Quảng-Châu » !

— Lời phê của vua Tự-Đức : « Xem suốt trước, sau thì đất nước Việt ta đã mất vào Trung-Quốc

hồ quá nửa ! Tiếc thay các bậc vua minh, tôi giỏi các triều, cũng có nhiều bậc là bạng không mấy đời có, mà vẫn không sao thu được tấc đất, thật là việc rất ân-hận ! Chứ chẳng những ngày nay lấy lại bờ-cõi là khó. Thương ôi ! » — *Tiền Hán địa-lý chí* : « Quận Nam-Hải gồm sáu huyện : Phiên-Ngu, Bác-La, Trung-Túc, Long-Xuyên, Tứ-hội, Yết-Dương. Quận-Thương-Ngô gồm mười huyện : Quảng-Tín, Tạ-Mộc, Cao-Yến, Phong-Dương, Lâm-Hạ, Đoan-Khê, Phùng-Thặng, Phú-Xuyên, Lệ-phố, Mãnh-Lăng. Quận Uất-Lâm gồm mười hai huyện : Bố-Sơn, An-Quảng, A-Lâm, Quảng-Uất, Trung-Lưu, Quế-Lâm, Đàm-Trung, Lâm-Trần, Định-Chu, Tăng-Thực, Lĩnh-Phương, Ung-Kê. Quận Hợp-Phố gồm năm huyện : Từ-Văn, Cao-Lương, Hợp-phố, Lâm-Doãn, Chu-Lô. Quận Giao-Chỉ gồm mười huyện : Liên-Thụ, An-Định, Cầu-Lậu, My-linh, Khúc-Dương, Bắc-Đới, Kê-Tử, Tây-Vu, Long Biên, Chu-Diên. Quận Cửu-Chân gồm bảy huyện : Tư-phố, Cực-Phong, Đô-bàng, Dư-Phát, Hàm-Hoan, Vô-Thiết, Vô Biên-Quận Nhật-Nam gồm năm huyện : Chu-Ngô, Ty-Cảnh, Lư-Dong, Tây-Quyền, Tượng-Lâm. Thương. Ngô, đời Tần thuộc Quế-Lâm, nay là Ngô-Châu. Uất-Lâm đời Tần thuộc Quế-Lâm, nay về đất Quảng-Tây. Nhật-Nam xưa là bộ Việt-Thường ; Tần, là đất Tượng-quận ; Triệu, thuộc về Cửu-Chân ; đến Hán mới đặt tách ra. Ngô, Tấn, Tống

đều nhân theo. Sau bị Lâm-Ấp chiếm mất. Tùy đánh Lâm-Ấp, đặt là Đãng-Châu, rồi đổi ra quận Tỵ Cảnh. Về sau mất về Chiêm-Thành. Nay là đất Quảng Bình, Quảng - Trị. Nhan-Sư Cổ nói : « Nhật-Nam nghĩa là ở phía Nam mặt Trời. Tức là nghĩa « mở cửa Bắc để trông ra mặt Trời ! » — Châu - Nhai, đến Đường đổi là Nhai Châu, nay thuộc phủ Quỳnh Châu. Đam nhĩ, Đường đổi là Đam - châu, nay cũng thuộc phủ Quỳnh - châu » (Hải-Nam). (K. Đ. V. S.)

CUỐN THỨ BA

ĐỜI THUỘC VỀ TÂY HÁN

Tân - Vy, — *năm đầu hiệu Nguyên - Phong bên Hán*, (110 tr. T. L.) — Nước Việt ta đã thuộc về Hán, Hán lấy Thạch-Đái làm Thái-Thú chín quận. (1) — Phép đời Hán lấy châu coi quận. Trừ Châu-nhai, Đam-Nhĩ đều ở trong biển, còn bảy quận thuộc Giao-châu Đái làm Thái-Thú cả châu. Dinh coi việc của Thái-Thú đời Tây-Hán ở Long-Uyên, tức là Long-Biên; đời Đông-Hán ở My-Linh, tức là Yên-Lãng. (2) Kịp khi Đại mất, Hán Chiêu-Đế cho Chu - Chương sang thay. Đến cuối đời Vương-Mãng, viên Mục Giao-châu là Đặng-Nhượng cùng các quận đóng bờ cõi tự giữ mình. Tướng Hán là Sầm-Bành vốn quen thân với Nhượng, viết thư cho Nhượng, bầy tỏ oai đức nhà Hán. Vì thế Nhượng đem Thái-Thú Giao-Chỉ là Tích-Quang cùng Thái - Thú các quận là bọn Đỗ-Mục, sai sứ dâng cống sang Hán. Hán đều phong làm

Chư-hầu. Khi ấy là năm Kỷ-Sửu, năm thứ 5 đời Hán-Quang-Vũ. Tích-Quang quê ở Hán-Trung, ở Giao-Chỉ, đem lễ nghĩa dạy dân. Lại lấy Nhâm-Diên làm Thái-Thú quận Cửu-Chân (3). Diên quê ở Uyên. Tục dân Cửu-chân lấy đánh cá, săn bắn làm nghề, không làm việc cầy cấy. Diên bèn dạy dân vỡ ruộng, năng năm cầy cấy, trăm họ được no đủ. Dân nghèo không tiền làm lễ cưới... Diên sai các quan đầu huyện trở xuống bớt bổng lộc để giúp đỡ cho. Đồng thời lấy được vợ tới hai nghìn người. Coi việc bốn năm triệu về. Người Cửu-Chân lập đền thờ ông; đẻ con ra đều đặt tên là Nhâm. Văn-phong ở Lĩnh-Nam bắt đầu tự hai quan Thái-Thú ấy.

Kỷ-Hợi, *năm thứ 15 hiệu Kiến-Vũ đời Hán Quang-Vũ Lưu-Tú* (39 sau T. L.) — Thái-Thú Giao-Chỉ là Tô-Định (4) làm việc tham lam, tàn bạo. Trưng Nữ-vương dấy quân đánh nó.

Trở lên thuộc Hán từ Tân-Vị đến Kỷ-Hợi gồm 149 năm.

Phụ-chú

(1) « Xét ra phép đời Hán, châu thì đặt Thứ-sử, quận thì đặt Thái Thú. Sử cũ chép : « Thạch-Đái làm Thái Thú chín quận, há có lẽ một người coi cả việc chín quận ? Nay theo sử Ngô-Thì Sĩ cải chính lại. (Chép là : « *Hán lấy Thạch-Đái làm Thứ-sử bộ Giao-Chỉ* ») (K. Đ. V. S.)

(2) « Hán đặt bộ Giao-Chỉ, trị sở ở Liên-Thụ. Năm thứ 5 hiệu Nguyên-Pheng, dời sang huyện Quảng Tín ở Thương-Ngô. Đến năm thứ 15 hiệu Kiến-An, dời sang huyện Phiên-Ngu. Đời Ngô lại dời sang Long-Biên mà đặt ra Quảng - Châu ở Phiên-Ngu. Coi đó thì Tây-Hán chưa từng đóng ở Long-Uyên ; Đông-Hán chưa từng đóng ở My-Linh. Sử cũ sơ có lầm. — Liên-Thụ, tên huyện, thuộc Giao-Chỉ, nay xã Lũng - Khê, huyện Siêu-Loại, tỉnh Bắc-Ninh, còn có nền thành cũ. Long-Uyên, tức Long Biên, tên huyện đời Hán, thuộc Giao-Chỉ, dinh quận đời Đông-Hán đóng ở đấy. Theo *Thủy-kinh-chú* : « Năm thứ 13 đời Kiến-An nhà Hán, khi mới lập thành, có giao - long (thuồng luồng) quấn quít ở hai bến Nam, Bắc trên sông, bèn đổi tên là Long Uyên ». Nhà Lý đóng đô ở đấy, đổi tên là Thăng-Long. Trần, Lê theo tên ấy. Nay là tỉnh thành Hà Nội. My - Linh, theo *Dư-Địa-chí* của Nguyễn-Trãi, thì là Phúc-Thọ ; theo *Vân-đài loại-ngữ* của Lê Quý-Đôn thì là Phong-Châu ; theo *Đường Địa-lý-chí* thì ở đất hai hạt Phúc-Lộc, Đường Lâm ; theo *Văn-Hiến thông-khảo* thì Gia-Ninh, Thừa-Hóa, Tân-Xương đều là đất huyện My-Linh đời Hán. Lại theo *Đường-Thư* thì Phong Châu gồm 5 huyện là Gia-Ninh, Thừa hóa, Tân Xương, Cao-Thượng, Lục-châu. Vậy thì My-linh tức là Phong châu.— Quảng tín, theo *Phương-Dư kỷ yếu* thì thuộc

về Thương-Ngô, tức Ngô-châu ngày nay. (K. Đ. V. S. cuốn II)

(3) « *Hậu-Hán-thư* : Năm đầu hiệu Kiến-Vũ, Nhâm-Diên được triệu cho làm Thái-Thú Cửu-Chân. Tục Cửu-Chân không biết cầy cấy..., thường đong thóc ở Giao-Chỉ và thường bị túng thiếu. Diên bèn sai đúc các đồ làm ruộng, dậy cho khai khẩn. Mỗi năm ruộng mở thêm rộng, trăm họ được no đủ. Lại dân Lạc-Việt không có lễ giá-thú ! Diên bèn sức các thuộc-huyện, cho trai từ 20 đến 50 tuổi, gái từ 15 đến 40 tuổi, đều sóng tuổi mà lấy nhau. Kẻ nào nghèo không đủ lễ cưới, thì bắt các quan đầu huyện trở xuống, đều bớt bổng-lộc để giúp. . . Năm ấy gió, mưa phải thời, mùa màng được lớn. Kẻ sinh con từ đó mới biết có họ, đều nói : « Làm cho chúng ta có đứa con này chính là ông Nhâm. » Phần nhiều đặt tên con là Nhâm. . . Người Cửu Chân lập đền thờ sống ông, khi ông bị triệu về. Lại về đời Hán Bình-đế, Tích Quang làm Thái-Thú Giao-Chỉ, đem lễ-nghĩa dậy dân. Năm đầu hiệu Kiến-Vũ được phong làm Điêm-Thủy-hầu. Dân Lĩnh-Nam theo phong-tục Trung-Hoa, bắt đầu từ hai người ấy ». Lời phê của vua Tự-Đức : « Triệu-Đà vốn người Tầu, trị nước, truyền đời đã ngót trăm năm. Xem bức thư Đà trả lời Văn Đế thì là người vốn có học-thức. Có lẽ nào lại chưa biết dậy dân cầy cấy, cưới xin,

mà phải đợi đến hai quan Thú? Huống chi lại nói: « Đồng thời cưới gả đến hơn hai nghìn! » Đủ thấy ghi chép mất thực, không đủ cho người tin. » (K. Đ. V. S. cuốn II) Theo ý kẻ dịch thì lời bàn của Nhà-vua cũng không đủ lẽ. Triệu Đà đóng đô ở Phiên Ngu, cách Cửu-Chân rất xa. Cho nên việc cai trị hạt ấy giao vào tay một viên Điền-sứ. Như vậy, rất có thể chưa từng đem văn hóa Tầu mà deo rắc vào đất ấy. Hãy xem như các dân Thổ, Mán trong nước ta, trải bao nhiêu đời chịu quyền cơ-my của các triều vua ta, mà ngày nay sinh-hoạt và phong-tục họ, còn xa với người Kinh chúng ta bao nhiêu? . . .

(4) Theo K. Đ. V. S. thì Tô-Định sang nhận chức từ năm Giáp-Ngọ (34 sau T. L.)

TRIỀU TRƯNG NỮ-VƯƠNG

TRƯNG - VƯƠNG

Ở ngôi ba năm.

Nhà-vua rất hùng-mạnh. Đuổi Tô-Định ; dựng nước ; xưng vương. Nhưng vì là vua đàn - bà, không làm thành được công nghiệp gây lại nước ! . . . (1)

Húy Trắc, họ Trưng, vốn họ Lạc. Con gái Lạc tướng ở huyện My - Linh quận Phong - Châu. Vợ Thi-Sách ở huyện Chu - Diên. (2) — *Thi Sách cũng con Lạc - tướng. Con hai nhà lấy lẫn nhau : Sách « Cương Mục Tập Lãm » cho chữ « Lạc » là tên một họ thi lầm.*— Đóng đô ở My-Linh.

Canh - Tý, năm đầu, *năm thứ 16 hiệu Kiến Vũ bên Hán* (40) — mùa Xuân, tháng Hai, nhà vua khổ vì Tô - Định là viên Thái - Thú đem pháp-luật bó-buộc, và thù Định đã giết chồng mình

bèn cùng người em là Nhị, cất quân đánh hãm thành châu. (3) Định chạy về Nam-Hải. Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-Phố đều nổi lên ứng theo. (4) Đánh lấy và bình-định được sáu mươi lăm thành ở Lĩnh-Nam.:Tự lập làm vua, mới xưng là họ Trưng. Tân-Sửu, năm thứ hai, — *năm thứ 17 hiệu K. V. bên H.* (41) — mùa xuân tháng Hai, ngày Ba mươi, nhật-thực.

Vua Hán, vì họ Trưng xưng vương, cất quân đánh hãm các thành ấp ; các quận ở biên-giới khổ-sở vì thế ; bèn hạ lệnh cho Trảng-Sa, Hợp-Phố cùng Giao-Châu ta phải sắm xe, thuyền, sửa đường-sá, cầu-cống, khơi sông, ngòi bị ngăn-lấp chứa sẵn lương-thóc ; phong Mã-Viện làm Phục-Ba tướng-quân ; lấy Phù-Nhạc hầu Lưu-Long làm phó-tướng, (5) sang lấn nước ta.

Nhâm-Dần, năm thứ ba, — *năm thứ 18 hiệu K. V. bên H.* (42), — mùa Xuân, tháng Giêng, Mã-Viện-ven bể tiến sang. Theo núi san hơn nghìn dặm đường, tới trên Lãng-Bạc, (6) — *phía Tây phố Tây La-Thành gọi là Lãng Bạc*, — đánh với Nhà-vua. Nhà-vua thấy thế-giặc mạnh quá, tự liệu quân mình ô-hợp, sợ chống không nổi, lui giữ Cấm-Khê — *sử cũ chép là Kim-khê.* (7) — Chúng cũng cho là Nhà-vua đàn-bà, e không thắng nổi giặc, bèn chạy tan. Dòng nước lại bị dứt ! (8)

Lê văn Hưu bàn rằng :

Trưng-Trắc, Trưng-Nhị là những người con gái, hô một tiếng mà Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-Phố cùng sáu mươi lăm thành ở ngoài Ngũ-lĩnh đều thưa ! Lập nước, làm vua, dễ như trở bàn tay vậy ! Đủ rõ hình-thế nước ta có thể gây nên cơ-đồ Vương, Bá ! Tiếc thay trong khoảng hơn nghìn năm từ sau họ Triệu, cho đến trước họ Ngô, bọn con trai đành chỉ cúi đầu, bó tay, làm tôi-tớ người Tầu ! Chẳng hề biết xấu-hổ với hai bà Trưng là những người con gái ! Thương ôi ! Có thể cho là những hạng tự bỏ hoài mình vậy !

Trở lên Trưng-Nữ-vương đầu từ Canh-Tý, cuối đến Nhâm-Dần gồm ba năm.

Phụ chú

(1) Thật là một câu suy-lý rất... vô-lý !

(2) Chu-Diên, tên huyện đặt từ đời Hán, thuộc Giao-chỉ. Đường đổi là Diên-châu ; Lê là phủ Tam-Đái, nay là phủ Vĩnh-Tường, Sơn-Tây (K. Đ. V. S. cuốn II)

(3) « . . . Đến đâu, như gió lướt đến đấy...» —

(4) «... Thứ-sử Giao-Chỉ và các Thái-Thú chỉ giữ thoát được thân ! . . » (Lời chép thêm của K. Đ. V. S.)

(5) K. Đ. V. S. chép thêm « . . . đốc bọn Lâu-thuyền tướng-quân Đoàn-Chí cùng...»

(7) Lãng-Bạc cũng gọi là Dâm-Đàm. Lê đổi tên là Tây-hồ. Tức hồ Tây Hà-Nội ngày nay.

(7) Theo *Thủy kinh chú* của L. Đ. N. ; « Cấm-khê, sách *Việt-Chí* chép là Kim-Khê, ở phía Tây nam huyện My - Linh. » *Nam-Việt-Chí* của Thẩm-Hoài-Đạo chép rằng : « Trưng-Trắc chạy vào miền trong thác Kim-Khê, hai năm mới bắt được. » Chương-Hoài thái-tử Hiền chua : « Nay là đất huyện Tân-Xương thuộc Phong-Châu. » Coi vậy thì Cấm-khê ở vào hạt Vĩnh-Tường (Sơn Tây), nhưng không rõ đích ở chỗ nào. Sử-cũ cho là ở Châu-Lộc (Nghệ-An) là lầm.

(8) Lời phê của vua Tự Đức : «Hai bà Trưng lấy là trang mặc xống, cài thoa, vậy mà có được lòng hùng, làm nên việc nghĩa rung động cả triều-đình vua Hán ! Tuy thế non, vận dủi, cũng đủ làm cho hăng-hái lòng người, soi sáng sử xanh ! Kìa bọn đàn-ông râu-mày, chịu mặt giầy khép áo thờ người, há chẳng cũng chết vì xấu-hổ ? »

ĐỜI THUỘC ĐÔNG-HÁN

Quý-Mão, năm thứ tư, — *năm thứ 19 hiệu K. V. bên Hán* (43) — mùa Xuân, tháng Giêng, Trưng-Nữ-Vương và em là Nhị, đánh nhau cầm-cự với quân Hán, vì thế cô, đều bị thua và mất. Mã-Viện đuổi theo, đánh các quân thừa là bọn bà Đô-Dương. Tới huyện Cư-Phong, (1) họ đầu hàng. Bèn lập đồng-trụ (2) ghi bờ-cõi tận-cùng của Hán. — *Đồng-Trụ, tương truyền ở trên động Cổ Lâu (3) thuộc Khâm-Châu. Viện có lời nguyền rằng : « Đồng-trụ chiết (gẫy) Giao-châu sẽ diệt ! » Người nước ta đi qua bên dưới thường lấy đá đắp thêm vào bèn thành ra ngọn núi ! Ấy là vì sợ nó gẫy !*

Mã-Tông An-nam Đô-hộ đời Đường lại

dựng hai đồng-trụ ở chỗ cũ đời Hán, ghi công đức Mã Viện để tỏ mình là dòng dõi Phục Ba. Nay chưa rõ là ở chỗ nào « Hai sông Tả, Hữu, đáng phải có một » (?) — Viện thấy huyện Tây-Vu có ba vạn, ba nghìn nhân xin chia làm hai huyện Phong-Khê, Vọng-Hải. Vua Hán ưng cho. Viện lại (4) đắp thành Kiền-Giang ở Phong-khê. Thành ấy tròn như cái kén (Kiền), cho nên lấy làm tên. Nước Việt ta bèn thuộc về Hán. Sau hai năm Viện về. Dân bản-thổ thương mến Trưng Nữ-Vương, lập đền thờ phụng bà. — *Đền ở xã Hát giang huyện Phúc-Lộc. Cả ở thành trên đất Phiên Ngu cũ cũng có.* (5)

Sử thần Ngô Sĩ-Liên bàn rằng :

Bà Trưng giận sự tàn-ngược của viên Thái-Thú bên Hán, vung cánh hô một tiếng mà quốc-thống nước Việt ta đã xuýt gây lại được ! Khí-khái anh hùng há-rằng chỉ lúc sống là làm được vua, dựng được nước ! . . . Sau khi mất cũng còn chống chọi, chở-che được mọi điều tai nạn ! Phàm khi lụt lội, đại-hạn, hay gặp cơn tạt-dịch, cầu đảo không bao giờ là không linh-ứng ! Bà Trưng em cũng vậy ! . . . Ấy là vì đàn bà mà có nết đàn ông. . . Mà khí khái anh hùng ở trong Trời, Đất, chẳng vì có mình đã mất mà chịu nhụt ! Hạng đại-trượng-phu há có thể chẳng

nuôi lấy cái khí thẳng ngay, cứng mạnh đó sao ?

Giáp - Thìn, — *năm thứ 20 hiệu K. V. bên H.* — từ đây về sau, qua Minh-đế, Chương-đế, Hòa-đế, Thương-đế, An-đế bên Hán, gồm 5 đời vua, cộng 82 năm. Chỉ có đời Minh-Đế, có người Nam-Dương là Lý - Thiện, (5 bis) coi Nhật-Nam, làm việc lấy thương-yêu làm lòng, và khéo chiêu-dụ các dân khác phong - tục. Sau dời sang làm Thái-Thú Cửu-Chân. (6-7)

Bính - Tý, — *năm đầu hiệu Vĩnh Hòa đời Hán Thuận-đế Bảo* (136) — Thái - Thú là Chu-Sưởng cho Giao - Châu là ở xa Chín Châu, ở ngoài Bách Việt, dâng biểu xin đặt ra Phương-Bá. Vua Hán cất Sưởng làm Thứ-sử, coi cả các quận, huyện. (8)

Đinh - Sửu, — *năm thứ 2 hiệu V. H. bên H.* (131).— Dân mán ở Tượng-lâm, thuộc Nhật Nam — *đất nước Việt Thường xưa*, — là bọn Khu-Liên, đánh các quận, huyện, giết các trưởng lại (quan coi đầu huyện). Thứ-sử Giao-châu là Phàn-Diễn đem quân trong châu cùng quân Cửu-châu hơn vạn người sang cứu. Quân lính sợ đi xa, mùa Thu, tháng Bảy, quân hai quận quay lại đánh phủ-trị (đinh Thứ-sử) ! (9) Thế chúng ngày thêm mạnh!

Mậu - Dần, — *năm thứ 3 hiệu V. H. bên H.* (138) — mùa Hè, tháng năm, Thị-Ngự-sử là Giả-

Xương (10) cùng các châu, quận hợp sức đẹp bọn Khu-Liên không nổi, bị chúng vây đánh hơn năm, quân và thóc không đường tiếp-tế. Vua Hán vời Công, Khanh, trăm quan, cùng thuộc lại bốn phủ, hỏi về phương-lược đối phó. Họ đều bàn nên sai tướng đem bốn vạn quân ở Kinh, Dương, Duyện, Dự sang... Lý-Cố (11) bác đi mà rằng: « Bọn trộm cướp ở Kinh, Dương, cố-kết chưa tan. Tràng Sa, Quế-Dương thường bị lấy linh. Nếu lại khuấy động đến, tất sinh thêm mối lo! Dân ở Duyện, Dự mà thình linh bắt đi xa hàng muôn dặm, chiếu vua thúc dục, chúng tất làm phản hay trốn tránh! Miền Nam nắng bức, ẩm thấp, lại thêm nước độc, bệnh dịch, làm cho mười người tất chết đến bốn, năm! Đi xa muôn dặm, quân lính mệt nhoài! Sang đến Lĩnh-Nam, không còn có thể đánh được nữa! Quân đi ngày, ba chục dặm, mà Nhật-Nam cách Duyện, Dự hơn chín nghìn dặm, ba trăm ngày mới tới nơi! Tính ra mỗi người năm thăng lương, phải dùng gạo đến sáu mươi vạn hộc! Ấy là không kể đến cái ăn của quan, tướng, lừa, ngựa. (12) Nếu quân đi tới nơi, số chết nhiều quá, đã không đủ chống giặc, tất lại phải lấy nữa! Thế là cắt tim, bụng để vá cho chân, tay! Cửu-chân, Nhật-Nam, cách nhau nghìn dặm... Lấy quan, dân ở đấy, chúng còn chẳng chịu nổi, nữa là lại làm khổ quân lính ở bốn châu để cứu đám loạn xa hàng

muôn dặm! Trước kia Trung-Lang tướng Doãn-Tựu đi đánh dân Khương làm phản ở Ích-châu. Dân Ích-châu có câu vè rằng: « Giặc đến kể còn khá! Doãn đến, ta chết cả! » Sau Tựu bị triệu về, đem quân giao cho Châu-Phán (13) là Trương-Kiên. Kiên dùng ngay các quan, các tướng ở đấy, trong vài tuần, trừ diệt hết bọn giặc. Đó là cái chứng cớ: Phái tướng võ ích, mà các viên châu, quận có thể dùng được việc. Vậy nên: Lại kén những người có tài thao-lược, có dạ nhân-từ, có thể làm nổi tướng soái, cho sang làm Thứ-sử, Thái-Thú. (14) Dời quan, dân Nhật-Nam về Bắc nương nhờ đất Giao-chỉ. Rồi mộ những dân mán-mọi cho chúng đánh lẫn nhau! Vận tải vàng lụa, tư cấp cho chúng. Có kẻ nào làm được lối phản gián để chiêu được quân giặc ra hàng, thì xé đất mà phong cho! (15) Viên nguyên Thứ-sử Tinh-Châu là Chúc-Lương tính quả quyết. Trương-Kiên khi xưa ở Ích-châu có công phá giặc. Ay đều là những người có thể dùng được. » (16) Bốn phủ đều theo lời bàn của Cố. Liền cho Chúc-Lương làm Thái-Thú Cửu-chân; Trương-Kiên làm Thứ-sử Giao-châu. Kiên tới nơi, mở lòng thành yên ủi và dỗ dành. Chúng đều hàng phục. Lương-đi xe một đến Cửu-chân, (17) bảo cho biết cái và tín. Ra hàng có đến vài vạn người. (18)

Giáp-Thân, — *năm đầu hiệu Kiến Khang*

bên Hán (144) — **mùa** Thu, tháng Tám, vua Hán mất.

Mùa Đông, tháng Mười, dân Nhật-Nam lại đánh, đốt các quận, huyện. Thứ-sử Cửu-Chân (19) là Hạ-Phương chiêu bọn đầu-hàng mà phủ-dụ chúng. Sau đổi sang làm Thái - Thú Quế - Dương và lấy Lưu-Tảo sang thay.

Canh-Tý — *năm thứ 2 hiệu Nguyên Gia* (20) *đời Hán* Hoàn *đế Chí* (160) — mùa Đông, tháng Mười Một, người quận Cửu-Chân lại đóng chiếm Nhật-Nam, (21) quân ngày một đông và mạnh. Khi ấy Hạ Phương đã dời sang làm Thái-Thú Quế - Dương. Nhân lại cho làm Thứ - sử. Phương ân, oai vốn tỏ-rõ. Khi đến Nhật - Nam, chúng họp nhau hơn vạn người, đem nhau đến hàng với Phương.

Mậu-Ngọ, — *năm đầu hiệu Quang-Hòa đời Hán Linh-đế Hoằng* (178) — Mùa Hè, tháng Tư, người trong Châu cùng dân Mán Ô - Hử (21 bis) làm loạn đã lâu. Mục - Thú là Chu - Ngung không chống nổi. Người trong châu là bọn Lương - Long nhân đó khởi binh phá các quận, huyện, có quân đến vài vạn người.

Tân Dậu, — *năm thứ tư hiệu Q. H. bên H.* (181), — vua Hán sai viên Lệnh Lăng - Lan là Chu-Tuấn, người ở Thượng Ngu thuộc Cối - Kê, sang cứu Ngung. Đường qua quê nhà, Tuấn mộ thêm quân nhà, cùng với quân đem đi năm

nghìn, chia hai lối mà vào. (22) Trước hãy sai người dò xem hư-thực, tuyên-dương oai-đức, để rung động lòng người. Rồi đó cùng quân bầy quận tiến sát đến, đánh giết Lương-Long. Ra hàng đến vài vạn người. (23)

Giáp-Tý — *năm đầu hiệu Trung-Bình bên* H. (184) — người trong châu họp quân lại, (24) bắt giết Thứ-sử Chu-Ngung, sai người sang cửa khuyết, kể tội-trạng của Ngung! Vua Hán nghe vậy, hạ chiếu kén kỹ các quan lại có tài. Các quan coi việc tiến cử Giả-Tung (25) người Liên-Thành thuộc Đông quận. Bèn cho làm Thứ-sử. *Tung trước làm Ngự-sử.* — Nguyên trước những kẻ làm Thứ-sử, lợi-kỷ thổ sản có những món ngọc trai, lông trả, sừng tê, ngà voi, đồi-mồi, hương lạ, gỗ tốt, thường không ai có nết thanh-liêm!... Của-cải vơ-vét đầy rồi, lại xin đổi, xin thay! Cho nên quan, dân đều không phục mà phản kháng. Khi Tung đến bộ, hỏi đến tình-hình biến-loạn. Họ đều nói: « Hồi trước chính lệnh ngặt, thuế-khóa nặng, trăm họ không ai không túng thiếu. Kính đô xa-xôi không kêu vào đâu được, dân không sống nổi, nên họp nhau để chống lại: thật tình không phải làm loạn! » Tung bèn sai người chia nhau đi các ngả để phủ-dụ và yên-ủi, khiến họ đều yên nghiệp làm ăn. Lại xá bớt sưu-thuế, chiêu-tập những dân bơ-vơ. Rồi đó bắt giết những kẻ đầu

sở làm những việc ngặt-nghèo, tàn-ác ; kén các quan lại tốt cho coi việc các quận, huyện. Thế là trăm họ được yên. Phố-phường vì chuyện ấy có câu hát rằng :

« Ông Giả sang muộn !
« Trước ta lộn-xộn !
« Giờ thấy thanh-bình,
« Chả dám lại nhộn ! »

Tung coi việc ba năm, triệu về cho làm Nghị-Lang và cử Lý-Tiến lên thay. — *Lý Tiến là người châu Giao ta.*

Bính-Dần, *năm thứ ba hiệu* T. *B. bên H.* (186).

Lê văn Hưu bàn rằng :

Xem sử đến hồi nước Việt ta vô-chủ, bị những viên thứ-sử Tầu không có nết thanh-liêm làm cho khốn đốn ; đất Bắc-kinh xa thẳm, không còn kêu đâu được ! bất-giác trong lòng vừa cảm, vừa thẹn ! Muốn bắt-chước như Minh-Tông đời Hậu-Đường, mong đem tấm lòng thành trong-trắng, thắp hương khấn Trời, xin Trời vì nước Việt ta, sớm sinh ra bậc thánh-nhân để tự làm vua nước mình, cho khỏi cái nạn người Tầu bóc-lột ! . .

Trở lên thuộc về Hán từ Quý-Mão đến Bính-Dần gồm 144 năm.

Phụ chú

(1) Tên huyện, đặt ra từ đời Hán, thuộc Cửu-Chân. Đời Tam-Quốc, thuộc nước Ngô, đổi là Di-Phong. Từ Tống, Tề về sau là quận-trì Cửu-Chân. Tùy bỏ tên huyện, cho thuộc về Ái-châu. Đường, trước thuộc châu Nam-Lục, sau thuộc huyện Nhật-Nam. Theo *Giao-Châu ký* của Tăng-Cần : « Cư-Phong có trái núi có con trâu vàng, thường hiện lên ban đêm ! Trên núi lại có *cửa gió*, cửa lúc nào cũng có gió ! » Nay thuộc tỉnh Thanh-Hóa. Sử cũ cho là thuộc châu Vũ-Ninh (Bắc-Giang) là lầm. (K. Đ. V. S.)

(2) Theo *Thủy-kinh chú* thì Đồng-Trụ lại gọi là *Kim Tiên*. Sử Tùy chép : « Lưu-Phương đánh Lâm-Ấp, qua đồng-trụ của Mã-Viện sang Nam tám ngày đến đô-thành nước ấy ». *Thông-điển* của Đỗ-Hựu chép : « Phía Nam Lâm-Ấp, đường thủy, đường bộ qua hơn hai nghìn dặm đến Tây-Đồ-Di là nơi Mã-Viện đặt hai đồng-trụ để nêu bờ cõi ». *Tân-Đường thư* chép : « Lâm-Ấp có châu Bôn-Đà-Lãng. Bãi lớn phía Nam có 5 đồng-trụ. Hình núi như chiếc tàn nghiêng. Phía Tây là mấy trùng núi. Phía Đông là biển cả. Do Mã-Viện đời Hán trồng. » *Thái bình hoàn vũ ký* chép : « Mã-Viện đánh Lâm-Ấp. Từ Nhật Nam đi hơn bốn trăm dặm tới Lâm-Ấp. Lại hơn hai mươi dặm có nước Tây-Đồ-Di. Viện đến nước ấy,

lập hai đồng-trụ ở chỗ biên-giới Tượng-Lâm, giáp với đất Tây-Đồ-Di. Đường thủy thì đi từ Nam-Hải, hơn ba nghìn dặm tới Lâm-Ấp ; năm nghìn dặm đến đồng-trụ của Giao-Châu ». Dã-sử chép : « Phú-An có sông Đà-Diễn. Phía Nam có bãi lớn. Phía Tây-Nam bãi có núi Thạch-Bi, chu-vi chừng mười dặm ; phía Tây liền với rẫy núi lớn. Núi non chồng chất ; phía Đông dòm xuống biển. Trên đỉnh núi, một tảng đá một mình đứng cao vót...» Cứ như điều chép trong các sách Thông-Điển, Đường-Chí thì Đồng trụ có lẽ ở đấy. Thế nhưng trên đỉnh núi ấy, tảng đá một cao đến mười trượng, rộng sáu, bầy trượng. Dân ở gần núi cho tảng đá trên núi là một ngọn núi trời sinh, chứ không phải người dựng. *Thủy-kinh chú* cho là « núi, sông dời đổi, đồng-trụ đã chìm vào trong biển ». Hoặc-giả có lẽ thế chăng ? (K. Đ. V. S.)

(3) « Cổ-Lâu », *Đại-Thanh Nhất-Thống chí* chép là « Cổ-Sâm ».

(4) K. Đ. V. S. chép thêm : « Viện lại dựng thành quách, đào giếng, lập ấp, và đắp thành Kiển-giang... — Theo *Đại-Thanh N. T. C.* : Thành Kiển-giang, thành Vọng-Hải ở huyện Yên-Lãng... Mã-Viện đắp hai thành ấy ở hai huyện Vọng-Hải, Phong-Khê. — Huyện Tây-Vu, đời Hán đặt, thuộc Giao-chỉ. »

(5) Đền Trưng-vương ở xã Hát-Môn huyện Phúc-Thọ ngày nay. (K. Đ. V. S.) Vì thần chết trận, nên tế tự kiêng dùng mầu đỏ. Các đồ thờ trong đền đều sơn đen (Đại-Nam Nhất Thống chí).

(5 bis) *Hậu Hán độc-hạnh truyện* : Lý-Thiện có nết, có nghĩa. Đời Quang-Vũ, vời cho làm Thái-tử xá nhân. Đời Minh-Đế cất vào Công-phủ. Vì có tài trị việc phiền bận, được cất làm Thái-Thú Nhật-Nam. Sau đổi sang Cửu-nhân, chưa tới nơi thì mất.

(6) « Trải mấy đời mà quan lại giỏi chỉ có một người, chắc là ghi chép có sót ». (K. Đ. V. S.)

(7) *Khâm Định Việt Sử* chép thêm :

« Nhâm Dần, *năm thứ 14 hiệu Vĩnh Nguyên đời Hán Hòa-Đế* (102), Hán bắt đầu đặt viên quan Tương-binh Trưởng-sử ở Tượng-Lâm.

« Theo *Hậu Hán-thư* : Nguyên trước hơn ba nghìn người ở Tượng-Lâm (Nhật-Nam) cướp bóc trăm họ, đốt cháy dinh quan. Quận huyện cất quân đánh, chém được kẻ chúa trùm, quân thừa mới xin hàng. Vì thế đặt ra viên Tương-binh trưởng-sử ở Tượng-Lâm, đề phòng nạn ấy.

« Tượng-Lâm tên huyện, thuộc quận Nhật-Nam. Cuối đời Hán thuộc đất nước Lâm-Ấp.

« Giáp-Dần, *năm đầu hiệu Nguyên-Sơ vua Hán An đế* (114) mùa Xuân, tháng Hai, đất Nhật-Nam sụt, dài hơn trăm dặm ».

(8) « Xét trong *Hậu-Hán Bách-quan chí* có chép : « Ngoài có 12 châu. Mỗi châu một người thứ sử, trật lương sáu trăm thạch. Tứ Vũ-đế mới đặt ra 13 người thứ-sử, đem sáu điều trong chiếu-thư, xét các châu, chỉ vạch những việc phi pháp. Tức là chức Giám - quận Ngự - sử đời Tần. Đến năm đầu hiệu Tuy - Hòa đời Thành - đế, cho là Thứ-sử ở ngôi hạ đại phu, mà coi xét các việc quan ăn hai nghìn hộc lương (nhị - thiên - thạch) nặng nhẹ không hợp nhau, bèn lại đặt các viên Châu-mục, trật hai nghìn hộc, ngôi ở dưới chín Khanh. Năm thứ 2 hiệu Kiến-bình đời Ai-đế, bãi chức Châu mục, lại đặt là Thứ-sử. Năm thứ 2 hiệu Nguyên-Thọ, lại đổi làm Châu-mục. Năm thứ 18 hiệu Kiến-Vũ đời vua Quang - Võ lại đặt 12 người Thứ-sử, mỗi người coi một châu. Còn một châu thì thuộc về viên Tư-Lệ hiệu-úy. Kịp đến hồi Trung-Bình đời Linh-đế, cho là bốn phương nổi lên giặc giã, là do Thứ-sử kém oai, bèn đổi đặt chức Mục - bá. Kén trong các quan Khanh, các quan Thượng-Thư cho ra làm Châu-Mục. Không bao lâu, Hiến-đế lại bỏ Giao-châu cho thuộc về Kinh-châu, mà Châu-mục là Lưu-Biểu lại tự đặt ra chức Thứ-sử. Có Châu-mục, lại có Thứ-sử, bắt đầu từ đấy. » Coi đó thì chức quan đặt ra, khi rằng Châu-Mục, khi rằng Thái - sử, trước sau thay đổi danh - hiệu khác nhau, nhưng cùng là viên trưởng-quan coi các quận, huyện cả. Đến như

tên Giao-Châu, xét trong sách *Cương - Mục* (sử Tầu) chép rõ, thì từ năm thứ 8 hiệu Kiến - An về sau, mới gọi là Giao - Châu. Còn trước đó chỉ gọi là « quan Mục Giao-Chỉ », quan « Thứ sử Giao-Chỉ ». Trong *Tấn-Chí* có chép : « Khoảng đời Thuận-đế, Thái-Thú Giao-Chỉ là Chu-Sưởng, xin lập làm châu. Triều đình bàn không cho, liền bổ Sưởng làm Thứ-sử Giao-Chỉ. Đến năm thứ 8 hiệu Kiến - An đời Hiến - đế. Thứ - sử là Trương - Tân, Thái - Thú là Sĩ-Nhiếp cùng dâng biểu xin lập làm Châu, bèn đặt Giao - Chỉ làm Giao-Châu, mà cho Tân làm quan Mục Giao-Châu. Tên Giao-Châu bắt đầu từ đấy. » Sử cũ ngay năm thứ 5 hiệu Kiện - Vũ đã chép : « Quan Mục Giao Châu là Đặng-Nhượng sai sứ dâng cống » ; năm thứ 2 hiệu Vĩnh - Hòa lại chép : « Trương Kiều làm Thứ-sử Giao-Châu » ; chắc là chưa hề xét kỹ. Vậy nay cải chính ». — Sáu điều : 1) Các họ cường-hào, ruộng, nhà quá phép ; lấy mạnh lấn yếu ; lấy nhiều hiếp ít. 2) Các viên nhị-thiên-thạch không vâng tờ chiếu ; không theo điển-chế ; trái công, chăm tư ; bóp - nặn làm điều gian. 3) Các viên nhị-thiên-thạch không áy - náy đến các án ngờ ; hống - hách giết người ; giận thì gia phạt ; thích thì ban thưởng ; phiền-nhiễu, bạo ngược, bóc - lột dân đen, bị trăm họ oán ghét. Núi lở, đá nứt, bầy chuyện điềm lành, điềm dữ. 4) Các viên nhị-thiên-thạch tuyển - bổ

không công ; cẩu-thả theo lòng yêu-thích ; che lấp kẻ giỏi ; quý trọng kẻ ngu dần. 5) Con, em các viên nhị-thiên-thạch, cậy quyền, cậy thế, thỉnh-thác người giám-sát. 6) Các viên nhị thiên-thạch, trái phép công ; theo bọn dưới ; xu phụ bọn hào cường ; thông hành việc đút-lót ; tổn-hại đến chính-lệnh. — Theo Trương Cửu-Thiều : « Hán đặt chức Thứ-sử Giao-chỉ, đóng ở An-nam, coi 7 quận Nam-Hải, Uất-Lâm, Thương-Ngô, Giao-Chỉ, Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-Phố. » (K. Đ. V. S.)

(9) Hậu Hán-thư chép : « . . . Diễn tuy đánh phá được bọn làm phản, nhưng thế quân Hán ngày thêm mạnh.

(10) H. H. T. chép : « . . . Giả Xương sang sứ Nhật-Nam, bèn cùng các châu, quận » . . .

(11) Làm chức Tòng-sự Trung-lang cho Đại-Trưởng-Quân. (Hậu Hán Thư)

(12) Hậu Hán-thư thêm câu : « Cứ quầy giáp đi chân tới, đã phi-tổn là thế ». . .

(13) Châu-Phán, K. Đ. V. S. cho là lầm, chép đổi là Thứ sử.

(14) H. H. T. chép thêm : « . . . Cho sang cả Giao-Chỉ. Nay Nhật-Nam quân yếu hết thóc, giữ đã không đủ, đánh lại không được, nên nhất-thiết dời cả quan, dân sang Bắc, nương-*nhờ*

Giao - Chỉ. Sau khi việc yên, lại cho về chốn cũ. . . »

(15) H. H. T. chép là : « Có kẻ nào phản-gián bắt được tay đầu sỏ, sẽ xé đất, phong hầu để thưởng cho » !

(16) H. H. T. thêm câu : « . . . Nên cho ngay bọn Lương tiện đường sang nhận-chức ».

(17) H. H. T. chép : « . . . Lương tới Cửu-Chân đi xe một vào trong đám giặc : đặt phương-lược ; đem oai tín mà phủ-dụ, Kẻ đầu hàng vài vạn người. Vì thế ngoài Ngũ-Lĩnh lại yên »

(18) Trương Kiều, người Nam - Dương. Chúc-Lương người Lâm-Tương (Tràng sa). (K. Đ. V. S.)

(19) H. H. T. chép : « Hơn nghìn người ở Nhật Nam, lại đánh đốt huyện ấp, bèn cổ - động, kết-liên với Cửu-Chân.

Thứ - sử là Hạ - Phương mở-ơn chiêu dụ, giặc đều hàng-phục. Lương-Thái-hậu khen công Phương ở giữa Triều-Đình, cất làm Thái-Thú Quế-Dương...» (Hạ-Phương, quê ở Cửu-giang).

(20) K. Đ. V. S. chép là năm thứ 3 hiệu Diên-Huy đời Hoàn-đế.

(21) H. H. T. chép : « Nguyên trước viên Lệnh Cư Phong tham tàn không chán. Người trong huyện là bọn Chu-Đạt cùng dân mưởng họp nhau đánh giết viên lệnh. Quân có tới hơn, năm nghìn người, tiến đánh Cửu - Chân. Thái Thú Cửu-Chân

là Nghệ Thức bị chết tại trận. Hán sai Đô-Úy quận Cửu-Chân là Ngụy-Lãng đánh phá được Nhưng tướng giặc còn đóng giữ Nhật Nam, mà quân dần đông mạnh. Đến bấy giờ lại cho Hạ-Phương làm Thứ-sử. Phương, oai, tin vốn rõ-rệt. Khi tới nơi, giặc trong quận hơn hai vạn, đem nhau đến hàng với Phương.» (Ngụy Lãng người Thượng Ngu, thuộc Cối-Kê, là người công-minh, trung-trực. Sau thăng Thượng-Thư, vì việc *đảng*, bị bãi quan về).

(20 bis) H. H. T., trong *truyện các rợ miền Tây-Nam* chép : « Theo *Nam châu Dị vật chí* của Vạn-Chấn thì : Ô-Hử là tên Đất, ở phía Nam Quảng-châu, phía Bắc Giao-châu. Dân miền ấy thường ra bên đường, dình mò các hành khách, gặp liền kéo nhau ra đánh. Cốt bắt được người để ăn thịt, chứ không thiết gì của-cải ! Chúng nấu thịt người làm món ăn ! Nên lại gọi là *Nước ăn thịt người* !

(22) K. Đ. V. S. chép thêm : « . . . Kki đến đất bản châu, cuốn giáp không tiến vào ngay. . . »

(23) K. Đ. V. S. chép thêm : « Trong vòng một tháng bình-định được hết,»

(24) K. Đ. V. S. chép là « Quãn đồn ở Giao-Chỉ...»

(25) K. Đ. V. S. chép là « Giả-Mạnh Kiên » (Có lẽ Mạnh-Kiên là tên tự của Tung chăng ? »

(26) Lời phê của vua T. Đ : « Xem đây biết đời Hán thật nhiều hiền tài, đời sau không thể sánh-kịp. Khi ấy chưa có khoa'- mục, mà *được người* đông đến như thế ! Càng thấy rõ cái danh lý-học của khoa - mục, nào có gì thêm ích cho việc trị nước ! » (K. Đ. V. S. cuốn II) Những nhân-tài đời Hán là do các làng, các huyện tiến-cử lên. Đôi khi nhà-vua cũng hạ-chiếu cần người, đem thời - sự mà hỏi. Khi ấy ai cũng có quyền dâng thư đáp lại các câu hỏi của nhà-vua. Những thư ấy gọi là « đối sách ». Nhà-vua sẽ lựa trong các người dâng đối - sách ấy mà cất làm quan).

« Giả-Tung. . . , nguyên trước được cử là hiếu-liêm (người có hiếu và liêm - khiết), sau cất làm Doãn đất Kinh-Triệu, có tài chính-trị...

« Ngô-Thời-Sĩ bàn rằng : Xét sử Hán có chép : « Cuối đời Hán, có người quê ở Thượng - Ngu, quận Cối-Kê, tên là Mạnh - Thường, làm Thái-Thú quận Hợp-Phố. Quận ấy không sinh-sản thóc-gạo, nhưng biển thì sẵn các thứ châu - báu. Liền cõi với Giao - Chỉ thường đem sang bán để mua lương-thực. Khi trước các viên Thú, Lệnh, phần nhiều tham - tàn, ép dân mò kiếm không ngần : châu-báu dần-dần dời sang đất quận Giao-Chỉ !... Thường đến quận, bỏ dứt các tệ trước. Hơn năm, châu - báu đi lại trở về ! . . . Trăm họ đều yên nghiệp làm ăn, coi là bậc thần-minh !...» Than ôi !

Nếu trong các quận, các viên quan chăn dân đều là Mạnh - Thường cả, thì dân ta có tội gì mà nổi loạn? » (K. Đ. V. S. cuốn II) (Đây tức là điển *Châu về Hợp Phố*)

TRIỀU SĨ-VƯƠNG

SĨ-VƯƠNG

Ở ngôi bốn mươi năm, thọ chín mươi tuổi.

Vương rộng rãi, nhũn nhặn, lòng người yêu vì. Giữ trọn đất cả nước Việt, để chống với sức mạnh của Ba nước (Tam-Quốc). Đã sáng suốt, lại khôn khéo, đáng kể là một vị chúa giỏi.

Họ Sĩ, húy Nhiếp, tự là Ngạn-Uy, người Quảng-Tín, quận Thương-Ngô. Tổ-tiên người Vấn-Dương nước Lỗ. Hồi loạn Vương-Mãng bên Tầu, chạy tránh sang đất Việt ta. Sáu đời thì đến Vương. Cha là Tứ, làm Thái-Thú Nhật-Nam. Lúc nhỏ du học Kinh-đô bên Hán, theo Lưu-Tử-Kỳ ở Dĩnh-Xuyên, chuyên trị sách Tả-thị Xuân-Thu, có làm lời chua và giải-nghĩa. Được cử là hiếu-liêm, bổ làm chức Thượng-thư-lang, vì việc công mất

quan. Sau khi xong tang cha, được cử là mậu-tài, bổ làm chức Lệnh hạt Vu-Dương, rồi thăng làm Thái-Thú Giao-châu, phong tước Long-Độ đình-hầu. Đóng đô ở . . . Lâu — *tức Long-Biên.* — Sau đời Trần truy-phong là Thiện-Cảm, Gia-Ứng-Linh-vũ-đại-vương.

Đinh Mão, năm đầu, — *năm thứ 4 hiệu Trung-Bình bên Hán* (187) — Vương có ba người em là Nhất, Vỉ, Vũ. Khi ấy Thứ-sử là Chu-Phủ (1) bị giặc mường giết chết, các châu, quận rối-loạn. Vương bèn dâng biểu, xin cho Nhất làm Thái-thú Hợp-phố; Vỉ (2) làm Thái-thú Cửu-chân; Vũ làm Thái-thú Nam-Hải. Vương lượng rộng-rãi, tính trung-hậu, nhún-nhường trọng kẻ sĩ. Người trong nước yêu-vì, đều gọi là « vương ». Các danh-sĩ nhà Hán, lánh nạn sang nương-tựa, kể có hàng trăm.

Canh-Thìn, năm thứ mười bốn, — *năm thứ 5 hiệu Kiến-An đời Hán Hiến-đế Hiệp* (200) — Thứ-sử là Lý-Tiến (3) tâu với vua Hán rằng: « Khắp các bến đất, không ai không phải tôi Nhà-vua »! Nay làm quan ở Triều-đình, đều là người các Trung-châu, chưa từng khuyến-khích các người miền xa. . » Lời lẽ thiết-tha, vin-dẫn nhiều chứng cớ. Vua Hán liền lạ chiếu, cho châu ta nếu có biếu-liêm, mậu-tài (4) thì cho được bổ làm trưởng-lại coi các quận, huyện trong châu. Nhưng không được vào cai-trị Trung-châu.

Tiến lại dâng sớ, xin cho những hiếu-liêm ở châu ta cử lên, được cùng với các bác-sĩ của mười hai châu, lấy nhân tài mà dự vào việc đối sách. Nhưng các quan coi việc, sợ người phương xa ngăng-cản, chê bẻ Triều-đình Trung-quốc, không cho ! Khi ấy người nước Việt ta là Lý-Cầm, làm túc-vệ ở điện-đài. Đến rủ năm, sáu người làng là bọn Bốc-Long, giữa ngày Nguyên-Đán, là ngày muôn nước chầu, họp, phủ-phục trước sân điện mà kêu rằng : « Ơn vua không đều ! . . » Các quan coi việc hỏi duyên cớ. Cầm nói : « Nam-Việt xa xôi hẻo lánh, không được trời cao che đến ! đất giầy chở đến ! Cho nên mưa ngọt không xuống ! Gió mát không bay ! . . . » Lời lẽ thiết-tha khổ - sở. Vua Hán bạ chiếu yên - ủi. Và cất cửa châu ta một người mậu tài làm lệnh huyện Hạ-Dương ; một người hiếu-liêm làm lệnh huyện Lục-Hợp. — *Cầm là người Giao Châu.* Sau Lý-Cầm làm đến Tư - Lệ Hiệu - úy, Trương-Trọng làm đến Thái-thú Kim Thành. Thi ra nhân-tài đất Việt ta được cùng tuyển - cử với người Hán là nhờ Lý - Cầm, Lý - Tiến có cách để mở đường cho vậy. (5) — *Trọng người quận Nhật Nam. Khi mới vào Lạc - Dương. buổi đại-hội ngày Tết Nguyên - Đán, Minh - Đế nhà Tấn hỏi rằng : « Quận Nhật Nam thì quay sang Bắc mới thấy mặt Trời sao ? » Trọng thưa rằng : « Hiện nay có quận Vân-Trung*

Kho sách xưa Quán Ven Đường

(Trong Mây), nào phải đâu thực có thế! Đến như khi hậu ấm-áp bóng mặt trời thường ở trên nhân-dân, thì cái đó có...»

Xét ra trong hiệu Nguyên-Gia đời Tống-Văn đế sang Nam đánh Lâm-Ấp. Tháng năm, dựng nêu nhìn xem thì mặt trời ở phía Bắc cây nêu chín tấc một phân. Ở Giao-châu, thì bóng ở phía Nam cây nêu ba tấc ba phân. Giao châu cách sông Lạc hơn sáu, bảy nghìn dặm. Cây nêu cứ lấy đường giây thẳng, chắc thấp đi nghìn dặm (?) Năm thứ 11 hiệu Khai-Nguyên đời Đường, đo bóng mặt trời ngày Hạ-chí ở Giao châu, thì ở phía Nam cây nêu ba tấc ba phân. Cũng như việc đo trong hiệu Nguyên-Gia. Luận-Hành của Vương-Sung chép rằng: «Quận Nhật-Nam cách Lạc-Dương ngót muôn dặm, vậy ở phía Nam mặt trời!» Lý-Thuyên nói: «Từ An-Nam phủ đến Trường An 7250 dặm». Mạnh-Quân nói: «Lấy bốn phương tính ra, thì An-nam vừa đúng vào đất cuối của Trung-quốc mà thôi!»

Sử-thần Ngô-Sĩ-Liên bàn rằng:

Về lời lẽ, người quân-tử không thể đừng được... Xưa kia... Miệt, vì không có lời lẽ, thì trọn đời sẽ cùng nát với cỏ, cây! Lý-Cầm nếu không có

lời lẽ thì sao có được dùng ở đời? Mà những nhân tài đặc biệt của đất Việt ta, người Tầu có biết sao được? Lời lẽ không thể đừng được là thế đó chăng? Tuy vậy, đó chỉ là nói về nhân-tài.... Như hạng Nhan, Mẫn (học trò giỏi của thầy Khổng) thì không có những lời lẽ ấy!..

Đinh-Hợi, năm thứ hai mươi mốt, — *năm thứ 12 hiệu K. A. bên H* (207) — Viên-Huy (6) bên Hán có đưa cho Thượng-thư-lệnh là Tuân-Úc bức thư nói rằng: « Sĩ phủ-quân bên Giao-châu học hỏi đã giỏi và rộng, lại thông hiểu về chính-sự. Ở trong đời loạn lớn, giữ toàn được quận. Hơn hai mươi năm, bờ cõi không có việc; dân không ai thất nghiệp. Những bọn đến ở nhờ, đều được đội ơn. Dù Đậu-Dung giữ yên Hà-Tây, tuởng cũng không sao hơn được thế. Việc quan hơi rỗi, lại xem sách vở. Nhất là về Truyện Xuân-Thu của họ Tả lại càng sành sỏi, kỹ càng. Tôi thường đem những nghĩa ngờ ở trong Truyện mà hỏi, đều riêng có thuyết của các thầy, ý tứ rất rõ ràng, kín đáo. Lại hiểu rõ về các nghĩa lớn xưa nay của kinh Thượng-Thư. (7) Anh em đều cai trị các quận, hùng-trưởng trong một châu. Ở riêng muôn dặm, oai quyền không ai hơn nữa. Khi ra vào, rung chuông, gõ khánh, sắp đủ lễ-nghi. Kèn, trống, đàn, sáo..., ngựa, xe đầy đường. Dân Mường đón xe thắp hương, thường có vài chục bọn. Các vợ ngồi trong xe;

con, em cưỡi ngựa đem lính theo bầu. Đương thời đều quý - trọng. Trăm giống Mán đều phục oai. Úy-Đà cũng không hơn được ! . . . » — *Huy khi ấy ngụ ở Giao-châu.* — Kịp khi vua Hán sai Trương - Tân sang làm Thứ - sử, (8) — *Tân sang nhậm chức vào năm thứ 6 hiệu Kiến-An bên Hán.* — Tân thích việc lễ bái quỷ-thần, đầu thường trùm chiếc khăn tím ; gẩy đàn ; đốt hương ; đọc sách đạo giáo. . . Nói là có thể giúp cho việc trị dân ! Rồi đó bị tướng bộ-hạ là Khu-Cảnh giết chết. Quan Mục Kinh-châu là Lưu-Biểu sai viên Lệnh Linh-Lăng là Lại-Cung sang thay Tân. (9) Vua Hán nghe tin Tân chết, ban cho Vương tờ tỷ - thư (bức thư có đóng giấu Nhà-vua, tức chiếu thư) rằng : « Giao - châu ở cõi tuyệt xa, Nam liền với các sông, biển ; ơn trên không tỏ rõ ; nghĩa dưới bị che lấp. Trẫm biết tên giặc ngỗ-nghịch là Lưu-Biểu lại sai Lại-Cung sang ròm-rỏ cõi Nam. Vậy nay cho nhà ngươi làm Tuy-nam-Trung-lang-tướng, chủ-trương đốc-xuất cả bầy quận, và vẫn giữ chức Thái-thú Giao-châu như cũ. . . » Vương sai thuộc lại là Trương-Mân, đem đồ cống sang kinh-đô bên Hán. Khi ấy thiên-hạ loạn-lạc, đường lối cách trở, mà Vương không bỏ bổn phận sang cống. Vua Hán lại hạ chiếu, cho làm An-viễn tướng-quân, phong tước Long-độ đình-hầu. Sau quan Thái - Thú Thương-Ngô là Ngô-Cự xích-mích với Lại-Cung, cất quân

Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán, Huỳnh Chiếu Đẳng

đánh đuổi. Cung chạy về Linh-Lăng.

Canh-Dần, năm thứ hai mươi bốn, — *năm thứ 15 hiệu K. A. bên* H. (210) — chúa nước Ngô là Tôn-Quyền sai Bộ - Chất (10) làm Thứ-sử Giao-châu. Chất tới nơi, Vương đem anh, em vâng chịu quyền tiết-độ. Chúa Ngô gia cho Vương chức Tả-tướng quân. Sau Vương sai con là Ngẫm (11) sang làm con tin ở Ngô. Chúa Ngô cho làm Thái-thú Vũ-xương, Còn các con Vương ở miền Nam đều cho làm Trung - lang - tướng. Vương lại giỗ-giành mấy họ Cường - hào ở Ích - châu là bọn Ủng - Khải, bảo đem nhân - dân trong quận qua miền Đông xin thuộc về Ngô. Chúa Ngô càng ngợi-khen, thăng làm Vệ - tướng - quân, và phong làm Long-Biên hầu (12). Vương thường sai sứ sang Ngô, dâng các thứ hương, các thứ vải nhỏ, kể có nghìn ; ngọc trai, ốc lớn, lưu - ly, lông trả, đồi - mồi, sừng - tê, ngà voi, các của quý báu ấy cùng các món quả lạ như chuối, dừa, nhãn, vân vân, không năm nào là không đến. Lại cống tất cả đến vài trăm con ngựa. Chúa Ngô viết thư ban cho rất hậu, để đáp lại và khen lao Vương. (13)

Lê văn Hưu bàn rằng :

Sĩ-vương biết đem lòng khoan-dung, trung-hậu, nhún - nhường trọng kẻ sĩ để được người thân-yêu, làm nên sang trọng một thì. Lại rõ nghĩa, biết thời, tuy tài khỏe không bằng Triệu Vũ-đế,

mà chịu khuất mình thờ nước lớn, để giữ vẹn cõi-bờ. Có thể gọi là người khôn ! Tiếc thay người con nối dòng, không gánh vác nổi nghiệp trước. Để cho đất Việt đã được toàn-thịnh mà lại bị chia-rẽ ! Thương ôi !

Bính - Ngọ, năm thứ bốn mươi, — *năm thứ 4 hiệu Kiến-Hưng đời Hán Hậu-chúa Thiện, và thứ 5 hiệu Hoàng - Vũ đời Ngô Tôn - Quyền* (226) — Vương mất. Nguyên trước Vương mắc bệnh đã chết đi ba ngày. Người tiên là Đổng-Phụng cho một viên thuốc, lấy nước ngậm uống, nâng đầu lay động, một lúc liền mở mắt ; cất nhắc chân, tay ; sắc mặt dần bình - phục lại. Hôm sau ngồi dậy được. Bốn ngày lại nói rõ, rồi đó lại như thường... — *Phụng tự là Xương-Dị, quê ở Hầu - Quan* (Phúc - Kiến). *Việc này chép trong « Liệt-Tiên truyện ».*

Sử-thần Ngô-Sĩ-Liên bàn rằng :

Nước ta hiểu Thi, Thư ; tập Lễ, Nhạc ; thành ra nước văn-hiến, bắt đầu từ Sĩ - Vương. Công-đức Vương chẳng những lan rộng ở đương-thời, mà còn kịp ra đến đời sau, há chẳng lớn lao sao ? Người con không ra gì là tội của người con mà thôi ! Tục truyền sau khi chôn Vương, đến cuối đời Tần, gồm hơn trăm sáu mươi năm, người Lâm - Ấp vào cướp, đào mả Vương lên, thấy thân-thể và nét mặt như còn

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)

sống ! cả sợ ! bèn lại đắp - điếm lại. Dân quanh miền cho là thần, lập miếu thờ, gọi là « ông Tiên-Sĩ-vương ! » Chắc là khi thiêng không nát, cho nên có thể thành thần vậy ! — *Đền ở nơi thành Long-Biên* cũ.

Trở lên triều Sĩ-Vương, đầu từ Đinh-Mão, cuối đến Bính-Ngọ, gồm bốn mươi năm.

Phụ chú

(1) K. Đ. V. S. chép : « Năm Tân-Tỵ, năm thứ 6 hiệu Kiến-An đời Hán Hiến-đế (201), vua Hán cất Trương-Tân làm thứ sử Giao - chỉ. Nguyên trước Thứ-sử là Chu-Phù phần nhiều dùng người làng làm các chức trưởng-lại, hà-hiếp trăm họ, bắt ép dân đóng nặng thuế. Trăm họ oán giận. dấy quân đánh phá châu, quận. Phù chạy vào biển bị dân giết. Vua Hán bèn sai Trương-Tân sang làm Thứ-sử Giao-chỉ.

(2) Theo *Ngô chí*, trong « truyện Sĩ - Nhiếp » thì Vĩ nguyên là Huyện-lệnh Từ-Văn (thuộc Hợp-Phố).

(3) Theo sử chép thì Lý-Tiến làm Thứ-sử bắt đầu từ năm thứ 4 hiệu Trung-Bình (187). Đến năm thứ 6 hiệu Kiến-An (201) thì Thứ-sử là Trương - Tân. Trước Trương - Tân lại còn một đội Thứ-sử nữa là Chu - Phù. Vậy năm thứ 5 hiệu Kiến An (200), cứ lý mà suy, là lúc Chu-

Phủ đương làm Thứ-sử, chứ Lý-Tiến không còn làm nữa. Việc này chắc chép lầm năm. — Theo *Bạch-Việt Tiên Hiền chí*; « Lý-Tiến người ở Cao-Hưng, quận Giao-Chỉ. Sáng suốt hiểu thông Kinh, Truyện, được bổ làm Công-tào trong quận; thăng mãi đến chức Ky-đô-úy. Năm thứ 2 hiệu Vĩnh-Hòa, dân Mán ở Kinh-châu (Hồ Bắc) làm phản. Cho Tiến làm Thái-thú Linh-Lăng, đánh phá được. Trong khoảng Trung-Bình, thay Giả-Mạnh-Kiên làm Thứ sử Giao-chỉ, tâu xin cho Giao-chỉ cũng được theo lệ « cống-sĩ » như các Trung-châu. Sau Nguyễn Cầm (tức Lý-Cầm cũng người Giao-châu) do chân mậu-tài làm quan đến Tư-Lệ Hiệu-Úy. Nhân-tài Giao-Chỉ được cùng tuyển với các Trung-châu, thực bắt đầu từ Tiến ». . .

(4) Về đời Hán, chưa có khoa-cử. Hằng năm các quan địa phương, kén những người trong hạt mình cai-trị, ai có tiếng là hiếu và liêm, thì cho vào hạng *hiếu-liêm*; ai học hành giỏi giang thì cho vào hạng *mậu-tài*; biên lấy tên họ, dâng về Triều-đình, gọi là « Cống-sĩ » (đáng nộp các kẻ sĩ). Khi dùng người, Triều-đình cứ theo đó mà lựa dùng. Nếu cống-sĩ không phải người xứng đáng thì các quan địa-phương có lỗi.

(5) Xét theo *Lĩnh Nam Dị-thư* thì : « Trương-Trọng người ở Hợp-Phố, chăm học, khéo nói, là kẻ sĩ có danh-vọng ở Lĩnh-Nam. Thứ-sử cất lên làm việc trong quận Nhật-Nam, đem sổ vào Lạc-

Dương đăng vua Hán. Minh-đế thấy người loắt-choắt, ngạc-nhiên hỏi : « Tên lại nhỏ kia ở quận nào ? » Trọng lớn tiếng thưa rằng : « Tôi không phải tên lại nhỏ ! Mà là viên lại coi sổ ở Nhật-Nam ! Bệ-hạ muốn được người có tài, hay chỉ cốt cần xương đo thịt ? » Nhà-vua cho câu đối-đáp khéo ! Buổi đại-hội ngày Tết Cả, Nhà-vua hỏi : « Quận Nhật-Nam phải quay sang Bắc mới trông thấy mặt trời sao ? » Trọng thưa : « Các quận có quận Vân-Trung (Trong Mây), quận Kim Thành (Thành Vàng), bất tất đều có thế thật ! Ở Nhật-Nam, mặt Trời cũng mọc từ Đông ! Chỉ có khí-hậu ấm-áp, ngửng trông thường thấy bóng mặt trời ; quan, dân làm nhà ở, tùy ý theo hướng nào thì theo : Đông, Tây, Nam, Bắc, quay mặt, quay lưng không nhất định. . . Nhật-Nam, nghĩa là cõi ấm-áp ở miền Nam, thế thôi ! Nhà vua càng quý-trọng, ban cho vàng lụa. . . » Cứ theo chuyện này, cùng truyện Từ-Trường, người Lệ-Phố, ở về đời Hoàn-đế nhà Hán, ngày thường vẫn tự đọ mình với Trương-Trọng, thì *Trương-Trọng rõ là người về đời Hán Minh-đế*. Mà Lý-Tiến làm thứ-sử, còn ở sau Trương-Trọng đến hơn vài chục năm ! Sử-cũ về chỗ này, lại chép : « . . . Về sau Lý-Cầm. . . ; Trương-Trọng. . . vân vân », chắc là nhận lầm *Hán Minh đế* ra *Tấn Minh đế*. Điều đó thực là sai-suyễn. Vậy nay cải chính. (K. Đ. V. S. cuốn II)

(6) Theo *Ngô chí*, thì Huy quê ở Trần.

(7) K. Đ. V. S. chép theo « Truyện Sĩ-Nhiếp » trong sách *Ngô - chí*, thì bức thư của Huy có đến câu này thôi. Từ câu dưới trở đi là lời người chép sử. Tựu-trung hai bên cũng có hơn, kém nhau một, đôi câu không quan-hệ.

(8) K. Đ. V. S. chép thêm : « Quý-vị, năm thứ 8 hiệu K. A. bên H. (203), Hán đặt Giao - chỉ làm Giao-châu. — Nguyên từ đời Thuận-đế, Thái - Thú Giao-chỉ là Chu-Sưởng xin đặt Giao-Chỉ làm Giao-châu, Triều-đình bàn không cho. Đến khi ấy, Thứ-sử là Trương-Tân, Thái-Thú là Sĩ - Nhiếp cùng dâng biểu xin lập làm châu, bèn đặt Giao - chỉ làm Giao-châu, ngang hàng với các Trung-châu, mà cho Tân làm quan Mục Giao-châu. Tên Giao-châu bắt đầu từ đó ! »

(9) *Ngô - chí* chép thêm : « . . . Khi ấy Thái-Thú Thương-Ngô là Sử - Hoàng chết. Biểu lại sai Ngô-Cự sang thay, cùng đến với Cung. . . »

(10) Bộ-chất người ở Hoài-Âm (Lâm Hoài) (K. Đ. V. S.)

(11) Ngẫm, K. Đ. V. S. chép là Hâm.

(12) Từ đó đất Lĩnh - Nam mới thuộc về Tôn-Quyền. (K. Đ. V. S.)

(13) Lời phê của vua T. Đ. « Sĩ - Nhiếp chỉ là một viên Thái - Thú bên Hán mà thôi ! Xu - mỵ theo thời, chỉ tìm phương tự tiện ! Chả có tài

mạnh, mưu xa gì cả ! Đến nỗi hai đời đã hỏng ! Có gì đáng khen ! Sử cũ cho là Úy - Đà cũng không hơn, chẳng hóa ra lời nói quá ? » — Sĩ-Nhiếp. . . chưa hề xưng vương. Sử cũ chép riêng là một triều, thật không hợp với nghĩa lệ. . . (K. Đ. V. S.)

Hết tập thứ nhất

MỤC LỤC

« ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ »

Tập I (gồm có 3 cuốn)

Cùng bạn đọc	Trang	7
Tựa	—	13
Biểu sách dâng Đ. V. S. K. T. T.	—	17
Phàm lệ về việc sửa soạn Đ. V. S. K. T. T.	—	23
NGOẠI KỶ	—	29
CUỐN THỨ NHẤT	—	31
TRIỆU HỌ HỒNG BÀNG	—	33
Kinh dương Vương	—	33
Lạc long Quân	—	34
Hùng Vương	—	35
TRIỆU THỤC	—	59
An dương Vương	—	59
CUỐN THỨ HAI	—	79
TRIỆU HỌ TRIỆU	—	81
Vũ đế	—	81
Văn Vương	—	98
Minh Vương	—	104
Ai Vương	—	105
Vệ dương Vương	—	111

CUỐN THỨ BA — 121

ĐỜI THUỘC VỀ TÂY HÁN — 123

TRIỆU TRƯNG NỮ VƯƠNG

Trưng Vương — 129

ĐỜI THUỘC ĐÔNG HÁN — 133

TRIỆU SĨ VƯƠNG

Sĩ Vương — 151

Sắp có bán

TRANG TỬ'

NAM HOA KINH

Một nền triết học có hệ-thống chặt chẽ nhất ở nước Tầu.

TRONG GỒM CÓ: Một vũ-trụ-quan phiếm thần mà Tâm và Vật chỉ coi là một — Một nhân-sinh-quan rất vui đời, dám sống, chứ không phải ra đời, trốn trách-nhiệm như nhiều người đã tưởng lầm — Một tâm học rất là thuần-khiết, cao sang — Một phép luận-lý mới mẻ, có thể tìm trong đó thấy lẽ tương-đối, phép biện-chứng và thuyết tiến-hóa.

Dịch theo bản có chú giải của LÂM TÂY TRỌNG, một nhà phê bình có tiếng về đời Thanh.

Trừ bài tổng-luận của người giải, lời dẫn của người dịch, giúp các bạn hiểu qua đại-cương trong sách, ngay khi mới mở sách ra, dưới từng thiên lại có lời giải rất công phu của LÂM TÂY TRỌNG, và lời bàn thêm rất rõ ràng của người dịch.

(Một trong lục tài-tử của Tầu)

Bản dịch của *NHƯỢNG-TỐNG*

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

29, Lamblot — HANOI

SÁCH TÂN VIỆT *29 Lamblot — Hanoi*

TỦ SÁCH TRIẾT HỌC

Triết học Bergson *(hết)* **— Triết học Kant** *(hết)* **— Triết học Nietzsche** *(hết)* **— Triết học Einstein** *(hết)* **— Phật giáo triết học** *in lần thứ hai (hết)* **Siêu hình học** *(giá 5.00)* **Triết học Descartes** *(giá 4.50)* **Triết học Aristote** *(giá 3.80)* **Vương dương Minh** *(hết)* **Triết học nhập môn** *(giá 5$80)*.

TỦ SÁCH DỊCH

Sử Ký Tư mã Thiên *(giá 16.00)* **— Tây sương Ký** *(hết)* **— Thế giới mới** *(hết)* **— Thanh niên trước thế giới mới** *(hết)* **— Nghệ thuật làm việc** *(hết)* **Vườn hồng** *(giá 1.10)* **Nghìn lẻ một đêm** (quyển I đã tái bản 2.50 — các quyển II, III, IV *(đều hết)* — quyển V, 2.50 — quyển VI, 2.50 — quyển VII, 2.80 — **Truyện dị thường** (quyển I, 4.50 — quyển II 4.50) — **Lý tao** *(giá 6.00)* — **Thơ Đỗ Phủ** *(hết)* **Nghìn lẻ một ngày** *(giá 5$)* **Thời thực ký văn** *(giá 7.50)* **Lam sơn thực lục** *(giá 6$00)* **Những kẻ lang thang** *(giá 6$00)*

TỦ SÁCH DANH NHÂN

Thi hào Tagore *(hết)* **Trông giòng sông Vị** *(hết)* **— Văn hào Tolstoi** (2.40) **Nguyễn văn Siêu** *(hết)* **— Học thuyết Freud** (2.50) **Trong 99 chóp núi** *(hết)* **Phiếm luận về Auguste Comte** (3.00) **Ngô vương Quyền** *(hết)*.

LINH TINH

Việt Nam Phật Giáo sử lược (giá 11.50)

Những sự gặp gỡ của Đông Phương và Tây Phương (giá 6.00).

Đàn bà và nhà văn 1p20. Một ngày của Tostoi (hết) Nhạc sĩ tây phương (1p30) - Luận tùng (1p50) - Triết lý về vũ trụ và nhân sinh 2p30 - Chính trị đại Cương (3p70) - Tìm nghĩa văn học (2p20) Vàng sao (2p50) Hát dặm Nghệ Tĩnh (8p00) Trăng ma lầu Việt (3p20).

Đại Việt sử ký toàn
thư tập I in lần thứ
nhất tại nhà in Đông
Dương — Hanoi kiểm
duyệt xong ngày
10 - 1 - 45 giấy phép
của sở I. P. P. cho
ngày 15 - 1 - 45 số 13

大越史記

吳士連編

莫寶悳譯

Bản Blanc Art
Giá 9$50

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)